

Số: 1285/MYH25/VHU/QĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

Căn cứ Quyết định số 517/TTg ngày 11 tháng 7 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn Hiến; Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Văn Hiến;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Văn Hiến;

Căn cứ Biên bản họp số 02/MYH25/VHU-HĐKHĐT/BB ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Văn Hiến về việc lấy ý kiến và thông qua các chương trình đào tạo chính quy sau ra soát, cải tiến;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng (Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ khóa tuyển sinh 2025. Trong quá trình thực hiện, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn có nhiệm vụ báo cáo, đánh giá, đề xuất các cập nhật theo quy định của Trường Đại học Văn Hiến và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Giám đốc Ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. 

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Thường trực HĐT (để b/c);
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: VT, QLĐT.



PGS.TS. Trần Huy Hoàng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1285/MYH25/VHU/QĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)

Ngành đào tạo : Quan hệ công chúng; Mã số: 7320108
Đơn vị cấp bằng : Trường Đại học Văn Hiến
Đơn vị đào tạo : Trường Đại học Văn Hiến
Trình độ đào tạo : Đại học
Định hướng đào tạo: Ứng dụng
Hình thức đào tạo : Chính quy
Thời gian đào tạo : 4 năm
Ngôn ngữ đào tạo : Tiếng Việt

1. Mục tiêu đào tạo (PEOs)

Đào tạo cử nhân ngành Quan hệ công chúng theo định hướng ứng dụng có phẩm chất đạo đức, trách nhiệm xã hội, năng lực tự học và khả năng thích ứng với môi trường truyền thông hiện đại; có kiến thức nền tảng về chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, truyền thông và quan hệ công chúng; có khả năng phân tích bối cảnh truyền thông, hoạch định, triển khai, sản xuất nội dung, tổ chức sự kiện, quản trị chiến dịch quan hệ công chúng và đánh giá hiệu quả truyền thông trong các bối cảnh tổ chức đa dạng. Người học sử dụng được công cụ số, nền tảng truyền thông, dữ liệu và tiếng Anh trong giao tiếp, phối hợp công việc và cập nhật tri thức nghề nghiệp; tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và chuẩn mực nghề quan hệ công chúng; có khả năng học tập suốt đời và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực PR, truyền thông, sự kiện, thương hiệu, báo chí và công nghiệp sáng tạo.

Cử nhân ngành Quan hệ công chúng sau 1–3 năm tốt nghiệp và làm việc trong lĩnh vực phù hợp có khả năng:

PEO1: Đảm nhận được vị trí chuyên viên hoặc tương đương trong lĩnh vực quan hệ công chúng, truyền thông, nội dung số, quan hệ báo chí, truyền thông nội bộ, truyền thông thương hiệu hoặc tổ chức sự kiện; từng bước phát triển năng lực chuyên môn để tham gia điều phối hoạt động PR và truyền thông của tổ chức.

PEO2: Tham gia hoạch định, triển khai, điều phối và đánh giá kế hoạch truyền thông, chiến dịch quan hệ công chúng, chương trình truyền thông thương hiệu, truyền thông nội bộ, quan hệ báo chí hoặc sự kiện phù hợp với mục tiêu tổ chức, công chúng mục tiêu, nguồn lực và bối cảnh thực tiễn.

PEO3: Ứng dụng được công cụ số, nền tảng truyền thông, dữ liệu truyền thông, công cụ sáng tạo nội dung và trí tuệ nhân tạo ở mức phù hợp để hỗ trợ phân tích công chúng, sản xuất nội dung, quản trị kênh truyền thông, theo dõi phản hồi và cải tiến hiệu quả hoạt động quan hệ công chúng.

PEO4: Giao tiếp, hợp tác và phối hợp công việc với đồng nghiệp, báo chí, khách hàng, đối tác, cộng đồng và các bên liên quan trong môi trường nghề nghiệp và đa văn hóa; tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động quan hệ công chúng; chủ động học tập, cập nhật ngoại ngữ, công nghệ và tri thức chuyên môn để phát triển nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra:

Người học ngành Quan hệ công chúng sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, tại thời điểm tốt nghiệp, có thể:

2.1. PLOs thuộc Kiến thức (Cognitive Domain)

Mã PLO	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Mức Bloom
PLO1	Apply political, economic, and socio-cultural knowledge to analyze public relations issues in organizational and social contexts.	Vận dụng được kiến thức chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội để phân tích các vấn đề quan hệ công chúng trong bối cảnh tổ chức và xã hội.	C3 – Apply / Vận dụng
PLO2	Analyze communication theories, media systems, public behavior, and stakeholder relations in professional public relations contexts.	Phân tích được lý thuyết truyền thông, hệ thống truyền thông, hành vi công chúng và quan hệ với các bên liên quan trong bối cảnh nghề nghiệp quan hệ công chúng.	C4 – Analyze / Phân tích
PLO3	Evaluate communication strategies, media content, public relations activities, and stakeholder feedback in organizational environments.	Đánh giá được chiến lược truyền thông, nội dung truyền thông, hoạt động quan hệ công chúng và phản hồi của các bên liên quan trong môi trường tổ chức.	C5 – Evaluate / Đánh giá
PLO4	Design integrated public relations campaigns, communication plans, and event-based communication solutions in	Thiết kế được chiến dịch quan hệ công chúng tích hợp, kế hoạch truyền thông và giải pháp truyền thông gắn với sự	C6 – Create/Design / Thiết kế

Mã PLO	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Mức Bloom
	diverse organizational contexts.	kiện trong các bối cảnh tổ chức đa dạng.	

2.2. PLOs thuộc Kỹ năng (Psychomotor Domain)

Mã PLO	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Mức Bloom
PLO5	Produce media and public relations products across multiple platforms and formats to meet the communication objectives of organizations.	Sản xuất được sản phẩm truyền thông và quan hệ công chúng trên nhiều nền tảng và định dạng nhằm đáp ứng mục tiêu truyền thông của tổ chức.	P4 – Coordinate / Phối hợp
PLO6	Implement and coordinate communication plans, public relations programs, and events by using digital tools, communication data, media platforms, and English at a minimum of Level 3/6 according to the Vietnamese Foreign Language Competency Framework or an equivalent standard for professional communication and work coordination in the field of public relations.	Triển khai và điều phối được kế hoạch truyền thông, chương trình quan hệ công chúng và sự kiện bằng công cụ số, dữ liệu truyền thông, nền tảng truyền thông và tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương để giao tiếp nghề nghiệp và phối hợp công việc trong lĩnh vực quan hệ công chúng.	P4 – Coordinate / Phối hợp

2.3. PLOs thuộc Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm (Affective Domain)

Mã PLO	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Mức Bloom
PLO7	Collaborate effectively with stakeholders, working groups, communities, the press, partners, and customers in professional	Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan, nhóm làm việc, cộng đồng, báo chí, đối tác và khách hàng trong môi trường	A3/A4 – Valuing/Organizing / Tổ chức giá trị

Mã PLO	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Mức Bloom
	and multicultural public relations environments.	quan hệ công chúng chuyên nghiệp và đa văn hóa.	
PLO8	Demonstrate professional ethics, legal awareness, social responsibility, transparency, respect for stakeholders, and accountability in public relations practices.	Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, ý thức pháp luật, trách nhiệm xã hội, tính minh bạch, sự tôn trọng các bên liên quan và trách nhiệm giải trình trong hoạt động quan hệ công chúng.	A4 – Organizing values / Tổ chức giá trị

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng, người học có đủ năng lực để đảm nhận các vị trí việc làm tại các doanh nghiệp truyền thông, công ty tổ chức sự kiện, các cơ quan/tổ chức có bộ phận Truyền thông hoặc các cơ quan báo, tạp chí, hãng thông tấn, đài phát thanh, đài truyền hình và các kênh truyền thông.

Nhóm 1: Vị trí chung cho ngành Quan hệ công chúng

- **Chuyên viên/Chuyên gia PR:** Quản lý và từng bước dẫn dắt hoạt động quan hệ báo chí, cộng đồng, truyền thông nội bộ và tổ chức sự kiện.
- **Phóng viên/Biên tập viên/Nội dung truyền thông:** Sản xuất, biên tập và quản lý nội dung trên các nền tảng báo chí và truyền thông số.
- **Chuyên viên phân tích và tư vấn PR:** Phân tích môi trường truyền thông, hoạch định và triển khai chiến lược, tư vấn giải pháp truyền thông.
- **Chuyên viên marketing – truyền thông tích hợp:** Hoạch định, triển khai và quản lý hoạt động marketing, quảng cáo và truyền thông.
- **Nghiên cứu và giảng dạy:** Tham gia nghiên cứu, giảng dạy và phát triển thành chuyên gia trong lĩnh vực truyền thông và PR.

Nhóm 2: Chuyên ngành Truyền thông và sáng tạo nội dung (Media and Content Creation)

- **Chuyên viên sáng tạo nội dung (Content Creator/Copywriter):** Sáng tạo, sản xuất và quản lý nội dung trên các nền tảng số (báo chí, mạng xã hội, website).
- **Chuyên viên truyền thông số (Digital Content/Media):** Triển khai và tối ưu nội dung truyền thông trên các kênh số, thích ứng xu hướng truyền thông đa nền tảng.
- **Biên tập viên/Nhà sản xuất nội dung:** Biên tập, phát triển và kiểm soát chất lượng nội dung truyền thông trên các phương tiện báo chí và đa phương tiện.

- **Chuyên viên marketing nội dung (Content Marketing):** Xây dựng và triển khai nội dung phục vụ chiến lược marketing và phát triển thương hiệu.

- **Chuyên viên quản lý nội dung (Content/Community Manager):** Quản lý nội dung, tương tác công chúng và phát triển cộng đồng trên các nền tảng truyền thông.

Nhóm 2: Chuyên ngành Tổ chức sự kiện (Event Management)

- **Chuyên viên tổ chức sự kiện (Event Executive):** Lập kế hoạch, triển khai và điều phối các sự kiện truyền thông, doanh nghiệp.

- **Chuyên viên quản lý sự kiện (Event Manager):** Quản lý và giám sát toàn bộ quy trình tổ chức sự kiện, ngân sách và nhân sự.

- **Chuyên viên truyền thông sự kiện:** Xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông cho sự kiện trước, trong và sau chương trình.

- **Chuyên viên quan hệ đối tác/tài trợ:** Tìm kiếm, đàm phán và quản lý tài trợ, đối tác cho các hoạt động sự kiện.

- **Điều phối viên sự kiện (Event Coordinator):** Điều phối hoạt động, nhân sự và xử lý tình huống trong quá trình tổ chức sự kiện

Ma trận mối liên hệ giữa Vị trí việc làm và Mục tiêu đào tạo (PEOs)

Sự tương quan giữa các nhóm vị trí việc làm và các mục tiêu đào tạo trung hạn (sau 1-3 năm tốt nghiệp) được thể hiện qua bảng dưới đây:

Vị trí việc làm / Nhóm công việc	PEO1: Nghề nghiệp và dẫn dắt	PEO2: Hoạch định và quản trị truyền thông	PEO3: Đổi mới sáng tạo và công nghệ	PEO4: Hội nhập và trách nhiệm xã hội
Chuyên viên/ Chuyên gia PR	X	X	X	X
Phóng viên/Biên tập viên/Nội dung truyền thông	X	X	X	
Chuyên viên phân tích và tư vấn PR	X	X	X	X
Chuyên viên marketing – truyền thông tích hợp	X	X	X	
Nghiên cứu và giảng dạy	X		X	X

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp chương trình Cử nhân Quan hệ công chúng, người học có nền tảng vững chắc về tư duy truyền thông, năng lực tự học và nghiên cứu, có khả năng tiếp tục phát triển theo các lộ trình sau:

- **Đào tạo trình độ cao hơn:** Người học có đủ năng lực theo học các chương trình Thạc sĩ, Tiến sĩ trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực:

- Quan hệ công chúng (Public Relations)
- Truyền thông (Communication, Media Studies)
- Báo chí (Journalism)
- Marketing, Truyền thông marketing tích hợp (IMC)
- Quản trị thương hiệu (Brand Management)
- Quản trị truyền thông và sự kiện

- **Người học có khả năng đạt các chứng chỉ chuyên nghiệp** trong lĩnh vực truyền thông, PR và marketing số, tiêu biểu như:

- Google Digital Marketing, Meta Marketing
- CIM (Marketing), PRCA (PR chuyên nghiệp)
- Adobe (thiết kế nội dung), UX/UI (Google/Coursera)
- Chứng chỉ quản lý sự kiện quốc tế (CMP)

- **Tự học và làm chủ xu hướng truyền thông mới:** Người học có khả năng tự nghiên cứu, cập nhật và ứng dụng các xu hướng truyền thông hiện đại như:

- Truyền thông số và đa nền tảng (Digital & Multi-platform Communication)
- Trí tuệ nhân tạo trong truyền thông (AI Content, Generative AI)
- Phân tích dữ liệu truyền thông (Media Analytics, Social Listening)
- Truyền thông tương tác, trải nghiệm (AR/VR, Metaverse Communication)
- Phát triển năng lực quản trị và khởi nghiệp

- **Người học có khả năng:**

- Phát triển năng lực quản lý truyền thông, quản trị thương hiệu và quản trị sự kiện
- Tích lũy kiến thức về quản trị doanh nghiệp và marketing chiến lược
- Khởi nghiệp trong các lĩnh vực như:
- Agency truyền thông – quảng cáo
- Sáng tạo nội dung số

- **Tổ chức sự kiện và truyền thông thương hiệu,** từng bước phát triển từ chuyên viên → quản lý → chuyên gia hoặc nhà sáng lập

2.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo.

- Công văn số 2196/BGD-ĐT ngày 22/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra.

- Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học.

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của các trường đại học uy tín trong nước và ngoài nước:

- Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Trường Đại học Kinh tế quốc dân
- Trường Đại học Gia Định
- Trường Đại học Kinh tế tài chính
- Trường Đại học Ngoại ngữ tin học
- Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
- Trường Đại học Birmingham City University
- Trường Đại học Univesity of Colorado Denver.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: Tổng số tín chỉ cho toàn khóa học là 136 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (không bao gồm các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh, các điều kiện tốt nghiệp: kỹ năng mềm, năng lực ngoại ngữ, năng lực công nghệ thông tin)

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tự chủ tuyển sinh hàng năm của Trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Văn Hiến.

6. Phương pháp giảng dạy – học tập, cách thức đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

6.1. Các phương pháp giảng dạy:

- **Giải thích cụ thể (Explicit Teaching):** Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội

dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

- **Thuyết giảng (Lecture):** giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên iên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên được cung cấp tập bài giảng, tập trung nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú và giải thích thêm theo kiến thức đã lĩnh hội. Phương pháp này phù hợp với việc giới thiệu các khái niệm, mô hình, phương pháp hay kỹ thuật mới.

- **Thuyết giảng kiểu tích cực (Lecture in a positive way):** giảng viên trình bày nội dung bài học theo lối tương tác, đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ và lôi cuốn sinh viên cùng giải quyết vấn đề với giảng viên. Phương pháp này sẽ mang lại hiệu quả cao trong việc phát triển khả năng tư duy độc lập và gia tăng mức độ tiếp thu bài của sinh viên.

- **Tham luận (Guest lecture):** Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giảng viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giả để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

- **Câu hỏi gợi mở (Inquiry):** Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

- **Giải quyết vấn đề (Problem Solving):** Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học. Phương pháp này có thể chia làm 3 cấp độ: cấp độ 1- vận dụng kỹ thuật: vận dụng linh hoạt phương pháp giải quyết vấn đề trên các bài toán cụ thể từ thực tế (chiến lược Giải quyết vấn đề trong mục này); cấp độ 2 – Giải quyết tình huống thực tế lớn hơn đòi hỏi sự cộng tác hoạt động nhóm (chiến lược Học theo tình huống) và cấp độ 3 – (Chiến lược Đồ án của môn học) phân tích và giải quyết bài toán thực tế phức tạp.

- **Học theo tình huống (Case Study):** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

6.2. Các phương pháp học tập:

- **Thực hành (Experiment):** Là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng các thao tác, các bài thực hành mẫu, sinh viên quan sát và thực hành các thực giảng viên hành với các tình huống đa dạng theo sự hướng dẫn của giáo viên. Từ đó

sinh viên học được cách vận dụng kiến thức vào giải quyết bài toán thực tế ở mức độ nhỏ.

- **Thực tập, thực tế (Field Trip):** Thông qua các hoạt động thực tập thực tế tại các doanh nghiệp để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- **Bài tập ở nhà (Work Assignment):** Sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

- **Bài tiểu luận (Essay):** Theo phương pháp này, từng sinh viên hoặc một nhóm sinh viên sẽ phải viết bài luận về một chủ đề bất kỳ liên quan đến một nội dung/một chương thuộc môn học. Bài tiểu luận thường là một bài tóm lược ngắn có tính thực tế cao, nhằm diễn tả, sàng lọc, chứng minh hay phân tích vấn đề. Sinh viên phải tự tìm hiểu, nghiên cứu, viết và nộp bài tiểu luận đúng thời hạn do giảng viên yêu cầu. Giảng viên sẽ nhận xét, đánh giá và phản hồi cho sinh viên. Thông qua phương án học tập này, sinh viên sẽ vận dụng một cách sáng tạo kiến thức đã học để trình bày hoặc đề xuất ý tưởng để giải quyết một vấn đề thực tế.

- **Học nhóm (Peer Learning):** Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên. Các môn học trong chương trình nhấn mạnh việc học và làm việc nhóm thông qua việc chia nhóm để thực hiện đồ án của môn học trong suốt học kỳ. Mỗi thành viên trong nhóm đóng một vai trò khác nhau và cùng đóng góp cho việc thực hiện đồ án của môn học.

Ma trận tương thích giữa PLOs và PP dạy và học:

CLOs/Phương pháp	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
DẠY (Teaching)								
Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	X	X						
Thuyết giảng (Lecture)	X	X						
Thuyết giảng tích cực (Active Lecture)	X	X	X					

CLOs/Phương pháp	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
Tham luận (Guest Lecture)		X	X			X	X	X
Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	X	X	X	X				
Giải quyết vấn đề (Problem Solving)		X	X	X		X		X
Học theo tình huống (Case Study)		X	X	X		X	X	X
HỌC (Learning)								
Thực hành (Experiment)					X	X		
Thực tập, thực tế (Field Trip)	X	X	X	X	X	X	X	X
Bài tập ở nhà (Work Assignment)	X	X	X		X			X
Bài tiểu luận (Essay)	X	X	X	X				X
Học nhóm (Peer Learning)					X	X	X	X

Sự phân bổ các phương pháp giảng dạy trong chương trình được thiết kế nhằm tối ưu hóa khả năng đạt được chuẩn đầu ra của người học theo từng cấp độ năng lực. Cụ thể, các chuẩn đầu ra về kiến thức nền tảng và nghiệp vụ như PLO1 (Vận dụng kiến thức kinh tế - xã hội) và PLO2 (Phân tích các lý thuyết truyền thông và hệ thống truyền thông) được hỗ trợ trực tiếp bởi các phương pháp Thuyết giảng tích cực và Giải thích cụ thể, giúp sinh viên nắm vững lý thuyết và thao tác chuẩn xác.

Đặc biệt, để đạt được các năng lực tư duy bậc cao như PLO3 (Đánh giá chiến lược và nội dung truyền thông) và PLO4 (Thiết kế các chiến dịch truyền thông), chương trình đẩy mạnh phương pháp Học theo tình huống (Case study) và Giải quyết vấn đề (Problem Solving). Tại đây, người học không chỉ tiếp nhận kiến thức thụ động mà phải trực tiếp đối mặt với các kịch bản thực tế của doanh nghiệp, từ đó hình thành kỹ năng ra quyết định và tư duy phản biện. Đối với các PLO về kỹ năng mềm và thái độ (PLO7, PLO8, PLO9), việc kết hợp Tham luận từ doanh nghiệp và Học nhóm đóng vai trò then chốt, giúp người học sớm tiếp cận với văn hóa nghề nghiệp, đạo đức chính trực và tinh thần học tập suốt đời thông qua sự tương tác đa chiều."

6.3. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá:

T T	Hình thức đánh giá	Mô tả phương pháp
1	Đánh giá chuyên cần	Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên vào các hoạt động trên lớp trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.
2	Đánh giá bài tập trên lớp	Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến hoạt động trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.
3	Bài tập trên elearning	Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập bổ trợ trên nền tảng Microsoft Teams của Khoa Truyền thông với các mốc thời gian cụ thể theo tuần.
4	Đánh giá bài tiểu luận	Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.
5	Đánh giá thuyết trình	Sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
6	Kiểm tra trắc nghiệm	Sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
7	Kiểm tra tự luận	Sinh viên được yêu cầu thực hiện các câu hỏi liên quan theo nội dung lý thuyết/ thực hành đã được học. Tự chủ trình bày câu trả lời đúng với đáp án đề thi
8	Khóa luận	Sinh viên được yêu cầu thực hiện một ứng dụng, vận dụng các kiến thức về kế toán được học để áp dụng trong một tình huống thực tế.

Ma trận tương thích giữa PLOs và PP kiểm tra đánh giá

Hình thức đánh giá	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
1. Đánh giá chuyên cần							X	X
2. Bài tập trên lớp	X	X			X	X		
3. Bài tập trên e-Learning	X	X	X		X			X
4. Bài tiểu luận	X	X	X	X				X
5. Đánh giá thuyết trình		X	X	X		X	X	
6. Kiểm tra trắc nghiệm	X	X	X					
7. Kiểm tra tự luận	X	X	X	X				X
8. Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X

- Nhóm đánh giá Kiến thức và Nghiệp vụ (PLO1, PLO2, PLO3, PLO4): Chương trình sử dụng đa dạng từ *Kiểm tra trắc nghiệm* (để đánh giá sự hiểu biết nhanh về chuẩn mực) đến *Kiểm tra tự luận* và *Bài tập trên e-Learning* (để đánh giá khả năng định khoản, tính toán và cung cấp thông tin quản trị). Đặc biệt, các mức độ tư duy cao (L4, L5) như phân tích và đánh giá hệ thống được kiểm chứng khắt khe thông qua *Bài tiểu luận* và *Khóa luận*.

- Nhóm đánh giá Kỹ năng (PLO5, PLO6): Kỹ năng công nghệ (PLO5) được đánh giá trực tiếp qua *Bài tập trên e-Learning* và *Khóa luận* (nơi sinh viên áp dụng phần mềm). Kỹ năng mềm (PLO6) được đo lường hiệu quả qua hình thức *Thuyết trình nhóm*, nơi sinh viên phải thể hiện khả năng giao tiếp và phối hợp giải quyết vấn đề.

- Nhóm đánh giá Thái độ và Trách nhiệm (PLO7, PLO8): Tính chính trực và đạo đức nghề nghiệp (PLO7) không chỉ được kiểm tra qua lý thuyết (Trắc nghiệm) mà còn được quan sát qua *Đánh giá chuyên cần* và *Khóa luận* (minh chứng cho sự trung thực trong số liệu). Khả năng tự học và học tập suốt đời (PLO8) được phản ánh rõ nét qua thái độ *Chuyên cần* và việc hoàn thành các *Bài tập trên e-Learning* đúng thời hạn.

7. Nội dung chương trình

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	L T	TH/ TN	T T	ĐA M H	KL TN	
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			50	50	0	0	0	0	

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	L T	TH/ TN	T T	ĐA M H	KL TN	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			14	14	0	0	0	0	
1	POL105	Triết học Mác - Lênin	3	3					
2	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2					POL105
3	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2					POL106
4	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL107
5	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2					POL109
6	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			9	9	0	0	0	0	
1	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3	3					
2	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	3					
3	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	3					ENG201
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			3	3	0	0	0	0	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			6	6	0	0	0	0	
1	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
2	MAR201	Marketing căn bản	3	3					
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			6	6	0	0	0	0	
1	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3	3					
2	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	3	3					
I.6. Các học phần về tố chất cá nhân chung			9	9	0	0	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
2	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3	3					
3	BUS102	Quản trị sự thay đổi	3	3					
I.7. Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)			3	3	0	0	0	0	
1	PSY201	Tâm lý học đại cương	3	3					
2	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	3	3					
3	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3	3					

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	L T	TH/ TN	T T	ĐA M H	KL TN	
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			86	64	1	9	0	12	
II.1. Kiến thức cơ sở ngành			15	11	0	4	0	0	
1	PUR302	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			PUR303
2	PUR303	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	2	2					
3	PUR310	Nhập môn truyền thông đại chúng	2	2					PUR303
4	PUR306	Đạo đức nghề nghiệp PR	2	2					
5	PUR307	Điều tra xã hội học	2	2					
6	PUR421	Pháp luật về truyền thông	2	2					LAW101
7	PUR311	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	1					PUR302 PUR303 PUR406 PUR425 PUR447
8	PUR491	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3			3			PUR311
II.2. Kiến thức chuyên ngành			43	42	1	0	0	0	
1	MAR403	Quảng cáo	2	2					
2	PUR406	PR nội bộ và PR cộng đồng	3	3					PUR303
3	PUR422	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2	2					
4	PUR425	Viết và biên tập tin	2	2					VIE201
5	PUR429	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2	2					
6	PUR434	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2	2					
7	PUR437	Nghiệp vụ ngoại giao	2	2					
8	MMC411	Sản xuất chương trình phát thanh	2	2					
9	MMC412	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2	2					
10	PUR447	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	3	3					

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	L T	TH/ TN	T T	ĐA M H	KL TN	
11	PUR427	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3	3					ENG202
12	MMC406	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3	2	1				
13	MMC407	Kỹ thuật Audio Video	3	3					MMC406
14	MMC418	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3	3					PUR310; PUR425
15	LIT455	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	3	3					
16	MMC401	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3	3					MAR20 1
17	MMC307	Truyền thông số	3	3					
II.3. Phần chọn theo chuyên ngành (chọn 1 trong 2 chuyên ngành)			11	11					
Chuyên ngành 1: Truyền thông và sáng tạo nội dung			11	11					
1	PUR423	Báo in và báo trực tuyến	2	2					
2	PUR433	Các thể loại báo chí	2	2					
3	PUR444	Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn	2	2					
4	PUR415	Viết bài PR và thông cáo báo chí	3	3					PUR425
5	PUR449	Phân tích nội dung truyền thông	2	2					PUR307
Chuyên ngành 2: Tổ chức sự kiện			11	11					
1	TRA312	Quản trị sự kiện	3	3					
2	PUR430	Thể hiện ý tưởng	2	2					
3	PUR432	Phát ngôn viên tổ chức	2	2					
4	PUR436	Kỹ năng xin tài trợ	2	2					
5	PUR443	Tiếp thị sự kiện	2	2					MAR20 1
II.4. Kiến thức tốt nghiệp			17	0	0	5	0	12	
1	PUR520	TTTN Quan hệ công chúng	5			5			PUR491
2	PUR521	KLTN Quan hệ công chúng	12					12	PUR520
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp			12	12	0	0	0	0	
1	PUR439	Nghiên cứu thị trường	3	3					PUR307
2	PUR490	Trình bày sản phẩm truyền thông	3	3					PUR311

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	L T	TH/ TN	T T	ĐA M H	KL TN	
3	PUR441	Truyền thông doanh nghiệp	3	3					
4	MAN413	Quản trị quan hệ khách hàng	3	3					
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY			3		3				
1		Giáo dục thể chất 1	1		1				
2		Giáo dục thể chất 2	1		1				
3		Giáo dục thể chất 3	1		1				
4		Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Theo quy định hiện hành						
5		Kỹ năng mềm	Theo quy định hiện hành						
6		Năng lực ngoại ngữ	Theo quy định hiện hành						
7		Năng lực tin học	Theo quy định hiện hành						

8. Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt):

8.1. Triết học Mác – Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần Triết học Mác – Lênin gồm 3 chương, cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về triết học, triết học Mác – Lênin, thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử. Nội dung học phần bao gồm: khái niệm, đối tượng, vai trò của triết học và triết học Mác – Lênin; các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng như vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử như hình thái kinh tế – xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và vấn đề con người. Học phần góp phần hình thành cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học và định hướng nhận thức cho người học trong học tập, đời sống xã hội và hoạt động nghề nghiệp.

Mục tiêu học phần: Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về triết học Mác – Lênin, bao gồm thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; giúp người học hiểu được các khái niệm, phạm trù, nguyên lý và quy luật cơ bản của triết học Mác – Lênin trong nhận thức, đời sống xã hội và thực tiễn Việt Nam. Thông qua các nội dung học tập, thảo luận và liên hệ thực tiễn, người học bước đầu biết vận dụng phương pháp luận triết học để nhận diện, lý giải và trao đổi về một số vấn đề trong học tập, đời sống và nghề nghiệp. Học phần góp phần hình thành lập trường tư tưởng đúng đắn, tinh thần trách nhiệm, thái độ học tập nghiêm túc, ý thức tự chủ và định hướng rèn luyện theo các giá trị khoa học, nhân văn của triết học Mác – Lênin.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.	Thể hiện trong 50 câu trắc nghiệm
CLO2	Giải thích được các khái niệm, phạm trù, nguyên lý và quy luật cơ bản của triết học Mác - Lênin.	
CLO3	Thực hiện được kỹ năng thuyết trình, tranh biện thông qua các chủ đề lý luận gắn liền thực tiễn ở Việt Nam hiện nay thông qua hoạt động phối hợp nhóm.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Thể hiện được lập trường tư tưởng vững vàng, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật và năng lực học tập độc lập trong học tập và công việc.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X							
CLO3							X	
CLO4								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – Phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X		X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1			X

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Trắc nghiệm	CLO1: Mức độ hiểu. CLO2: Mức độ hiểu	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 4 - 9	Thuyết trình, bài tập nhóm và Rubric thuyết trình	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Vận dụng và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO 3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
			thường xuyên.	đổi tích cực.	vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.
Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin gồm 6 chương, nội dung cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về các phạm trù, quy luật và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Nội dung học phần bao gồm: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể kinh tế; giá trị thặng dư và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; cạnh tranh, độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Học phần góp phần hình thành cơ sở nhận thức kinh tế – chính trị, năng lực liên hệ lý luận với thực tiễn và trách nhiệm xã hội của người học.

Mục tiêu học phần:

Về kiến thức: Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Về kỹ năng: Thông qua các nội dung học tập, thảo luận và liên hệ thực tiễn, người học bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị Mác – Lênin để nhận diện, giải thích và trao đổi về một số hiện tượng, quan hệ và vấn đề kinh tế – xã hội trong thực tiễn Việt Nam hiện nay.

Về thái độ: Học phần góp phần xây dựng lập trường tư tưởng, ý thức chính trị và trách nhiệm xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển của cá nhân và xã hội trong giai đoạn mới.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được các phạm trù và quy luật cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin, đặc biệt là sản xuất hàng hóa, giá trị, giá trị	Thể hiện trong 40 câu trắc nghiệm

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
	thặng dư và vai trò của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế thị trường.	
CLO2	Giải thích được bản chất, đặc điểm và các quy luật vận động của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đồng thời liên hệ vai trò của kinh tế chính trị Mác – Lênin trong nhận thức các vấn đề kinh tế – xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.	
CLO3	Thực hiện được kỹ năng thuyết trình, tranh biện thông qua các chủ đề lý thuyết gắn liền với các vấn đề thực tiễn xung quanh mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị ở Việt Nam hiện nay.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Thể hiện được lập trường tư tưởng vững vàng, ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội; đồng thời tự định hướng rèn luyện, học tập theo các giá trị khoa học và nhân văn của kinh tế chính trị Mác – Lênin.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X							
CLO3							X	
CLO4								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm.

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Phát vấn	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề	X	X	X	
Tự học có hướng dẫn	X		X	X

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình – phản biện nhóm	X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Trắc nghiệm	CLO1: Mức độ hiểu. CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3 - 6	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài trắc nghiệm và Rubric thuyết trình.	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.
Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism of Marxism and Leninism), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương, cung cấp những tri thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung tập trung làm rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng và quy luật phát triển của chủ nghĩa xã hội; đồng thời phân tích các vấn đề dân chủ, nhà nước, giai cấp và dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thông qua học phần, sinh viên được hình thành thế giới quan khoa học, tư duy lý luận, bản lĩnh chính trị và ý thức trách nhiệm công dân, góp phần đáp ứng yêu cầu học tập, lao động và xây dựng đất nước trong bối cảnh hiện nay.

Mục tiêu học phần:

- Về kiến thức: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời giúp hiểu các vấn đề dân chủ, nhà nước, dân tộc, tôn giáo và gia đình trong xã hội hiện nay.

- Về kỹ năng: Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, nhận diện và luận giải các vấn đề chính trị – xã hội trên cơ sở khoa học; biết vận dụng kiến thức đã học để phân biệt bản chất và hiện tượng của các vấn đề trong đời sống thực tiễn.

- Về thái độ: Sinh viên có thái độ học tập tích cực, phải nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của môn học, từ đó nhận thức đúng hướng đi đúng đắn của nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Xác định được các tiền đề tư tưởng, lịch sử và quy luật hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Thể hiện trong 40 câu trắc nghiệm
CLO2	Giải thích được bản chất các thực thể xã hội (giai cấp, dân tộc, tôn giáo, gia đình) và các chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam.	
CLO3	Thực hiện được kỹ năng thuyết trình, tranh biện thông qua các chủ đề lý luận gắn liền thực tiễn ở Việt Nam hiện nay thông qua hoạt động phối hợp nhóm.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Thể hiện được bản lĩnh chính trị, ý thức kỷ luật và trách nhiệm công dân trong học tập và các hoạt động xã hội.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X							
CLO3							X	
CLO4								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Phát vấn	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề	X	X	X	
Tự học có hướng dẫn	X		X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1			X

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Trắc nghiệm	CLO1: Mức độ hiểu. CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3 - 6	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài trắc nghiệm và Rubric thuyết trình	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học	Vắng quá 30% số buổi; không	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi;	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
tập (CLO4)	tham gia hoạt động học tập.	bài rất hạn chế.	chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.
Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Thoughts of Ho Chi Minh), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển, nội dung cốt lõi và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung học phần bao gồm: khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; cơ sở và quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người. Học phần góp phần hình thành nhận thức chính trị, đạo đức, trách nhiệm công dân và định hướng rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong học tập, nghề nghiệp và đời sống xã hội

Mục tiêu học phần: Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển và nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người. Thông qua các nội dung học tập, thảo luận và liên hệ thực tiễn, người học bước đầu biết giải thích, trao đổi và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận diện, liên hệ một số vấn đề trong học tập, nghề nghiệp, đời sống xã hội và công cuộc xây dựng, phát triển đất nước hiện nay. Học phần góp phần hình thành thái độ học tập tích cực, ý thức đạo đức, trách nhiệm xã hội, lập trường chính trị phù hợp và định hướng rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Xác định được các tiền đề tư tưởng, lịch sử và quy luật hình thành, phát triển của Tư tưởng Hồ Chí Minh	Thể hiện trong 40 câu trắc nghiệm

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO2	Giải thích một cách hệ thống các nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, Đảng, Nhà nước, văn hóa, đạo đức và con người.	
CLO3	Thực hiện được kỹ năng thuyết trình, tranh biện thông qua các chủ đề lý luận gắn liền thực tiễn ở Việt Nam hiện nay thông qua hoạt động phối hợp nhóm.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Thể hiện lập trường chính trị, ý thức đạo đức và trách nhiệm xã hội; tự định hướng rèn luyện theo tư tưởng, phong cách Hồ Chí Minh trong học tập và nghề nghiệp, bảo vệ tư tưởng của Đảng và Nhà nước.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X							
CLO3							X	
CLO4								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Phát vấn	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề	X	X	X	
Tự học có hướng dẫn	X		X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Trắc nghiệm	CLO1: Mức độ hiểu. CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3 - 6	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài trắc nghiệm và Rubric thuyết trình	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học	Vắng quá 30% số buổi; không	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi;	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
tập (CLO4)	tham gia hoạt động học tập.	bài rất hạn chế.	chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần:

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm chương nhập môn và 03 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử Đảng từ năm 1930 đến nay. Nội dung học phần làm rõ quá trình ra đời của Đảng, vai trò lãnh đạo trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cũng như công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, học phần trình bày đường lối đổi mới, chủ trương hội nhập quốc tế và những thành tựu của đất nước trong thời kỳ hiện đại.

Qua đó, người học hiểu được bản chất, vai trò và sứ mệnh lịch sử của Đảng; có khả năng vận dụng kiến thức vào nhận thức và thực tiễn, góp phần nâng cao tư duy chính trị, ý thức trách nhiệm công dân và tinh thần tham gia xây dựng, phát triển đất nước hiện nay.

Mục tiêu học phần:

Về kiến thức: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, quá trình phát triển và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời làm rõ đường lối đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay.

Về kỹ năng: Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tư duy lịch sử, phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức lịch sử Đảng vào thực tiễn; nâng cao năng lực nhận diện và phân biện các quan điểm sai trái, xuyên tạc lịch sử.

Về thái độ: Học phần góp phần bồi dưỡng cho sinh viên thái độ học tập nghiêm túc, ý thức tôn trọng sự thật lịch sử, củng cố niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng, tinh thần yêu nước và trách nhiệm công dân trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời, phát triển và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới từ năm 1930 đến nay.	Thể hiện trong 40 câu trắc nghiệm
CLO2	Giải thích được cơ sở lịch sử, lý luận và thực tiễn của một số chủ trương, đường lối lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.	
CLO3	Vận dụng được kiến thức lịch sử Đảng để phân tích, trao đổi và liên hệ ở mức cơ bản một số sự kiện, chủ trương, bài học kinh nghiệm với thực tiễn xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước hiện nay.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Thực hiện đúng nghĩa vụ của công dân Việt Nam trong việc tôn trọng sự thật lịch sử, củng cố niềm tin khoa học vào vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng; chủ động học tập, rèn luyện và tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng, chủ trương, đường lối của Đảng trước các quan điểm sai trái, thù địch trong bối cảnh hiện nay.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X							
CLO3	X							
CLO4								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Phát vấn	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề	X	X	X	
Tự học có hướng dẫn	X		X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Trắc nghiệm	CLO1: Mức độ hiểu. CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3 - 6	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài trắc nghiệm và Rubric thuyết trình	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.6. Pháp luật đại cương (Introduction to Law), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Môn học gồm 08 chương, cung cấp cho người học kiến thức đại cương về nhà nước và pháp luật, bao gồm:

- Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của nhà nước, kiểu nhà nước, hình thức nhà nước và khái quát về cấu trúc của bộ máy nhà nước; chức năng của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam.

- Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của pháp luật, kiểu pháp luật, hình thức pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, ý thức và thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý.

- Giới thiệu các nội dung cơ bản về hệ thống pháp luật và các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hành chính, Luật tổ tụng hành chính, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật Dân sự, Luật Tố tụng dân sự, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và gia đình.

Mục tiêu học phần: Học phần nhằm giúp người học hình thành nhận thức cơ bản về nhà nước, pháp luật, bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Thông qua các khái niệm, quy định pháp luật cơ bản và tình huống minh họa, người học bước đầu biết vận dụng kiến thức pháp luật để nhận diện, trao đổi và lựa chọn cách ứng xử phù hợp đối với một số vấn đề pháp lý phổ biến trong học tập, lao động, sinh hoạt và đời sống xã hội. Học phần góp phần hình thành ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật và trách nhiệm công dân

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được các khái niệm cơ bản về nhà nước và pháp luật: nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, kiểu loại, hình thức nhà nước và pháp luật.	Thể hiện trong 50 câu trắc nghiệm
CLO2	Trình bày được khái quát cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và một số nội dung pháp luật cơ bản thuộc các ngành luật chủ yếu (Hiến pháp, Hành chính, Hình sự, Dân sự, Lao động, Hôn nhân và Gia đình).	
CLO3	Vận dụng được kiến thức pháp luật cơ bản để nhận diện và trao đổi về một số tình huống pháp lý phổ biến trong học tập, lao động, sinh hoạt và đời sống xã hội.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Thể hiện ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật và tinh thần trách nhiệm công dân trong học tập, sinh hoạt và các hoạt động xã hội.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X							
CLO3								X
CLO4								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Giải quyết vấn đề			X	
Tự học có hướng dẫn			X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Trắc nghiệm	CLO1: Mức độ hiểu. CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3 - 6	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài trắc nghiệm và Rubric thuyết trình	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 3
		10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham	Vắng quá 30% số	Tham gia dưới 50%	Tham gia khoảng	Tham gia khoảng	Tham gia đầy đủ;	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
gia học tập (CLO4)	buổi; không tham gia hoạt động học tập.	số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.7. Đại cương công nghệ thông tin và truyền thông (Fundamental information and communicat technology), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan về hệ thống thông tin, từ cấu trúc phần cứng, phần mềm, mạng máy tính, cơ sở dữ liệu đến các ứng dụng văn phòng cơ bản (Word, Excel, PowerPoint) và các vấn đề an toàn thông tin, đạo đức công nghệ trong thời đại mới

Mục tiêu học phần: Học phần Đại cương Công nghệ thông tin và Truyền thông hướng tới mục tiêu trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng vững chắc về thông tin, cấu trúc phần cứng máy tính, hệ điều hành, mạng máy tính, cơ sở dữ liệu và các quy tắc an toàn bảo mật dữ liệu cá nhân trong kỷ nguyên số. Song song với lý thuyết, môn học chú trọng rèn luyện kỹ năng thực hành tin học văn phòng ứng dụng, giúp sinh viên làm chủ các thao tác định dạng văn bản báo cáo nghiên cứu khoa học, xử lý số liệu tính toán trên bảng tính, và thiết kế các bài thuyết trình đa phương tiện phục vụ đắc lực cho công việc. Qua đó, học phần hình thành thói quen kỷ luật, tinh thần chủ động tự học và ý thức tôn trọng luật pháp, đạo đức trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào đời sống và học tập.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về hệ thống máy tính, phần cứng, hệ điều hành, mô hình mạng, cơ sở dữ liệu và các quy tắc an toàn bảo mật thông tin.	Thể hiện trong 50 câu trắc nghiệm
CLO2	Vận dụng được các kỹ năng xử lý số liệu bảng tính, định dạng văn bản báo cáo và	

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
	thiết kế bài trình chiếu bằng phần mềm ứng dụng chuyên dụng phục vụ công việc.	
CLO3	Thể hiện tinh thần trách nhiệm cá nhân, tính tự học, tuân thủ kỷ luật lớp học và tôn trọng luật pháp, đạo đức trong việc khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin.	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1						X		
CLO2					X			
CLO3								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết trình, Phát vấn, Đọc và tóm lược nội dung tài liệu, Thảo luận nhóm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng (Thuyết trình)	X		X
Phát vấn	X	X	X
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X	X	X
Thảo luận nhóm		X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3	X		

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học	Vắng quá 30% số buổi;	Tham gia dưới 50% số buổi;	Tham gia khoảng 50%-70%	Tham gia khoảng 70%-90%	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
tập (CLO3)	không tham gia hoạt động học tập.	chuẩn bị bài rất hạn chế.	số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.8. Tiếng Anh giao tiếp 1 (General English 1), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 06 chương, giúp người học phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh ở cấp độ A1 thông qua việc củng cố kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, phát âm) và rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết). Nội dung học phần được triển khai qua các chủ đề giao tiếp quen thuộc trong đời sống hằng ngày, bao gồm: con người, đồ vật và sở hữu, nơi chốn, thời gian rảnh, ẩm thực và tiền tệ.

Mục tiêu học phần:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên:

- Được trang bị kiến thức ngôn ngữ cơ bản để giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống hằng ngày và công việc đơn giản;
- Vận dụng kiến thức ngôn ngữ cơ bản để có thể sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh ở mức độ sơ cấp;
- Có ý thức học tập chủ động, tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong hoạt động cá nhân, cặp/nhóm.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Sử dụng được kiến thức ngôn ngữ cơ bản gồm ngữ pháp, từ vựng và phát âm trong các chủ đề giao tiếp quen thuộc ở cấp độ A1 như con người, gia đình, đồ vật và sở hữu, nơi chốn, thời gian rảnh, ẩm thực và tiền tệ.	Thể hiện trong 30 câu trắc nghiệm và 10 câu tự luận của bài thi tổng hợp
CLO2	Xác định được ý chính và thông tin chi tiết trong các bài nghe, bài đọc, hội thoại,	

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
	hướng dẫn, quảng cáo hoặc văn bản ngắn thuộc các chủ đề giao tiếp quen thuộc ở cấp độ A1.	
CLO3	Thực hiện được các nhiệm vụ giao tiếp nói và viết ở cấp độ A1, bao gồm hỏi – đáp, hội thoại ngắn, phỏng vấn/thu thập thông tin đơn giản, trình bày ý kiến cá nhân và viết văn bản ngắn theo chủ đề học phần.	
CLO4	Thể hiện được thái độ học tập chủ động, khả năng tự học, tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong các hoạt động học tập cá nhân, cặp/nhóm và cộng đồng lớp học.	Không đánh giá qua đề thi tổng hợp (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1						X		
CLO2						X		
CLO3						X		
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học: Đường hướng giao tiếp, Dạy học theo nhiệm vụ, Trình bày – luyện tập – vận dụng, Dạy học tích hợp kỹ năng, Dạy học theo ngữ cảnh, Làm việc cá nhân, cặp và nhóm, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy-học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Đường hướng giao tiếp	X		X	X
Dạy học theo nhiệm vụ	X	X	X	X
Trình bày – luyện tập – vận dụng	X		X	
Dạy học tích hợp kỹ năng	X	X	X	
Dạy học theo ngữ cảnh	X	X	X	
Làm việc cá nhân, cặp và nhóm			X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, Hoạt động nhóm, thi tổng hợp

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Hoạt động nhóm	Thi tổng hợp
CLO1		X	X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi kết thúc học phần	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Nhận thức	Theo lịch thi của nhà trường	Bài thi tổng hợp gồm 40 câu; ma trận đề thi; đáp án/hướng dẫn chấm	CLO1: mức độ vận dụng kiến thức ngôn ngữ cơ bản. CLO2: mức độ xác định ý chính và thông tin chi tiết trong ngữ liệu phù hợp cấp độ A1. CLO3: mức độ viết câu hoàn chỉnh theo từ gợi ý.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Kiểm tra giữa khoá	CLO2; CLO3	15%	Nhận thức và kỹ năng	Tuần 3-6	Đề/câu hỏi vấn đáp theo chủ đề học phần; rubric đánh giá vấn đáp; hướng dẫn chấm	CLO2: hiểu câu hỏi và xác định được thông tin cần phản hồi. CLO3: thực hiện hỏi – đáp, hội thoại ngắn hoặc trình bày ngắn theo chủ đề học phần.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
Tham gia hoạt động trên lớp và ngoài lớp	CLO1; CLO3; CLO4	15%	Nhận thức, kỹ năng,	Suốt học kỳ	Bảng theo dõi hoạt	CLO1: sử dụng kiến thức ngôn ngữ trong hoạt động học tập.	Lấy dữ liệu đo CLO1,

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
			và thái độ		động học tập	CLO3: thực hiện hoạt động nói/viết, cá nhân/cặp/nhóm. CLO4: tham gia, hợp tác và hoàn thành nhiệm vụ học tập.	CLO3, CLO4
Chuyên cần	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng theo dõi chuyên cần	CLO4: ý thức tham dự lớp, đúng giờ và trách nhiệm học tập.	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.9. Tiếng Anh giao tiếp 2 (General English 2), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 06 bài, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về tiếng Anh giao tiếp ở mức độ cơ bản. Người học được phát triển các kỹ năng tiếng Anh như Nghe, Nói, Đọc, Viết liên quan các chủ đề như du lịch, giải trí, lễ hội, phim ảnh, đôi nét về các địa danh nổi tiếng trên thế giới, bảo vệ môi trường và động

vật, công nghệ và kết nối mạng, và đôi điều về nét văn hóa đặc sắc giới thiệu trong mỗi bài. Người học cũng được hệ thống kiến thức về từ vựng và văn phạm sử dụng trong các chủ đề nói trên.

Mục tiêu học phần: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên:

- Được trang bị kiến thức ngôn ngữ cơ bản để giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống hằng ngày và công việc đơn giản;
- Vận dụng kiến thức ngôn ngữ cơ bản để có thể sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh ở mức độ sơ cấp;
- Có ý thức học tập chủ động, tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong hoạt động cá nhân, cặp/nhóm.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Sử dụng được kiến thức ngôn ngữ cơ bản gồm ngữ pháp, từ vựng và phát âm trong các chủ đề giao tiếp quen thuộc ở cấp độ A1 như con người, gia đình, đồ vật và sở hữu, nơi chốn, thời gian rảnh, ẩm thực và tiền tệ.	Thể hiện trong 30 câu trắc nghiệm và 10 câu tự luận của bài thi tổng hợp
CLO2	Xác định được ý chính và thông tin chi tiết trong các bài nghe, bài đọc, hội thoại, hướng dẫn, quảng cáo hoặc văn bản ngắn thuộc các chủ đề giao tiếp quen thuộc ở cấp độ A1.	
CLO3	Thực hiện được các nhiệm vụ giao tiếp nói và viết ở cấp độ A1, bao gồm hỏi – đáp, hội thoại ngắn, phỏng vấn/thu thập thông tin đơn giản, trình bày ý kiến cá nhân và viết văn bản ngắn theo chủ đề học phần.	
CLO4	Thể hiện được thái độ học tập chủ động, khả năng tự học, tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong các hoạt động học tập cá nhân, cặp/nhóm và cộng đồng lớp học.	Không đánh giá qua đề thi tổng hợp (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1						X		
CLO2						X		

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO3						X		
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học: Đường hướng giao tiếp, Dạy học theo nhiệm vụ, Trình bày – luyện tập – vận dụng, Dạy học tích hợp kỹ năng, Dạy học theo ngữ cảnh, Làm việc cá nhân, cặp và nhóm, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy-học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Đường hướng giao tiếp	X		X	X
Dạy học theo nhiệm vụ	X	X	X	X
Trình bày – luyện tập – vận dụng	X		X	
Dạy học tích hợp kỹ năng	X	X	X	
Dạy học theo ngữ cảnh	X	X	X	
Làm việc cá nhân, cặp và nhóm			X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, Hoạt động nhóm, thi tổng hợp

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Hoạt động nhóm	Thi tổng hợp
CLO1		X	X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi kết thúc học phần	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Nhận thức	Theo lịch thi của nhà trường	Bài thi tổng hợp gồm 40 câu; ma trận đề thi; đáp án/hướng	CLO1: mức độ vận dụng kiến thức ngôn ngữ cơ bản. CLO2: mức độ xác định ý chính và thông tin chi tiết trong	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					dẫn chấm	ngữ liệu phù hợp cấp độ A1. CLO3: mức độ viết câu hoàn chỉnh theo từ gợi ý.	
Kiểm tra giữa khoá	CLO2; CLO3	15%	Nhận thức và kỹ năng	Tuần 3-6	Đề/câu hỏi vấn đáp theo chủ đề học phần; rubric đánh giá vấn đáp; hướng dẫn chấm	CLO2: hiểu câu hỏi và xác định được thông tin cần phản hồi. CLO3: thực hiện hỏi – đáp, hội thoại ngắn hoặc trình bày ngắn theo chủ đề học phần.	Lấy dữ liệu do CLO2, CLO3
Tham gia hoạt động trên lớp và ngoài lớp	CLO1; CLO3; CLO4	15%	Nhận thức, kỹ năng, và thái độ	Suốt học kỳ	Bảng theo dõi hoạt động học tập	CLO1: sử dụng kiến thức ngôn ngữ trong hoạt động học tập. CLO3: thực hiện hoạt động nói/viết, cá nhân/cặp/nhóm. CLO4: tham gia, hợp tác và hoàn thành nhiệm vụ học tập.	Lấy dữ liệu do CLO1, CLO3, CLO4
Chuyên cần	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng theo dõi chuyên cần	CLO4: ý thức tham dự lớp, đúng giờ và trách nhiệm học tập.	Lấy dữ liệu do CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.
Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.10. Môi trường và con người (Environment and Humans), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần:

Học phần gồm 06 chương, cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về môi trường, tài nguyên và mối quan hệ giữa con người với môi trường.

Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm về môi trường và quản lý môi trường; một số nguyên lý sinh thái áp dụng trong quản lý môi trường và tài nguyên; mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường; tài nguyên thiên nhiên; ô nhiễm môi trường; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Học phần cũng giới thiệu một số công ước, quy định pháp luật, chính sách và công cụ quản lý môi trường ở Việt Nam và trên thế giới, qua đó giúp người học bước đầu nhận diện các vấn đề môi trường phổ biến và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

Mục tiêu học phần:

Học phần nhằm giúp người học hình thành nhận thức cơ bản về môi trường, tài nguyên, các nguyên lý sinh thái và mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên, môi trường với hoạt động phát triển của con người.

Thông qua các khái niệm, dữ liệu, tình huống và ví dụ thực tiễn, người học bước đầu giải thích được một số vấn đề môi trường phổ biến; nhận diện nguyên nhân, biểu hiện và tác động của ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên; đồng thời vận dụng kiến thức đã học để phân tích ở mức cơ bản một số tình huống môi trường và đề xuất hướng ứng xử hoặc giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp.

Học phần góp phần hình thành ý thức trách nhiệm xã hội, đạo đức môi trường và lối sống xanh, hướng đến phát triển bền vững.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về môi trường, tài nguyên, các nguyên lý sinh thái và mối quan hệ tương tác giữa dân số – tài nguyên – môi trường.	Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận
CLO2	Giải thích một số vấn đề cơ bản về thực trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên, phát triển bền vững và các chính sách, công cụ quản lý môi trường tại Việt Nam hiện nay.	
CLO3	Vận dụng được kiến thức môi trường cơ bản để thực hiện một số bài tập đơn giản, nhận diện vấn đề môi trường phổ biến và đề xuất hướng ứng xử hoặc giải pháp bảo vệ môi trường ở mức cơ bản	- Thể hiện trong toàn bộ bài tiểu luận - Đánh giá qua Thuyết trình, bài tập nhóm
CLO4	Thể hiện được ý thức trách nhiệm xã hội, đạo đức môi trường và sự sẵn sàng tham gia các hành động phù hợp với lối sống xanh, hài hòa với thiên nhiên.	Không đánh giá qua bài tiểu luận (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X							
CLO3	X							
CLO4								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết trình, Hỏi lại hoặc vấn đáp, Đọc và tóm lược tài liệu, Động não nhanh

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X		
Hỏi lại hoặc vấn đáp	X	X	X	X
Đọc và tóm lược tài liệu		X		
Động não nhanh			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi tiểu luận...

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình/Bài tập nhóm	Thi tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Nhận thức	Nộp tiểu luận theo lịch thi của Nhà trường	Bài tiểu luận	CLO1: Mức độ Hiểu. CLO2: Mức độ Vận dụng kiến thức môi trường.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 6-9/ hoặc 8-11 theo lịch học offline hay online	Thuyết trình, bài tập nhóm.	CLO2: Nội dung báo cáo/ thuyết trình	Lấy dữ liệu đo CLO 3
					-Rubric đánh giá bài viết -Rubric thuyết trình.	CLO3: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (T1 - 9/ hoặc 1-11)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học	Vắng quá 30% buổi;	Tham gia dưới 50% số buổi;	Tham gia khoảng 50%-70%	Tham gia khoảng 70%-90%	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
tập (CLO4)	không tham gia hoạt động học tập.	chuẩn bị bài rất hạn chế.	số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.11. Tinh thần khởi nghiệp (Entrepreneurship), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 08 chương, cung cấp cho người học kiến thức nhập môn về tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và đổi mới sáng tạo. Nội dung học phần bao gồm: khái niệm, vai trò của khởi nghiệp; tổ chức, kỹ năng và thái độ cần thiết của người có tinh thần khởi nghiệp; môi trường và hệ sinh thái khởi nghiệp; nhận diện vấn đề, nhu cầu thực tiễn, cơ hội và nhóm khách hàng/người dùng mục tiêu; hình thành ý tưởng khởi nghiệp hoặc đổi mới sáng tạo ở mức sơ bộ; các yếu tố cơ bản về sản phẩm/dịch vụ, khách hàng, thị trường, nguồn lực, tài chính, pháp luật, đạo đức kinh doanh và rủi ro khi xem xét một ý tưởng khởi nghiệp. Học phần góp phần hình thành tinh thần chủ động, trách nhiệm và giá trị nhân văn Văn Hiến theo định hướng “Thành nhân trước khi thành danh”.

Mục tiêu học phần: Học phần nhằm giúp người học hình thành nhận thức ban đầu về tinh thần khởi nghiệp, vai trò của tư duy chủ động, sáng tạo và trách nhiệm trong học tập, nghề nghiệp và đời sống. Thông qua việc tiếp cận các khái niệm, tình huống và ví dụ thực tiễn về khởi nghiệp, người học bước đầu biết liên hệ tổ chức, năng lực cá nhân với cơ hội, nhu cầu xã hội và định hướng nghề nghiệp; từ đó có khả năng phác thảo ý tưởng khởi nghiệp hoặc đổi mới sáng tạo ở mức sơ bộ, phù hợp với bối cảnh ngành học và có xem xét ban đầu các yếu tố về sản phẩm/dịch vụ, khách hàng, nguồn lực, tài chính, pháp luật, đạo đức và rủi ro

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đổi mới sáng tạo và vai trò của khởi nghiệp đối với cá nhân, tổ chức và xã hội.	Thể hiện trong bài tiểu luận

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO2	Mô tả được các tổ chất, kỹ năng và thái độ cần thiết của người có tinh thần khởi nghiệp; bước đầu liên hệ với định hướng học tập, nghề nghiệp của bản thân.	
CLO3	Nhận diện được vấn đề, nhu cầu thực tiễn hoặc nhóm khách hàng/người dùng mục tiêu làm cơ sở hình thành ý tưởng khởi nghiệp hoặc đổi mới sáng tạo ở mức sơ bộ.	
CLO4	Phác thảo được một ý tưởng khởi nghiệp hoặc đổi mới sáng tạo ở mức cơ bản, có xem xét bước đầu các yếu tố về sản phẩm/dịch vụ, khách hàng, nguồn lực, tài chính, pháp luật, đạo đức và rủi ro.	- Thể hiện trong bài tiểu luận - Đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2								X
CLO3	X							
CLO4				X				

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng tích cực, Giải thích cụ thể, Phát vấn và gợi mở vấn đề, Giải quyết vấn đề, Học theo tình huống, Thuyết trình – phản biện nhóm, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy - học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng tích cực	X			X
Giải thích cụ thể	X		X	
Phát vấn và gợi mở vấn đề	X	X		X
Giải quyết vấn đề	X	X	X	X
Học theo tình huống	X	X		X
Thuyết trình – phản biện nhóm	X	X		X
Tự học có hướng dẫn		X	X	

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình – phản biện nhóm, thi tiểu luận

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phản biện nhóm	Thi tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Chuyên cần, tham gia học tập	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm/Kỹ năng	Suốt học kỳ (Tuần 1-15)	Bảng kiểm soát chuyên cần; phiếu quan sát mức độ tham gia	Theo dõi mức độ chuyên cần, chuẩn bị bài, tham gia thảo luận và trách nhiệm với nhóm.	Lấy dữ liệu đo CLO4
Bài tiểu luận/đề án khởi nghiệp cuối kỳ Bài tiểu luận/đề án khởi nghiệp cuối kỳ	CLO1 ; CLO4	30%	Kiến thức (L4) và kỹ năng/tự chủ	Tuần 8-14	Rubric thuyết trình – phản biện nhóm; phiếu chấm nhóm	Đánh giá phân tích tổ chức, vai trò, bối cảnh khởi nghiệp; vận dụng pháp luật, đạo đức, đàm phán và hợp tác.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO4
	CLO2 ; CLO3	60%	Kiến thức/Kỹ năng (L6)	Tuần 15-16	Ma trận đặc tả và rubric bài tiểu luận/đề án khởi nghiệp	Đánh giá ý tưởng, mô hình sản phẩm, thị trường, khách hàng, kế hoạch tài chính và phương án huy động vốn.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.12. Marketing Căn Bản (Principle of Marketing), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 10 chương, cung cấp những kiến thức tổng quát về marketing, nhằm giúp người học hiểu biết cơ bản về marketing, vai trò của marketing trong tổ chức, những nội dung cơ bản của marketing như nghiên cứu marketing, môi trường marketing và hành vi khách hàng. Người học sẽ được giới thiệu các kiến thức và kỹ năng đặc thù của marketing để tiếp cận với khách hàng - thị trường, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị và 4 công cụ marketing điển hình trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm để triển khai chiến lược, kế hoạch marketing, đó là: sản phẩm, giá cả, kênh phân phối và xúc tiến. Ngoài ra, học phần giới thiệu một số hình thức Marketing hiện đại bên cạnh hoạt động Marketing truyền thống

Mục tiêu học phần:

Học phần có những mục tiêu:

- Trang bị cho sinh viên hệ thống lý thuyết cốt lõi về marketing, bao gồm việc nhận diện các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến doanh nghiệp, hiểu rõ cách thức phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và xây dựng chiến lược định vị thương hiệu.

- Hình thành và phát triển năng lực phân tích, vận dụng linh hoạt phối thức Marketing Mix (4P) kết hợp với quy trình quản trị marketing để đề xuất giải pháp, giải quyết các tình huống và bài toán kinh doanh thực tế của doanh nghiệp.

- Rèn luyện tinh thần chủ động trong học tập, tư duy phản biện, ý thức kỷ luật cao; đồng thời nhận thức rõ và cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp trong các hoạt động marketing.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Xác định được các yếu tố môi trường tác động đến hoạt động marketing của doanh nghiệp.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm
CLO2	Mô tả được chân dung khách hàng, thị trường mục tiêu, chiến lược định vị.	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO3	Vận dụng được phối thức Marketing Mix (4P) và quy trình quản trị marketing để giải quyết vấn đề, tình huống thực tế.	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO4	Thể hiện được sự chủ động, ý thức kỷ luật và trách nhiệm xã hội trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm - Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2			X					
CLO3				X				
CLO4								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng tích cực, Giải thích cụ thể, Giải quyết vấn đề, Học theo tình huống, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng tích cực	X	X		
Giải thích cụ thể	X			
Giải quyết vấn đề			X	X
Học theo tình huống		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X			X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi tiểu luận

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phản biện nhóm	Thi tiểu luận
CLO1		X	X
CLO2			X
CLO3			X
CLO4	X	X	X

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Tiểu luận nhóm cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4	60%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Từ buổi cuối kết thúc đến sau 1 tuần.	Tiểu luận nhóm Rubric đánh giá bài viết	CLO1: Mức độ nhớ. CLO2: Mức độ hiểu CLO3: Mức độ vận dụng CLO4: Nghiêm túc, nộp bài đúng hạn, tuân thủ quy định, hình thức bài tiểu luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 2 CLO3
Quá trình	CLO1; CLO4	30%	Kiến thức, thái độ	Tuần tuần 3 – tuần 9	Thuyết trình nhóm Rubric thuyết trình.	CLO1: Mức độ hiểu. CLO4: Nghiêm túc thực hiện đúng hạn, tuân thủ quy định, thái độ nghiêm túc chuyên nghiệp.	Lấy dữ liệu đo CLO 1
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.13. Văn hiến Việt Nam (Vietnamese Culture), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần Văn hiến Việt Nam gồm 7 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa, văn hiến, văn vật, văn minh và các nền tảng hình thành bản sắc văn hóa Việt Nam. Nội dung học phần bao gồm: tiến trình lịch sử văn hiến Việt Nam; văn hóa nhận thức; văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên; tín ngưỡng, phong tục, lễ hội của người Việt; văn hóa tổ chức đời sống tập thể; giao lưu, tiếp biến văn hóa nước ngoài; danh nhân văn hóa dân tộc và các giá trị cốt lõi của truyền thống văn hóa Việt Nam. Học phần góp phần hình thành nhận thức về bản sắc văn hóa dân tộc, thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa truyền thống và trách nhiệm giữ gìn, phát huy văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

Mục tiêu học phần: Học phần nhằm giúp người học hình thành hiểu biết cơ bản về văn hóa, văn hiến Việt Nam, các giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, tín ngưỡng, phong tục, lễ hội, danh nhân văn hóa và quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa trong lịch sử Việt Nam. Thông qua các nội dung học tập, thảo luận và liên hệ thực tiễn, người học bước đầu biết nhận diện, giải thích và trao đổi về một số hiện tượng, giá trị, phong tục, tập quán và vấn đề văn hóa Việt Nam trong đời sống hiện nay. Học phần góp phần phát triển thái độ tôn trọng sự đa dạng văn hóa, ý thức giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, tinh thần trách nhiệm công dân và năng lực hợp tác trong học tập.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về văn hóa, văn hiến, văn vật, văn minh; đặc trưng, giá trị lịch sử và một số biểu hiện của bản sắc văn hóa Việt Nam.	Thể hiện trong đề thi trắc nghiệm 50 câu và thuyết trình – phản biện nhóm giữa kỳ
CLO2	Vận dụng được kiến thức về văn hiến Việt Nam để nhận diện, trao đổi và liên hệ ở mức cơ bản một số hiện tượng văn hóa, phong tục, tín ngưỡng, lễ hội hoặc vấn đề ứng xử văn hóa trong đời sống hiện nay.	
CLO3	Thể hiện được tinh thần tự chủ học tập và ý thức trách nhiệm công dân trong việc giữ gìn, tôn trọng các giá trị văn hóa truyền thống suốt quá trình tham gia học phần	Không đánh giá qua đề thi trắc nghiệm (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X							
CLO3							X	

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Thuyết trình - phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng	X		
Phát vấn	X		X
Thuyết trình - phản biện nhóm	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phản biện nhóm	Thi trắc nghiệm
CLO1		X	X
CLO2		X	X
CLO3	X	X	

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Trắc nghiệm	CLO1: Mức độ Hiểu. CLO2: Mức độ Vận dụng.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO1; CLO2; CLO3	30%	Kiến thức	Tuần 3 – 6	Thuyết trình - phản biện nhóm	CLO1: Mức độ Hiểu. CLO2&CLO3: Mức độ Vận dụng	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần và tham gia tương tác trong các buổi học	CLO3: Mức độ Vận dụng tinh thần học tập, ý thức, trách nhiệm	Lấy dữ liệu đo CLO3

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.
Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.14. Các vấn đề xã hội đương đại (Some social issues in recent modern society), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thực trạng, nguyên nhân của một số vấn đề xã hội đang xảy ra trong xã hội hiện nay như: một số vấn đề về lao động và việc làm, truyền thông trong xã hội hiện đại, giới và bình đẳng giới, tình yêu - hôn nhân - gia đình, bạo lực học đường, vị thành niên phạm tội, giới trẻ và các chất gây nghiện, stress. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về khả năng phân tích, đưa ra các giải pháp và cách thức phòng ngừa các vấn đề xã hội đang xảy ra hiện nay.

Mục tiêu học phần:

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thực trạng, nguyên nhân của một số vấn đề xã hội đang xảy ra trong xã hội hiện nay như: Một số vấn đề về lao động và việc làm, Truyền thông trong xã hội hiện đại, Giới và Bình đẳng giới, Tình yêu - hôn nhân - Gia đình, Bạo lực học đường, Vị thành niên phạm tội, Giới trẻ và các chất gây nghiện, Stress;

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về khả năng phân tích, đưa ra các giải pháp và cách thức phòng ngừa các vấn đề xã hội đang xảy ra hiện nay;

- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc nhóm hiệu quả

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được các vấn đề xã hội đương đại trong bối cảnh kinh tế, văn hóa và truyền thông.	Thể hiện trong bài thi tiểu luận
CLO2	Vận dụng được các vấn đề xã hội trong mối quan hệ với truyền thông và quan hệ công chúng.	- Thể hiện trong bài thi tiểu luận - Đánh giá thuyết trình, phản biện
CLO3	Đánh giá tác động của các vấn đề xã hội đối với xã hội, Vận dụng kiến thức để đề xuất giải pháp truyền thông phù hợp với các vấn đề xã hội.	Đánh giá thuyết trình, phản biện
CLO4	Thể hiện Thể hiện tư duy phản biện, trách nhiệm xã hội và khả năng hợp tác trong giải quyết vấn đề.	- Thể hiện trong bài thi tiểu luận - Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2		X						
CLO3			X					
CLO4								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Phát vấn		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi tiểu luận

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phản biện nhóm	Thi tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		X

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Tiểu luận)	CLO1; CLO2; CLO4;	60%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Theo lịch thu bài tiểu luận của Giảng	Tiểu luận	Sinh viên lựa chọn đề tài phù hợp và thực hiện hiện tiểu theo hướng dẫn	CLO2 CLO3 CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
				viên/ Nhà trường		của giảng viên.	
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1 - 9	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.15. Tâm lý học đại cương (Introduction to Psychology), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần tâm lý học đại cương cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về: hoạt động và giao tiếp; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; những hiểu biết về quá trình nhận thức, cảm xúc, tình cảm và ý chí và hiểu được

nhân cách của con người nhằm giúp người học nắm bắt tri thức cơ bản, hệ thống về các hiện tượng tâm lý.

Mục tiêu học phần: Học phần có những mục tiêu:

- Về kiến thức: Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về tâm lý học, bao gồm bản chất của tâm lý, vai trò của hoạt động và giao tiếp trong sự hình thành và phát triển tâm lý, cùng các hiện tượng tâm lý cơ bản như nhận thức, tình cảm, ý chí và nhân cách.

- Về kỹ năng: Hình thành cho sinh viên kỹ năng nhận diện, phân tích và vận dụng kiến thức tâm lý để thích ứng với môi trường học tập, làm việc và cuộc sống.

- Về thái độ: Sinh viên có thái độ học tập tích cực, tôn trọng con người và sự khác biệt về tâm lý, có trách nhiệm trong giao tiếp, ứng xử và hợp tác.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Xác định được khái niệm tâm lý và tâm lý học, bản chất tâm lý người, đối tượng, nhiệm vụ, chức năng của tâm lý và vai trò của hoạt động, giao tiếp trong sự hình thành và phát triển tâm lý của con người.	Thể hiện trong 2 câu đề thi tự luận
CLO2	Giải thích được bản chất của các hiện tượng tâm lý người và quá trình hình thành, phát triển tâm lý, ý thức của con người.	- Thể hiện trong 2 câu đề thi tự luận - Đánh giá qua thuyết trình và bài tập nhóm
CLO3	Vận dụng được kiến thức về các hiện tượng tâm lý cơ bản (nhận thức, tình cảm, ý chí, nhân cách) để thích ứng và hòa nhập với môi trường học tập, làm việc và cuộc sống.	Không đánh giá qua đề thi tự luận (đánh giá qua thuyết trình và bài tập nhóm)
CLO4	Thể hiện được sự tôn trọng con người, tôn trọng sự khác biệt về tâm lý và có trách nhiệm trong giao tiếp, ứng xử, hợp tác	Không đánh giá qua đề thi tự luận (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2		X						
CLO3							X	

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X	X	X
Phát vấn	X	X		
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, bài tập nhóm, thi tự luận

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Thi tự luận	Bài tập nhóm
CLO1			X	
CLO2		X	X	X
CLO3		X	X	X
CLO4	X			

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2; CLO3;	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Tự luận	CLO1: Mức độ hiểu. CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức CLO3: Mức độ vận dụng	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3,

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 2 - 9	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài trắc nghiệm và Rubric thuyết trình	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Kỹ năng phối hợp và trình bày.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ, giao tiếp, hợp tác	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.16. Phương pháp học đại học (Methods of Learning at University), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần bao gồm 6 chương, xoay quanh các nội dung chính: tìm hiểu sự thay đổi, thách thức ở môi trường đại học; rèn luyện kỹ năng học tập cho sinh viên, cung cấp những phương pháp nâng cao hiệu quả học tập; hướng dẫn sinh

viên cách thực hiện một đề cương nghiên cứu khoa học, trình bày tiểu luận môn học. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên những kỹ năng xử lý tình huống khi gặp phải trong thực tế (nơi thực tập hay kiến tập, nơi làm thêm...) hay trải nghiệm bản thân trong cuộc sống (tham gia các phong trào Đoàn, Hội, công tác xã hội, làm thêm...).

Mục tiêu học phần: Học phần nhằm giúp người học nhận biết những đặc điểm, yêu cầu, cơ hội và thách thức của môi trường học tập ở bậc đại học; hiểu và bước đầu vận dụng các phương pháp, kỹ năng học tập phù hợp như tự học, đọc tài liệu, ghi chú, làm việc nhóm, thuyết trình, sử dụng công nghệ thông tin và quản lý hoạt động học tập. Học phần đồng thời trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, tìm kiếm và sử dụng tài liệu, trích dẫn học thuật, xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và trình bày tiểu luận môn học. Qua đó, học phần góp phần hình thành thái độ chủ động, kỷ luật, hợp tác, có trách nhiệm và tự định hướng trong quá trình học tập đại học.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Xác định được những kiến thức cơ bản về môi trường học tập ở bậc đại học; sự khác biệt giữa môi trường học tập ở phổ thông và đại học; các phương pháp học tập cơ bản trong môi trường đại học	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO2	Giải thích được cách sử dụng một số phương pháp, kỹ năng học tập và công cụ công nghệ thông tin phục vụ học tập đại học, tìm kiếm tài liệu, thuyết trình, viết tiểu luận và xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học cơ bản.	
CLO3	Thực hiện được ở mức cơ bản một số kỹ năng học tập đại học như tự học, đọc tài liệu, ghi chú, tìm kiếm tài liệu, làm việc nhóm, thuyết trình, xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và trình bày tiểu luận theo hướng dẫn.	Không đánh giá qua bài tiểu luận (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Thể hiện được ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, thái độ hợp tác và chủ động trong học tập, làm việc nhóm và hỗ trợ cộng đồng học tập.	Không đánh giá qua đề thi tiểu luận (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1								X
CLO2						X		
CLO3							X	
CLO4								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi tự luận...

Ma trận tương thích CLO với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Thi tự luận	Bài tập nhóm
CLO1			X	
CLO2		X	X	X
CLO3		X	X	X
CLO4	X			

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Tiểu luận - xây dựng đề cương NCKH)	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Theo lịch thu bài tiểu luận của Giảng viên/ Nhà trường	Tiểu luận	Sinh viên lựa chọn đề tài phù hợp và xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học cơ bản theo hướng dẫn của giảng viên.	CLO1 CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Quá trình	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1 - 9	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.17. Kỹ năng sử dụng tiếng Việt (Vietnamese Language Skills), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 5 chương giới thiệu khái quát về âm tiết, chữ viết và văn bản của người Việt; hướng dẫn rèn luyện kỹ năng kiểm tra, phát hiện và chỉnh sửa lỗi sử dụng tiếng Việt trên văn bản và trong giao tiếp lời nói; hướng dẫn cập nhật quy định và yêu cầu cơ bản về chữ viết, ngôn ngữ, thể thức soạn thảo hiện hành của văn bản khoa học, văn bản hành chính và văn bản báo chí. Rèn luyện kỹ năng soạn thảo hoàn thiện một số mẫu văn bản thông thường ứng dụng trong học tập, làm việc

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho người học những kiến thức đại cương về tiếng Việt trong nói và viết nhằm nâng cao khả năng nắm bắt và sử dụng chuẩn xác tiếng Việt. Hình thành và rèn luyện kỹ năng sử dụng đúng chuẩn ngôn ngữ và phong cách tiếng Việt cũng như các kỹ năng, thao tác thiết yếu về văn bản.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về khả năng phân tích, phán đoán và cách thức trình bày văn bản ở các dạng thức nâng cao.

- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc nhóm hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Xác định được khái niệm, cấu tạo âm tiết, chữ viết tiếng Việt và các loại văn bản, cũng như các quy định hiện hành về chuẩn chính tả tiếng Việt.	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO2	Phân tích được các đặc trưng ngôn ngữ và thể thức trình bày các loại hình văn bản phổ biến (khoa học, hành chính, báo chí).	
CLO3	Thực hiện được các mẫu văn bản hành chính, báo chí và báo cáo khoa học đúng quy định về thể thức và chuẩn mực ngôn từ.	Không đánh giá qua bài tiểu luận (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Thể hiện được ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; tinh thần trách nhiệm, kỷ luật trong học tập và làm việc nhóm	Không đánh giá qua bài tiểu luận (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1					X			
CLO2						X		
CLO3					X			
CLO4								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi tiểu luận...

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phản biện nhóm	Thi tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Theo lịch thu bài tiểu luận của giảng viên/ nhà trường	Tiểu luận	CLO1: Mức độ hiểu CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức	CLO1, CLO2
Quá trình	CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1 - tuần 9	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình.	CLO3: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 3
	CLO4	10%	Thái độ	Tuần 1 - tuần 9	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ, tích cực...	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.18. Kỹ năng hành chính văn phòng (Office administrative skills), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần:

Học phần gồm 5 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về công tác nghiệp vụ văn phòng và quản trị hoạt động hành chính văn phòng, nhằm giúp người học lập được kế hoạch hội nghị, hội họp, đi công tác, tiếp khách, soạn thảo văn bản hành chính thông dụng ... một cách khoa học và hiệu quả khi đi làm thực tế ở doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm bao gồm: giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình.

Mục tiêu học phần: Học phần có những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác văn phòng và các nghiệp vụ hành chính văn phòng như xử lý công văn, tổ chức hội họp, soạn thảo văn bản, kỹ thuật viết email, lưu trữ tài liệu và giao tiếp hành chính.

Về kỹ năng: Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hành nghiệp vụ văn phòng; kỹ năng phân tích, xử lý thông tin, giao tiếp, thuyết trình và tổ chức công việc văn phòng hiệu quả.

Về thái độ: Học phần góp phần hình thành cho sinh viên tác phong làm việc chuyên nghiệp, cẩn thận, trách nhiệm, trung thực và ý thức tuân thủ quy định trong môi trường hành chính – văn phòng.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Xác định được những kiến thức cơ bản về công tác văn phòng và quản trị hành chính văn phòng.	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO2	Phân tích các hoạt động trong văn phòng để quản trị Doanh nghiệp.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Thể hiện qua bài thuyết trình, bài tập nhóm
CLO3	Thực hiện các công việc mà nhân viên văn phòng phải làm như: soạn thảo văn bản, lập kế hoạch tổ chức hội họp, sự kiện, tổ chức chuyển đi công tác cho lãnh đạo, giao tiếp, viết email... một cách thành thạo và chuyên nghiệp.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Thể hiện qua bài thuyết trình, bài tập nhóm
CLO4	Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, tự học, tự đánh giá điều chỉnh học tập	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Thể hiện qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2			X					
CLO3						X		
CLO4							X	

Phương pháp dạy – học: Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình			X	X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi tiểu luận

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phản biện nhóm	Thi tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phản biện nhóm	Thi tiểu luận
CLO4	X		X

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Tiểu luận)	CLO1, CLO2; CLO3; CLO4;	60%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Theo lịch thu bài tiểu luận của Giảng viên/ Nhà trường	Tiểu luận	Mỗi nhóm lựa chọn 1 tỉnh và lập kế hoạch tổ chức chuyến tham quan nghỉ mát tại tỉnh thành đã chọn theo hướng dẫn của giảng viên.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3-8	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.19. Quản trị sự thay đổi (Change Management), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm 05 chương, cung cấp cho người học kiến thức nhập môn về quản trị sự thay đổi trong tổ chức và môi trường nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: khái niệm, vai trò và ý nghĩa của quản trị sự thay đổi; bối cảnh, nguyên nhân, động lực và các hình thức thay đổi; mức độ sẵn sàng thay đổi của cá nhân và tổ chức; một số mô hình quản trị sự thay đổi; truyền thông, huy động sự tham gia của các bên liên quan; phản ứng tâm lý, sự chống đối thay đổi và cách hỗ trợ cá nhân, nhóm thích nghi với thay đổi. Học phần cũng giới thiệu định hướng xây dựng tổ chức học hỏi, đổi mới liên tục và thích ứng với chuyển đổi số trong bối cảnh hiện nay

Mục tiêu học phần: Học phần nhằm giúp người học hình thành nhận thức cơ bản về bản chất, nguyên nhân, động lực và quá trình thay đổi trong tổ chức, doanh nghiệp và môi trường nghề nghiệp. Thông qua các khái niệm, mô hình, tình huống và ví dụ thực tiễn, người học bước đầu nhận diện được các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn sàng thay đổi, phản ứng của cá nhân và nhóm trước thay đổi, vai trò của truyền thông, lãnh đạo và các bên liên quan trong quá trình thay đổi. Học phần góp phần hình thành thái độ chủ động, linh hoạt, hợp tác, có trách nhiệm và sẵn sàng học hỏi để thích ứng với thay đổi trong học tập, nghề nghiệp và đời sống

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được các khái niệm cơ bản, vai trò, nguyên nhân, động lực và quá trình	

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
	thay đổi trong tổ chức, doanh nghiệp và môi trường nghề nghiệp.	Thể hiện trong bài tiểu luận
CLO2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về quản trị sự thay đổi và công nghệ để nhận diện tình huống thay đổi, phác thảo định hướng kế hoạch thay đổi và đề xuất cách thích ứng phù hợp ở mức cơ bản.	
CLO3	Thể hiện được thái độ chủ động, linh hoạt, hợp tác, có trách nhiệm và sẵn sàng học hỏi trong học tập và hoạt động nghề nghiệp khi đối diện với sự thay đổi.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Thể hiện qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1				X				
CLO2							X	
CLO3								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đọc và tóm lược nội dung tài liệu, Giao bài đọc về nhà

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X			X
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X			
Giao bài đọc về nhà			X	
Thảo luận nhóm			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi tiểu luận

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phản biện nhóm	Thi tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3	X	X	

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Tiểu luận	CLO1: Mức độ hiểu và phân tích kiến thức. CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức quản trị sự thay đổi.	Lấy dữ liệu do CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3 - 8	Thuyết trình – phản biện nhóm	CLO2: Nội dung phân tích và giải pháp. CLO3: Kỹ năng phối hợp, phản biện và thích nghi.	Lấy dữ liệu do CLO2, CLO3
	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chủ động, tích cực, trách nhiệm và hợp tác trong học tập	Lấy dữ liệu do CLO3

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
			thường xuyên.	đôi tích cực.	vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.20. Giao tiếp đa văn hóa (Cross-cultural communication), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần:

Học phần bao gồm 6 chương, xoay quanh các nội dung chính: Môn học cung cấp cách tiếp cận với những nền văn hóa xa lạ, giúp người học thay đổi quan niệm về bối cảnh giao tiếp trong giai đoạn hiện nay và từ đó tiến hành giao tiếp có hiệu quả hơn trong công việc. Cách tiếp cận này kết hợp thế mạnh của 2 lĩnh vực: giao tiếp liên văn hóa (intercultural communication), đặt nền tảng trên các lý thuyết về tâm lý học và các lĩnh vực liên quan- và kinh doanh quốc tế (international business).

Giao tiếp liên văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, các cách thức vượt qua sự khác biệt văn hóa, văn hóa và giao tiếp, tác động của văn hóa lên tiến trình giao tiếp, tầm quan trọng của việc học hỏi văn hóa, sốc văn hóa, các giá trị văn hóa đối lập nhau, các giá trị văn hóa đối lập nhau, giao tiếp phi ngôn ngữ, tìm hiểu văn hóa Việt Nam, điều nên làm và không nên làm trong văn hóa Việt Nam dưới cái nhìn của người nước ngoài, tìm hiểu văn hóa Việt Nam trong kinh doanh, tìm hiểu văn hóa Hoa Kỳ, tìm hiểu văn hóa Nhật, tìm hiểu văn hóa Pháp, tìm hiểu văn hóa Trung Quốc,...

Mục tiêu học phần:

Học phần có những mục tiêu:

- Kiến thức: Cung cấp kiến thức về một số lĩnh vực trong văn hóa, phi ngôn ngữ trong các nền văn hóa, các yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến hành vi con người, để người học xây dựng được độ nhạy bén văn hóa (Cultural intelligence Quotient= CQ) như một năng lực (competence) bắt buộc trong môi trường làm việc toàn cầu (global workplace) ngày nay.

- Kỹ năng: Làm việc theo nhóm, nghệ thuật giao tiếp giúp người học hình thành và hoàn thiện các năng lực giao tiếp của bản thân trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

- Về thái độ: Sinh viên có thái độ học tập tích cực, thể hiện được tinh thần tự chủ, ý thức trách nhiệm công dân trong việc giữ gìn, tôn trọng các giá trị văn hóa truyền thống suốt quá trình tham gia học phần.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được tầm quan trọng của yếu tố văn hóa trong giao tiếp môi trường kinh doanh nơi làm việc, với con người thuộc các nền văn hóa khác nhau trong nhóm làm việc của mình.	Thể hiện trong 50 câu trắc nghiệm
CLO2	Giải quyết được các tình huống ứng xử, xung đột giao tiếp hoặc bài toán thực tế về phong tục tập quán thông qua hoạt động phối hợp làm việc nhóm	
CLO3	Thể hiện được tinh thần tự chủ học tập và ý thức trách nhiệm công dân trong việc giữ gìn, tôn trọng các giá trị văn hóa truyền thống suốt quá trình tham gia học phần	Bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2							X	
CLO3								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự nghiên cứu

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X	X	X
Phát vấn	X		X	X
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự nghiên cứu	X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, Thuyết trình, Kiểm tra trắc nghiệm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Kiểm tra trắc nghiệm
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Nhận thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Trắc nghiệm	CLO1: Mức độ Hiểu. CLO2: Mức độ Vận dụng kiến thức chính sách.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3 - 6	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài viết và Rubric thuyết trình.	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 2
	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 15)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
	hoạt động học tập.		đóng góp chưa thường xuyên.	góp tương đối tích cực.	nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.21. Pháp luật về truyền thông (Law of Communication), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần:

Môn học gồm 06 chương, trình bày các khái niệm cơ bản về pháp luật; quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí-xuất bản (những nguyên tắc cơ bản, bộ máy nhà nước và hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí-xuất bản); pháp luật về báo chí (cơ quan báo chí- các loại hình, nhiệm vụ và quyền hạn; nhà báo, cộng tác viên – nhiệm vụ và quyền hạn); pháp luật về xuất bản (hệ thống pháp luật điều chỉnh về xuất bản, quyền và nghĩa vụ công dân đối với hoạt động xuất bản, quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất bản).

Môn học cũng đề cập đến vấn đề quyền tác giả, sở hữu trí tuệ (qui chế bảo hộ quyền tác giả, chuyển giao quyền sở hữu tác phẩm...), trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực báo chí-xuất bản, các hoạt động quản lý cũng như cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

Mục tiêu học phần: Sinh viên nhận thức chung được các vấn đề cơ bản về pháp luật và quản lý nhà nước đối với lĩnh vực truyền thông. Đồng thời nắm được những quy định pháp luật cơ bản liên quan đến ngành luật sở hữu trí tuệ như bảo hộ quyền tác giả, chuyển giao quyền sở hữu tác phẩm... các quy định về hoạt động mạng xã hội và trang thông tin điện tử để từ đó có thể vận dụng kiến thức pháp luật giải quyết những vấn đề pháp lý về truyền thông xảy ra trong thực tiễn.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được các khái niệm cơ bản pháp luật về báo chí, pháp luật về xuất bản, pháp luật về quyền tác giả, pháp luật về hoạt động mạng xã hội.	Thể hiện qua bài thi tự luận 2 câu

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO2	Trình bày được trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, quyền tác giả, hoạt động mạng xã hội.	- Thể hiện qua bài thi tự luận 2 câu - Thể hiện qua thuyết trình, bài tập nhóm
CLO3	Vận dụng được các quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản phát sinh trong thực tiễn thông qua làm việc nhóm và thuyết trình.	Không đánh giá qua bài tự luận (đánh giá qua thuyết trình, bài tập nhóm)
CLO4	Thể hiện ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật và tinh thần trách nhiệm công dân trong học tập, sinh hoạt và các hoạt động xã hội.	Không đánh giá qua bài tự luận (đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học)

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2								X
CLO3						X		
CLO4								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Giải quyết vấn đề			X	
Tự học có hướng dẫn			X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm			X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi tự luận

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phản biện nhóm	Thi tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình – Phản biện nhóm	Thi tiểu luận
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Tự luận	CLO1: Mức độ hiểu. CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3 - 6	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài tự luận và Rubric thuyết trình	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 3
		10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.22. Kỹ thuật quay Audio Video (Audio Video Recording Techniques), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần Kỹ thuật quay Audio-Video cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng thực hành cơ bản về hệ thống thiết bị, nguyên lý kỹ thuật và quy trình sản xuất audio-video trong hoạt động truyền thông hiện đại. Nội dung học phần bao gồm: tổng quan về audio-video; nguyên lý video; nguyên lý audio; phân loại thiết bị video và audio; ánh sáng cho phim; kết nối tín hiệu audio-video; và hệ thống dựng hình trực tiếp. Thông qua các hoạt động lý thuyết, thảo luận, bài tập cá nhân và bài tập nhóm, sinh viên được rèn luyện khả năng nhận diện, lựa chọn, lắp ráp, vận hành thiết bị quay – thu âm – ánh sáng và thực hiện sản phẩm audio-video cơ bản phục vụ các bối cảnh truyền thông, quan hệ công chúng và truyền thông đa phương tiện. Học phần đồng thời góp phần hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác, ý thức bảo quản thiết bị và trách nhiệm nghề nghiệp trong sản xuất truyền thông.

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp kiến thức cơ bản về máy quay, thiết bị audio-video, ánh sáng, tín hiệu hình ảnh – âm thanh và thiết bị phụ trợ;

- Giúp sinh viên bước đầu nhận diện, lựa chọn và sử dụng một số thiết bị audio-video thông dụng phục vụ các nhiệm vụ học tập như quay bối cảnh, ghi âm, video ngắn hoặc phóng sự truyền thông cơ bản;

- Rèn luyện kỹ năng thực hành có hướng dẫn trong chuẩn bị thiết bị, thao tác quay – thu âm, điều chỉnh ánh sáng và kết nối thiết bị ở mức cơ bản;

- Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tinh thần làm việc nhóm, trách nhiệm trong sử dụng – bảo quản thiết bị và tuân thủ quy trình thực hành nghề nghiệp truyền thông.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được chức năng cơ bản của máy quay, thiết bị audio-video, thiết bị ánh sáng và thiết bị phụ trợ trong hoạt động quay – thu âm.	- Đánh giá bài tiểu luận/sản phẩm Audio Video) - Đánh giá qua bài tập cá nhân
CLO2	Triển khai được các nguyên lý cơ bản về hình ảnh, âm thanh, ánh sáng, thông số kỹ thuật và kết nối tín hiệu audio-video trong sản xuất sản phẩm truyền thông cơ bản.	- Đánh giá bài tiểu luận/sản phẩm Audio Video) - Đánh giá qua bài tập nhóm, thuyết trình
CLO3	Làm chủ được các bước trong chuẩn bị thiết bị, để thực hiện quay hình, thu âm, điều chỉnh ánh sáng và kết nối thiết bị audio-video theo hướng dẫn.	- Đánh giá bài tiểu luận/sản phẩm Audio Video) - Đánh giá qua bài tập cá nhân - Đánh giá qua bài tập nhóm, thuyết trình
CLO4	Đóng góp được quy trình thực hành, yêu cầu làm việc nhóm, nguyên tắc sử dụng – bảo quản thiết bị và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động quay – thu âm.	- Đánh giá qua bài tập nhóm, thuyết trình - Đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học.

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1					X			
CLO2					X			
CLO3						X		
CLO4						X		

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng tích cực, Phát vấn/Câu hỏi gợi mở, Hướng dẫn thực hành và mô phỏng thao tác thiết bị, Giải quyết vấn đề kỹ thuật trong quay – thu âm, Phân tích tình huống/nhận xét sản phẩm audio-video, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLO với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng tích cực	X	X		
Phát vấn/Câu hỏi gợi mở	X	X		
Hướng dẫn thực hành và mô phỏng thao tác thiết bị	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề kỹ thuật trong quay – thu âm		X	X	X
Phân tích tình huống/nhận xét sản phẩm audio-video		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá Chuyên cần, Thuyết trình, Bài tập cá nhân/nhóm, Sản phẩm thực hành

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Bài tập cá nhân/nhóm	Tiểu luận/sản phẩm Audio video
CLO1			X	X
CLO2		X	X	X
CLO3		X	X	X
CLO4	X	X	X	

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi/dánh giá cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 9	Rubric đánh giá tiểu luận/sản phẩm Audio – Video cuối kỳ	CLO1: Trình bày được chức năng thiết bị. CLO2: Triển khai được nguyên lý hình ảnh, âm thanh, ánh sáng, thông số và kết nối tín hiệu. CLO3. Làm chủ được các bước trong chuẩn bị thiết	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miễn	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						bị, để thực hiện quay hình, thu âm, điều chỉnh ánh sáng và kết nối thiết bị audio-video theo hướng dẫn.	
Quá trình/Giữa kỳ	CLO1; CLO3	10%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3–5	Bài tập cá nhân	Sinh viên thực hành nhận diện thiết bị, chuẩn bị thiết bị, thao tác quay – thu âm, quay bối cảnh nội – ngoại và ngoại – ngoại.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO3 từ điểm bài tập cá nhân.
Giữa kỳ	CLO2; CLO3; CLO4	20%	Kiến thức, kỹ năng và thái độ	Tuần 6–8	Bài tập nhóm/Tuyệt trình – phản biện sản phẩm thực hành	Nhóm sinh viên xây dựng phương án thiết bị, thực hiện video/phóng sự truyền thông ngắn, trình bày quy trình thực hiện, phản biện và rút kinh nghiệm sản phẩm.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3, CLO4
Quá trình	CLO4	10%	Thái độ/Tự chủ và trách	Suốt học kỳ, tuần 1–9	Bảng kiểm soát chuyên cần, quan sát	Đánh giá mức độ chuyên cần, tinh thần hợp tác, tuân thủ quy trình thực hành, sử dụng –	Lấy dữ liệu đo CLO4

Dánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
			nhệ m		tham gia lớp học và thực hành	bảo quản thiết bị và trách nhiệm trong hoạt động nhóm.	
Tổng	CLO1 – CLO4	100%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Tuần 1-9	Tổng hợp các công cụ đánh giá	Bảo đảm đo đủ 04 CLOs của học phần.	Dữ liệu tổng hợp phục vụ đánh giá mức độ đạt CLOs.

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.23. Nghệ thuật nhiếp ảnh (Art of Photography), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần.

Học phần Nghệ thuật nhiếp ảnh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành về máy ảnh, thiết bị chụp hình, kỹ thuật chụp ảnh, bố cục tạo hình, ống

kính, ánh sáng, các thể loại ảnh, ảnh đơn và phóng sự ảnh. Học phần giúp sinh viên vận dụng các thông số kỹ thuật như khẩu độ, tốc độ, ISO, đo sáng, lấy nét, cân bằng trắng, tiêu cự và độ sâu trường ảnh để thực hiện các sản phẩm ảnh có bố cục, ánh sáng, nội dung và thông điệp phù hợp. Thông qua bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận và trình bày sản phẩm, sinh viên phát triển tư duy thị giác, khả năng đọc ảnh, lựa chọn chủ đề và thực hiện sản phẩm nhiếp ảnh ứng dụng trong bối cảnh quan hệ công chúng và truyền thông đa phương tiện.

Mục tiêu học phần

- Trang bị kiến thức cơ bản về máy ảnh, thiết bị chụp hình, ống kính, ánh sáng, bố cục và các thể loại nhiếp ảnh.
- Rèn luyện kỹ năng sử dụng các thông số kỹ thuật cơ bản như khẩu độ, tốc độ, ISO, đo sáng, lấy nét, cân bằng trắng và tiêu cự trong quá trình chụp ảnh.
- Phát triển khả năng vận dụng bố cục, ánh sáng, góc chụp và ngôn ngữ hình ảnh để tạo sản phẩm ảnh có nội dung và thông điệp rõ ràng
- Hình thành năng lực thực hiện ảnh đơn, ảnh theo chủ đề hoặc phóng sự ảnh phục vụ hoạt động truyền thông, PR và truyền thông đa phương tiện.
- Góp phần hình thành ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm trong sử dụng thiết bị, làm việc nhóm, đạo đức hình ảnh, bản quyền và tính trung thực trong nhiếp ảnh truyền thông.

Chuẩn đầu ra học phần.

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được chức năng của máy ảnh, ống kính, thông số kỹ thuật và thiết bị liên quan trong quá trình chụp ảnh	- Đánh giá qua bài tiểu luận /sản phẩm nhiếp ảnh
CLO2	Triển khai được tác phẩm có bố cục, ánh sáng, màu sắc, góc chụp và ngôn ngữ hình ảnh trong tác phẩm nhiếp ảnh.	- Đánh giá thuyết trình – phản biện - Đánh giá qua bài tiểu luận /sản phẩm nhiếp ảnh
CLO3	Hoàn thành được sản phẩm ảnh đơn, ảnh theo chủ đề hoặc phóng sự ảnh bằng việc vận dụng kỹ thuật chụp, bố cục, ánh sáng và xử lý hình ảnh cơ bản.	- Đánh giá qua bài tiểu luận /sản phẩm nhiếp ảnh - Đánh giá thuyết trình – phản biện
CLO4	Tuân thủ được quy định sử dụng thiết bị, làm việc nhóm, đạo đức hình ảnh, bản quyền và tính trung thực trong nhiếp ảnh truyền thông.	- Đánh giá thuyết trình – phản biện - Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1					X			
CLO2					X			
CLO3						X		
CLO4						X		

Phương pháp dạy – học Thuyết giảng tích cực, Phát vấn/Câu hỏi gợi mở, Hướng dẫn thực hành kỹ thuật nhiếp ảnh, Phân tích tình huống/sản phẩm nhiếp ảnh, Giải quyết vấn đề thực hành, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm, Thực hành sản phẩm nhiếp ảnh theo chủ đề

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng tích cực	X	X		X
Phát vấn/Câu hỏi gợi mở	X	X		X
Hướng dẫn thực hành kỹ thuật nhiếp ảnh	X	X	X	X
Phân tích tình huống/sản phẩm nhiếp ảnh		X	X	X
Giải quyết vấn đề thực hành	X	X	X	
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X
Thực hành sản phẩm nhiếp ảnh theo chủ đề	X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá Chuyên cần, Thuyết trình, Bài tập cá nhân/nhóm, Sản phẩm thực hành

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Bài tập cá nhân/nhóm	Tiểu luận/Sản phẩm nhiếp ảnh
CLO1			X	X
CLO2		X		X
CLO3		X	X	X
CLO4	X	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi/ đánh giá cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 9	Rubric đánh giá tiểu luận/ sản phẩm nhiếp ảnh	CLO1: Mức độ trình bày được chức năng thiết bị, ống kính và thông số kỹ thuật. CLO2: Mức độ triển khai được tác phẩm có bố cục, ánh sáng, góc chụp và ngôn ngữ hình ảnh. CLO3: Mức độ hoàn thành được sản phẩm nhiếp ảnh ứng dụng.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3 từ điểm sản phẩm nhiếp ảnh cuối kỳ và phần thuyết minh.
Quá trình/ Giữa kỳ	CLO1; CLO3	10%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3–5	Rubric đánh giá bài tập cá nhân thực hành chụp ảnh theo chủ đề	Sinh viên thực hành sử dụng thiết bị, điều chỉnh thông số kỹ thuật, bố cục, ánh sáng, góc chụp và thực hiện ảnh theo chủ đề.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO3 từ điểm bài tập cá nhân.
	CLO2; CLO3; CLO4	20%	Kiến thức, kỹ năng và thái độ	Tuần 6–8	Rubric đánh giá thuyết trình – phản biện nhóm về sản phẩm nhiếp ảnh	Nhóm sinh viên trình bày, phân tích và phản biện sản phẩm nhiếp ảnh; giải thích lựa chọn kỹ thuật, bố cục, ánh sáng, nội dung, thông điệp và trách nhiệm hình ảnh.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3, CLO4 từ điểm thuyết trình – phản biện nhóm.

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Chi chú	Điểm lấy dữ liệu
	CLO4	10%	Thái độ/Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ, tuần 1-9	Bảng kiểm soát chuyên cần, tham gia thực hành, thảo luận và làm việc nhóm	Đánh giá mức độ chuyên cần, tham gia thực hành, tinh thần hợp tác, trách nhiệm sử dụng thiết bị, đạo đức hình ảnh, bản quyền và tính trung thực trong nhiếp ảnh.	Lấy dữ liệu đo CLO4 từ điểm chuyên cần và quan sát quá trình tham gia học tập.
Tổng	CLO1-CLO4	100%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Tuần 1-9	Tổng hợp các công cụ đánh giá	Bảo đảm đo đủ 04 CLOs của học phần.	Dữ liệu tổng hợp phục vụ đánh giá mức độ đạt CLOs.

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ, chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.24. Kỹ năng tác nghiệp báo chí (Journalistic skills), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần Kỹ năng tác nghiệp báo chí cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghề báo, nghề phóng viên và quy trình tác nghiệp báo chí trong môi trường truyền thông đa nền tảng. Nội dung học phần tập trung vào các khâu phát hiện và lựa chọn đề tài, xác định nguồn tin, lập kế hoạch tác nghiệp, quan sát, ghi chép, phỏng vấn, ghi âm, ghi hình, chụp ảnh, thu thập – kiểm chứng – xử lý thông tin, tổ chức nội dung và xây dựng tin, bài hoặc sản phẩm báo chí cơ bản. Học phần đồng thời chú trọng yêu cầu về đạo đức nghề báo, pháp luật truyền thông, bản quyền, quyền riêng tư, bảo mật nguồn tin, phòng tránh tin giả và trách nhiệm xã hội trong hoạt động tác nghiệp báo chí.

Mục tiêu học phần:

Học phần nhằm giúp người học phân tích được vai trò, nhiệm vụ và quy trình tác nghiệp của phóng viên trong môi trường báo chí đa nền tảng; đánh giá được đặc trưng của một số thể loại báo chí, phương pháp thu thập, kiểm chứng và xử lý thông tin phù hợp với từng tình huống tác nghiệp; thực hiện được các kỹ năng cơ bản như lựa chọn đề tài, lập kế hoạch tác nghiệp, quan sát, ghi chép, phỏng vấn, ghi âm, ghi hình, chụp ảnh, xử lý thông tin và xây dựng tin, bài hoặc sản phẩm báo chí cơ bản. Học phần góp phần hình thành ý thức trung thực, khách quan, cẩn trọng, tuân thủ đạo đức nghề báo, pháp luật truyền thông, bản quyền, quyền riêng tư, bảo mật nguồn tin và trách nhiệm xã hội trong hoạt động tác nghiệp báo chí.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được vai trò, nhiệm vụ, quy trình tác nghiệp của phóng viên và đặc điểm hoạt động báo chí trong các bối cảnh truyền thông khác nhau	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO2	Đánh giá được đặc trưng của các thể loại báo chí, phương pháp thu thập thông tin và cách thức xử lý thông tin phù hợp với từng tình huống tác nghiệp.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm
CLO3	Thực hiện được quy trình tác nghiệp báo chí gồm lựa chọn đề tài, lập kế hoạch tác nghiệp, quan sát, phỏng vấn, ghi âm, ghi hình, kiểm chứng, xử lý và tổ chức thông tin để xây dựng tin, bài hoặc sản phẩm báo chí cơ bản.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO4	Thể hiện được ý thức tuân thủ đạo đức nghề báo, pháp luật truyền thông, bản quyền, quyền riêng tư, an toàn thông tin, bảo vệ nguồn tin, phòng tránh tin giả và trách nhiệm xã hội trong hoạt động tác nghiệp báo chí.	Đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần của người học

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3					X			
CLO4								X

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng tích cực, Phát vấn, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng tích cực	X	X		X
Phát vấn	X	X		X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, Thuyết trình – Phản biện, thi tiểu luận

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Báo cáo tiểu luận)	CLO1, CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 9	Tiểu luận cuối kỳ Rubrics đánh giá tiểu luận	Nội dung tiểu luận gồm các đề mục chính: 1. Giới thiệu vấn đề/chủ đề 2. Trình bày cơ sở lý thuyết/khái niệm liên quan đến kỹ năng tác nghiệp báo chí 3. Phân tích quy trình, kỹ năng tác nghiệp của phóng viên, kỹ năng phỏng vấn và xử lý thông tin phỏng vấn 4. Vận dụng vào tình huống thực tiễn 5. Đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp báo chí 6. Kết luận và tài liệu tham khảo.	CLO1 CLO2
Quá trình Giữa kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 2-8	Bài tập; Thảo luận; Thuyết trình, phản biện nhóm	Nội dung thuyết trình gồm các phần chính: - Trình bày được lý luận liên quan chủ đề - Phân tích được các vấn đề liên quan chủ đề - Có vận dụng vào thực tiễn/ Đề xuất phương án thực hiện	CLO2; CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miễn	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						- Kỹ năng trình bày, chất lượng slide trình chiếu - Sự phối hợp của thành viên nhóm, phản biện hiệu quả	
Quá trình liên tục	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ Tuần 1-9	Bảng điểm chuyên cần	Nội dung theo dõi gồm: 1. Mức độ tham dự đầy đủ các buổi học. 2. Tinh thần chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập 3. Mức độ tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hoạt động trên lớp. 4. Thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến người khác. 5. Ý thức trách nhiệm, đúng hạn và tuân thủ quy định học tập.	CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi, không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương	Tham gia đầy đủ, chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
			thường xuyên.	đôi tích cực.	vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%
Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.25. Nghiệp vụ biên tập và xuất bản (Editing and Publishing), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp kiến thức về các vấn đề: tầm quan trọng của công tác biên tập, đặc thù lao động biên tập trong hoạt động báo chí và xuất bản; các vị trí biên tập trong cơ quan báo chí, xuất bản, ấn loát...; các hoạt động nghiệp vụ trong công tác biên tập, qui trình biên tập, xử lý tin bài trong tòa soạn, kỹ năng biên tập các thể loại văn bản báo chí, sách và các ấn phẩm khác; khía cạnh tâm lý trong công tác Biên tập-Xuất bản. Môn học cũng giới thiệu một số phần mềm xử lý văn bản giúp cho công việc biên tập nhanh và hiệu quả hơn. Phương pháp đánh giá cuối kỳ của học phần là hình thức tiểu luận.

Mục tiêu học phần:

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ sở lý luận và một số kỹ năng nghiệp vụ về báo chí, truyền thông và xuất bản; đồng thời phát triển khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong giảng dạy, hoạt động báo chí và công tác văn phòng, đáp ứng yêu cầu vận dụng phương pháp và công nghệ hiện đại trong công việc. Học phần cũng góp phần hình thành ý thức đạo đức phù hợp với chuẩn mực xã hội, tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc đảm nhận và vai trò cá nhân trong đời sống xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần.

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Chỉ ra được quy trình và yêu cầu của hoạt động biên tập – xuất bản trong lĩnh vực báo chí, truyền thông	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO2	Phân tích được nội dung, hình thức và kỹ thuật xử lý sản phẩm báo chí – xuất bản	- Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO3	Thực hiện được quy trình biên tập và ứng dụng công nghệ trong xử lý sản phẩm truyền thông.	- Đánh giá qua thuyết trình, phân biện nhóm

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO4	Thể hiện được trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động biên tập – xuất bản	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Đánh giá qua Bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1						X		
CLO2		X						
CLO3					X			
CLO4								X

Phương pháp dạy – học Dạy học trực tiếp, Câu hỏi gợi mở, Phân tích tình huống, Học theo nhóm, Thuyết trình và phản biện, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy – học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Dạy học trực tiếp	X			X
Câu hỏi gợi mở	X	X		
Phân tích tình huống		X	X	X
Học theo nhóm			X	X
Thuyết trình và phản biện	X		X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, Thuyết trình nhóm, thi tiểu luận

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình nhóm	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Báo cáo tiểu luận)	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức, Kỹ năng	Tuần 9	Tiểu luận và Rubric đánh giá tiểu luận	Nội dung tiểu luận gồm các đề mục chính: 1. Giới thiệu một văn bản sách/ báo chí được lựa chọn. 2. Trình bày quy trình và yêu cầu biên tập văn bản có liên quan. 3. Trình bày phương án xử lý nội dung, hình thức văn bản có liên qua 4. Nhận xét sử dụng kỹ thuật trong xử lý văn bản sách, báo chí 5. Trình bày sản phẩm biên tập 6. Kết luận và tài liệu tham khảo.	CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Giữa kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 6-6	Thuyết trình – phản biện nhóm	Nội dung thuyết trình gồm các phần chính: 1. Giới thiệu sản phẩm báo chí, sách được lựa chọn. 2. Trình bày quy trình và yêu cầu biên tập văn bản có liên quan 3. Phân tích một văn bản sách, báo chí cụ thể. 4. Nhận xét điểm mạnh, hạn chế của các kỹ thuật, công nghệ trong việc biên tập. 5. Trả lời câu hỏi phản biện và bảo	CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						về quan điểm của nhóm.	
Quá trình liên tục	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ Tuần 1-9	Bảng kiểm chuyên cần và tham gia	Nội dung theo dõi gồm: 1. Mức độ tham dự đầy đủ các buổi học. 2. Tinh thần chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập. 3. Mức độ tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hoạt động trên lớp. 4. Thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến người khác. 5. Ý thức trách nhiệm, đúng hạn và tuân thủ quy định học tập.	CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.26. Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội (Digital Marketing and Social Media), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần

Học phần Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng ứng dụng về hoạt động marketing trên nền tảng số và mạng xã hội trong bối cảnh truyền thông hiện đại. Nội dung học phần tập trung vào tổng quan về marketing kỹ thuật số, phân loại phương tiện truyền thông số theo mô hình Paid – Owned – Earned Media, hành trình khách hàng, mô hình 5A, phân tích môi trường marketing số, phân tích website và các chỉ số đo lường, marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing trên mạng xã hội, email marketing, mobile marketing, quảng cáo và PR trực tuyến, cũng như xây dựng kế hoạch truyền thông kỹ thuật số.

Thông qua các hoạt động thảo luận, phân tích tình huống, bài tập cá nhân và bài tập nhóm, sinh viên được rèn luyện năng lực phân tích hoạt động truyền thông số của doanh nghiệp/thương hiệu, đánh giá hiệu quả thông qua các chỉ số cơ bản, lựa chọn công cụ truyền thông số phù hợp và xây dựng kế hoạch truyền thông kỹ thuật số – mạng xã hội cho một sản phẩm, dịch vụ hoặc thương hiệu cụ thể. Học phần góp phần phát triển năng lực sản xuất, quản trị nội dung số, vận dụng công cụ marketing kỹ thuật số, làm việc nhóm, trình bày – phản biện và tuân thủ đạo đức, pháp luật trong môi trường truyền thông số.

Mục tiêu học phần

- Trang bị kiến thức về vai trò, mô hình, công cụ và nền tảng của marketing kỹ thuật số và mạng xã hội;
- Phát triển năng lực phân tích môi trường marketing số, hành trình khách hàng, website, công cụ tìm kiếm, mạng xã hội và các chỉ số đo lường;
- Rèn luyện năng lực vận dụng công cụ digital marketing và social media để xây dựng nội dung, lựa chọn kênh và đề xuất hoạt động truyền thông phù hợp;
- Hình thành năng lực xây dựng và trình bày kế hoạch truyền thông kỹ thuật số – mạng xã hội ở mức ứng dụng;
- Phát triển ý thức làm việc nhóm, tư duy phản biện, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm trong môi trường truyền thông số....

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được môi trường marketing kỹ thuật số, hành trình khách hàng, các kênh truyền thông số và mạng xã hội trong bối cảnh truyền thông của doanh nghiệp/thương hiệu.	Thể hiện qua bài thi tiểu luận

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO2	Đánh giá được hiệu quả hoạt động marketing kỹ thuật số và mạng xã hội thông qua các chỉ số đo lường cơ bản như traffic, engagement, CTR, CPC, CPM, conversion rate, ROAS hoặc ROI.	
CLO3	Tình thành được kế hoạch truyền thông kỹ thuật số và mạng xã hội cho một sản phẩm, dịch vụ hoặc thương hiệu cụ thể, có xác định mục tiêu, đối tượng, kênh, nội dung, công cụ triển khai và chỉ số đo lường.	
CLO4	Tuân thủ được các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, chính sách nền tảng số, trách nhiệm truyền thông và nguyên tắc làm việc nhóm trong quá trình xây dựng kế hoạch marketing kỹ thuật số và mạng xã hội.	Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2				X				
CLO3					X			
CLO4						X		

Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng tích cực, Phát vấn/Câu hỏi gợi mở, Phân tích tình huống, Học theo dự án/kế hoạch truyền thông số, Thực hành ứng dụng công cụ digital marketing và social media, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng tích cực	X	X		X
Phát vấn/Câu hỏi gợi mở	X	X		X
Phân tích tình huống truyền thông số	X	X	X	X
Học theo dự án/kế hoạch truyền thông số	X	X	X	X
Thực hành ứng dụng công cụ digital marketing và social media	X	X	X	

Phương pháp giảng dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phân biện nhóm	X	X	X	X

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi tiểu luận...

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình nhóm	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi/đánh giá cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 9	Tiểu luận/kế hoạch truyền thông kỹ thuật số và mạng xã hội theo rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1: Mức độ phân tích môi trường marketing số, hành trình khách hàng, kênh truyền thông số và mạng xã hội. CLO2: Mức độ đánh giá hiệu quả hoạt động digital marketing/social media thông qua chỉ số đo lường. CLO3: Mức độ thiết kế kế hoạch truyền thông kỹ thuật số và mạng xã hội	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình/Giữa kỳ	CLO1; CLO2	10%	Kiến thức	Tuần 3–5	Bài tập cá nhân phân tích hoạt động	CLO1: Phân tích website, mạng xã hội, kênh truyền thông số, hành	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					digital marketing /social media của một thương hiệu/sản phẩm	trình khách hàng hoặc môi trường marketing số. CLO2. Nhận xét/dánh giá một số chỉ số cơ bản như traffic, engagement, CTR, CPC, CPM, conversion rate.	
Quá trình/Giữa kỳ	CLO2; CLO3; CLO4	20%	Kiến thức, kỹ năng và thái độ	Tuần 6–8	Thuyết trình – phản biện nhóm về kế hoạch truyền thông kỹ thuật số và mạng xã hội	CLO2: Giải thích và đánh giá cơ sở lựa chọn kênh, nội dung, công cụ và chỉ số đo lường. CLO3: Thiết kế và trình bày kế hoạch truyền thông số. CLO4: Tuân thủ nguyên tắc làm việc nhóm, đạo đức nghề nghiệp, pháp luật và chính sách nền tảng số.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3, CLO4
Quá trình	CLO4	10%	Thái độ/Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ, tuần 1–9	Bảng kiểm soát chuyên cần, tham gia học tập, thảo luận và làm việc nhóm	Đánh giá mức độ chuyên cần, tinh thần trách nhiệm, hợp tác nhóm, tuân thủ đạo đức học thuật, bản quyền nội dung, sử dụng dữ liệu và chính sách nền tảng số.	Lấy dữ liệu đo CLO4
Tổng	CLO1–CLO4	100%	Kiến thức, kỹ	Tuần 1–9	Tổng hợp các công	Bảo đảm đo đủ 04 CLOs của học phần.	Dữ liệu tổng hợp

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miễn	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
			năng, thái độ		cụ đánh giá		phục vụ đánh giá mức độ đạt CLOs.

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi, không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.27. Truyền thông số (Digital Communication), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần nhằm trang bị kiến thức cơ bản về các loại hình truyền thông số hiện nay, tình hình phát triển chung trên thế giới và ở Việt Nam, các công nghệ và xu hướng phát triển mới của truyền thông thế giới. Qua đó, sinh viên có thể hình dung về vị trí và vai trò của truyền thông số hiện nay và những vấn đề xung quanh nó. Học phần này cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để tham gia vào lĩnh vực truyền thông số. Sinh viên sẽ có những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các sản phẩm truyền thông số.

Mục tiêu học phần:

Học phần Truyền thông số nhằm giúp người học hình thành nền tảng kiến thức và năng lực ứng dụng về truyền thông số trong bối cảnh quan hệ công chúng, truyền thông tổ chức và truyền thông thương hiệu. Thông qua học phần, người học có khả năng phân

tích khái niệm, đặc trưng, công nghệ, nền tảng và vai trò của truyền thông số; đánh giá hiệu quả, xu hướng, vấn đề và rủi ro của truyền thông số trong thực tiễn; sản xuất được sản phẩm truyền thông số cơ bản phù hợp với mục tiêu truyền thông, công chúng mục tiêu, thông điệp, nền tảng và định dạng triển khai. Học phần đồng thời góp phần hình thành trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức truyền thông số, ý thức tuân thủ pháp luật, bản quyền, quyền riêng tư, bảo mật dữ liệu và trách nhiệm xã hội trong hoạt động truyền thông số.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được khái niệm, đặc trưng, công nghệ, nền tảng và vai trò của truyền thông số trong hoạt động quan hệ công chúng, truyền thông tổ chức và truyền thông thương hiệu.	Thể hiện qua bài thi tiểu luận
CLO2	Đánh giá được hiệu quả, xu hướng và các vấn đề và rủi ro của truyền thông số trong thực tiễn	- Thể hiện qua bài thi tiểu luận - Đánh giá qua thuyết trình, phản biện nhóm
CLO3	Sản xuất được sản phẩm truyền thông số cơ bản phù hợp với mục tiêu truyền thông, công chúng mục tiêu, thông điệp, nền tảng và định dạng triển khai.	- Thể hiện qua bài thi tiểu luận - Đánh giá qua thuyết trình, phản biện nhóm
CLO4	Thể hiện được trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức truyền thông số, ý thức tuân thủ pháp luật, bản quyền, quyền riêng tư, bảo mật dữ liệu và trách nhiệm xã hội trong hoạt động truyền thông số.	- Thể hiện qua bài thi tiểu luận - Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3					X			
CLO4								X

Phương pháp dạy – học Dạy học trực tiếp, Câu hỏi gợi mở, Phân tích tình huống, Học theo nhóm, Thuyết trình và phản biện, Tự học có hướng dẫn

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp dạy – học

Phương pháp giảng dạy – học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Dạy học trực tiếp	X			X
Câu hỏi gợi mở	X	X		
Phân tích tình huống		X	X	X
Học theo nhóm			X	X
Thuyết trình và phản biện	X		X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	

Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Chuyên cần, thuyết trình, thi tiểu luận

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình nhóm	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Báo cáo tiểu luận)	CLO2 CLO3	60%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 9	Tiểu luận (11.3.c)	Nội dung tiểu luận gồm các đề mục chính: 1. Giới thiệu sản phẩm truyền thông số được lựa chọn. 2. Trình bày cơ sở lý thuyết/khái niệm liên quan đến sản phẩm truyền thông số. 3. Phân tích đặc điểm, vai trò, nền tảng của sản phẩm truyền thông số. 4. Nhận xét, đánh giá mức độ phù hợp/hiệu quả của	CLO2: điểm các tiêu chí liên quan đến mức độ hiểu, trình bày và giải thích khái niệm, đặc điểm, vai trò của truyền thông đa phương tiện. CLO3: điểm các tiêu chí liên quan đến năng lực phân tích, nhận xét, đánh giá sản phẩm/hiện tượng truyền thông và đề

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						sản phẩm truyền thông số. 5. Đề xuất định hướng cải thiện hoặc ý tưởng ứng dụng trong bối cảnh thực tiễn. 6. Kết luận và tài liệu tham khảo.	xuất ý tưởng ứng dụng. → <i>Rubric chấm Tiểu luận</i> (11.3c)
Quá trình Giữa kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 3–5	Thuyết trình – phản biện nhóm (11.3.b)	Nội dung thuyết trình gồm các phần chính: 1. Giới thiệu sản phẩm truyền thông số được lựa chọn. 2. Trình bày khái niệm, đặc điểm hoặc nền tảng truyền thông số có liên quan. 3. Phân tích một sản phẩm truyền thông số cụ thể. 4. Nhận xét điểm mạnh, hạn chế và tính phù hợp với đối tượng công chúng. 5. Trả lời câu hỏi phản biện và bảo vệ quan điểm của nhóm.	CLO2: điểm phân trình bày kiến thức nền tảng, khả năng giải thích khái niệm và đặc điểm của truyền thông số. CLO3: điểm phân phân tích ví dụ thực tiễn, lập luận, phản biện và bảo vệ quan điểm. → <i>Rubric đánh giá Thuyết trình và phản biện</i> (11.3b)
Quá trình liên tục	CLO4	10%	Tự chủ và chịu trách nhiệm	Suốt học kỳ Tuần 1–9	Bảng kiểm chuyên cần và tham gia (11.3.a)	Nội dung theo dõi gồm: 1. Mức độ tham dự đầy đủ các buổi học. 2. Tinh thần chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập. 3. Mức độ tham gia thảo luận, làm	CLO4: điểm chuyên cần, điểm tham gia hoạt động học tập, điểm tinh thần hợp tác nhóm, thái độ học tập và mức độ hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn.

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						việc nhóm và hoạt động trên lớp. 4. Thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến người khác 5. Ý thức trách nhiệm, đúng hạn và tuân thủ quy định học tập.	

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.
Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.28. Nhập môn ngành Quan hệ công chúng (Public Relations), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về lĩnh vực Quan hệ công chúng, bao gồm khái niệm, vai trò, chức năng và vị trí của PR trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp và xã hội. Học phần giới thiệu khái quát các nhóm công chúng, hoạt động PR trong tổ chức, quy trình cơ bản của một chương trình PR, các công cụ truyền thông thường được sử dụng trong PR, quan hệ truyền thông và những vấn đề bước đầu về xử lý khủng hoảng truyền thông. Bên cạnh đó, học phần giúp người học nhận diện đặc điểm nghề nghiệp, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ và đạo đức nghề nghiệp của người làm Quan hệ công chúng. Thông qua các hoạt động học tập,

thảo luận và phân tích tình huống đơn giản, người học hình thành nhận thức ban đầu về ngành học, định hướng nghề nghiệp và thái độ học tập tích cực đối với lĩnh vực Quan hệ công chúng.

Mục tiêu học phần:

Học phần nhằm giúp người học hình thành nhận thức nền tảng về lĩnh vực quan hệ công chúng, vai trò của PR trong tổ chức và xã hội, các nhóm công chúng và bên liên quan, hoạt động PR trong tổ chức, quan hệ truyền thông, công cụ truyền thông PR, quy trình cơ bản của một chương trình PR, đánh giá hoạt động PR và quản lý khủng hoảng truyền thông ở mức nhập môn. Thông qua học phần, người học bước đầu giải thích, nhận diện và vận dụng kiến thức nền tảng để phân tích tình huống PR đơn giản, phác thảo ý tưởng hoặc kế hoạch PR cơ bản cho một tình huống học tập hoặc tổ chức giả định; đồng thời hình thành thái độ học tập chủ động, tinh thần hợp tác, tôn trọng công chúng, ý thức đạo đức, pháp luật và trách nhiệm xã hội trong hoạt động quan hệ công chúng

Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được vai trò, chức năng và hoạt động cơ bản của PR trong tổ chức.	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO2	Trình bày được các nhóm công chúng, công cụ truyền thông PR và quy trình cơ bản của một chương trình quan hệ công chúng.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Đánh giá qua thuyết trình, phản biện nhóm
CLO3	Phác thảo được ý tưởng hoặc kế hoạch PR cơ bản cho một tình huống học tập hoặc tổ chức giả định.	- Đánh giá qua thuyết trình, phản biện nhóm
CLO4	Thể hiện trách nhiệm học tập, tinh thần hợp tác, thái độ tôn trọng công chúng, ý thức đạo đức, pháp luật và trách nhiệm xã hội trong hoạt động quan hệ công chúng.	- Thể hiện qua bài thi tiểu luận - Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2		X						
CLO3				X				
CLO4								X

PP dạy và học: Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Tự học có hướng dẫn, Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình nhóm	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric đánh giá tiểu luận (11.3.c)	Giải thích được vai trò, chức năng và hoạt động cơ bản của PR trong tổ chức.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1 CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						Thực hiện được quy trình lập kế hoạch, triển khai và đánh giá chương trình PR cơ bản.	
Quá trình	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1-5	Bài tập tình huống; thảo luận; thuyết trình – phân biện nhóm (11.3.b)	Đánh giá mức độ vận dụng kiến thức nền tảng PR, phân tích hoạt động truyền thông và đánh giá nội dung/công cụ PR trong tình huống học tập.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm học tập	Suốt học kỳ (Tuần 1-6)	Bảng kiểm soát chuyên cần; (11.3.a)	Chủ động, hợp tác, hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ trong quá trình chuẩn bị tiêu luận/kế hoạch PR.	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham	Vắng quá 30% số	Tham gia dưới 50%	Tham gia khoảng	Tham gia khoảng	Tham gia đầy đủ;	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
gia học tập (CLO4)	buổi, không tham gia hoạt động học tập.	số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.29. Trải nghiệm ngành nghề (Field trips), 1 tín chỉ

Tóm tắt học phần

Học phần trang bị cho sinh viên trải nghiệm kiến thức thực tế của người làm công tác ở bộ phận đối ngoại, truyền thông, tổ chức sự kiện, quảng bá thương hiệu, quan hệ khách hàng, tổ chức - cung cấp thông tin, nhân viên marketing, quảng cáo, thuyết trình viên, tư vấn khách hàng. Kiến thức về các vị trí trong các bộ phận, đơn vị chức năng. Kiến thức về các trang thiết bị và dụng cụ lao động.

Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về ngành Quan hệ công chúng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của công ty truyền thông; đồng thời giúp người học nhận diện chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận dịch vụ, phòng ban và đơn vị chức năng trong lĩnh vực truyền thông – quan hệ công chúng. Thông qua hoạt động quan sát và trải nghiệm thực tế, học phần phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, hình thành tinh thần chủ động, tác phong chuyên nghiệp và ý thức trách nhiệm trong quá trình học tập, trải nghiệm và định hướng nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Chỉ ra hoạt động quan hệ công chúng và cấu trúc các bộ phận chức năng trong tổ chức.	Thể hiện qua bài báo cáo

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO2	Phân tích vai trò, chức năng và mối quan hệ giữa các bộ phận trong hoạt động quan hệ công chúng.	- Thể hiện qua bài báo cáo - Đánh giá qua thảo luận, phản biện nhóm
CLO3	Thực hiện việc tìm hiểu vào báo cáo trải nghiệm về hoạt động quan hệ công chúng tại một tổ chức cụ thể.	- Đánh giá qua thảo luận, phản biện nhóm
CLO4	Xác định ý thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm pháp lý và tinh thần hợp tác trong hoạt động quan hệ công chúng	- Thể hiện qua bài báo cáo - Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2		X						
CLO3							X	
CLO4								X

Phương pháp dạy – học

- Thuyết trình, chia sẻ về công ty, doanh nghiệp, tổ chức
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu giới thiệu về công ty, doanh nghiệp, tổ chức
- Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi giao lưu

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thảo luận nhóm	Báo cáo
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO1 ; CLO2 ;	60%	Kiến thức	Tuần 6	Báo cáo cuối kỳ – Rubric đánh giá báo cáo (11.3.c)	Sinh viên thực hiện báo cáo trải nghiệm nghề nghiệp tại doanh nghiệp/tổ chức PR; Chỉ ra được cơ cấu tổ chức, chức năng các bộ phận và phân tích hoạt động quan hệ công chúng thực tế.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
Suốt học phần	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1–3	Bài tập tình huống ; thảo luận; phản biện nhóm (11.3.b)	Thực hiện khả năng quan sát, tìm hiểu thực tế doanh nghiệp, phân tích vai trò các bộ phận và kỹ năng trình bày báo cáo trải nghiệm ngành nghề PR.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách	Suốt học kỳ (Tuần 1–6)	Bảng kiểm soát chuyên	Xác định ý thức kỷ luật, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
			nhiệm học tập		cân; (11.3.a)	hợp tác và trách nhiệm trong quá trình tham gia trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp.	

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.30. Nhập môn Truyền thông đại chúng (Introduction to mass communications), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên cơ sở lý thuyết về truyền thông đại chúng: Giới thiệu những kiến thức cơ bản về lĩnh vực truyền thông đại chúng như báo in, truyền hình, phát thanh và Internet; Giới thiệu một số lĩnh vực nghiên cứu chính của truyền thông đại chúng bao gồm: Nghiên cứu về các nhà truyền thông (các cơ quan báo chí, phóng viên, biên tập viên...); Nghiên cứu về công chúng, độc giả của truyền thông đại chúng; Nghiên cứu về nội dung truyền thông theo phương pháp phân tích thực nghiệm và tín hiệu học; Nghiên cứu về tác động của truyền thông đại chúng đến xã hội. Tùy thuộc vào thời lượng học phần, đặc điểm người học, có thể nhấn mạnh hay tập trung vào một hoặc một số nội dung nêu trên. Sinh viên vận dụng kiến thức của

truyền thông đại chúng trong việc nghiên cứu, thu thập dữ liệu và trình bày những vấn đề xã hội mới nảy sinh trong lĩnh vực truyền thông đại chúng.

Mục tiêu học phần:

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết, nguyên tắc hoạt động, chức năng, vai trò, bản chất, quy trình và các phương tiện của truyền thông đại chúng trong đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, học phần phát triển khả năng phân tích, đánh giá các mô hình, lý thuyết truyền thông và nhận diện các hoạt động truyền thông trong thực tiễn; đồng thời hình thành ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần chủ động trong học tập, nghiên cứu và thực hành truyền thông.

Chuẩn đầu ra học phần.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được các yếu tố pháp luật, văn hóa, xã hội và chính trị ảnh hưởng đến hoạt động truyền thông đại chúng.	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO2	Phân tích được nguyên tắc, quy trình, chức năng và các loại hình truyền thông đại chúng trong bối cảnh truyền thông và quan hệ công chúng.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Đánh giá qua thảo luận, phản biện nhóm
CLO3	Vận dụng được kiến thức truyền thông đại chúng để lựa chọn kênh truyền thông và hình thức truyền thông phù hợp trong các tình huống thực tiễn.	- Đánh giá qua thảo luận, phản biện nhóm
CLO4	Vận dụng được các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong hoạt động truyền thông và quan hệ công chúng.	Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2		X						
CLO3			X					
CLO4								X

Phương pháp giảng dạy - học

- Thuyết giảng
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn

- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Giải quyết vấn đề		X	X	
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình nhóm	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLO:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Theo lịch thu bài tiểu luận của Giảng viên/ Nhà trường	Tiểu luận (11.3.c)	Sinh viên phân tích một hiện tượng hoặc sản phẩm truyền thông đại chúng gắn với nội dung học phần.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1 - 6	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết	Sinh viên phân tích hiện tượng/sản phẩm truyền thông và trình	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Quá trình					trình (11.3.b).	bày theo nhóm.	
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần (11.3.a).	Đánh giá ý thức học tập, tinh thần trách nhiệm và thái độ tham gia hoạt động học tập của sinh viên	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%
Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.31. Đạo đức nghề nghiệp PR (Professional ethics of PR), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Giới thiệu phạm trù đạo đức và đạo đức nghề nghiệp của người làm PR và hoạt động truyền thông (trong đó có báo chí). Quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong tư duy và thực hành công vụ. Xây dựng các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm của người làm báo và làm PR trước xã hội về các sản phẩm thông tin và hoạt động xã hội.

Mục tiêu học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực quan hệ công chúng, đồng thời giúp người học hiểu mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong hoạt động truyền thông, báo chí và PR. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện khả năng nhận diện, phân tích và xử lý các tình huống đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động PR, truyền thông theo chuẩn mực nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; đồng thời hình thành ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, tinh thần trách nhiệm, trung thực và tôn trọng lợi ích công chúng trong hoạt động quan hệ công chúng.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được các khái niệm, nguyên tắc cơ bản về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp PR trong hoạt động truyền thông	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO2	Phân tích được mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật, các vấn đề đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong hoạt động PR, báo chí và truyền thông.	- Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO3	Vận dụng được các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp để xử lý các tình huống trong hoạt động PR và truyền thông	- Đánh giá qua thảo luận, phản biện nhóm
CLO4	Đánh giá được trách nhiệm nghề nghiệp và tác động xã hội của các hoạt động PR trên cơ sở chuẩn mực đạo đức và quy định pháp luật	Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLO / PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3							X	
CLO4								X

PP dạy học: Thuyết giảng; phân tích tình huống; giao bài tập, nhiệm vụ nhóm, Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học/tự nghiên cứu.

Ma trận tương thích CLOs và PP dạy và học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phân tích tình huống		X	X	X
Giao bài tập, nhiệm vụ nhóm		X	X	X

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Làm việc nhóm			X	X
Thuyết trình	X	X	X	X
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X	X

PP kiểm tra đánh giá: Tiểu luận, chuyên cần, đánh giá thuyết trình nhóm

Mã trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình nhóm	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO1 ; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric đánh giá tiểu luận	Trình bày được các khái niệm, nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp PR; phân tích được các vấn đề đạo đức, pháp luật và trách nhiệm xã hội trong hoạt động PR qua tình huống/case thực tế.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
Quá trình (Thuyết trình – phân tích tình	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1–5	Bài tập tình huống; thảo luận – thuyết trình –	Phân tích được các tình huống đạo đức nghề nghiệp; vận dụng được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp để đề xuất	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3

Dánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
huớng nhóm)					phản biện nhóm (Rubric đánh giá)	huớng xử lý trong hoạt động PR và truyền thông.	
Quá trình (Chuyên cần, tham gia học tập)	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ (Tuần 1-6)	Bảng kiểm chuyên cần; mức độ tham gia học tập	Đánh giá được trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức tuân thủ chuẩn mực đạo đức, chủ động tham gia thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ học tập.	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

- Điểm chuyên cần trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.32. Điều tra xã hội học (Sociological Investigation), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm và loại hình nghiên cứu xã hội học; các giai đoạn và các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; các phương pháp chọn mẫu; các kỹ thuật thu thập thông tin định lượng và định tính. Đồng thời, học phần hướng dẫn người học quy trình xử lý, phân tích dữ liệu (sử dụng công cụ phần mềm SPSS) và cách thức xây dựng, viết một báo cáo khoa học hoàn chỉnh. Bên cạnh lý thuyết, người học được phát triển kỹ năng thực hành thông qua việc tự thiết kế đề cương nghiên cứu, thực hiện thu thập dữ liệu thực tế, làm việc nhóm và thuyết trình phân biên trước tập thể.

Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức toàn diện về các giai đoạn nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính, kỹ thuật xây dựng công cụ thu thập thông tin như bảng hỏi, hướng dẫn phỏng vấn sâu và các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu xã hội học. Trên cơ sở đó, học phần phát triển năng lực thiết kế đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh, thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu bằng phần mềm tin học chuyên dụng, viết báo cáo học thuật và làm việc nhóm hiệu quả; đồng thời hình thành tư duy phản biện, sự thận trọng, khách quan và trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp trong bảo đảm tính xác thực, tin cậy của thông tin nghiên cứu.

Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Chỉ ra được các loại hình nghiên cứu, các bước trong quy trình điều tra xã hội học.	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO2	Phân tích bản chất của nghiên cứu định lượng, định tính; giải thích được nguyên lý xử lý dữ liệu bằng SPSS.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Đánh giá qua thảo luận, phản biện nhóm
CLO3	Thực hiện thiết kế hoàn chỉnh đề cương nghiên cứu, thao tác thành thạo phần mềm SPSS để xử lý dữ liệu, phân tích thông tin và viết báo cáo nghiên cứu khoa học.	- Đánh giá qua thảo luận, phản biện nhóm
CLO4	Thể hiện sự thận trọng, chịu trách nhiệm về tính xác thực, độ tin cậy và đạo đức nghiên cứu đối với dữ liệu thu thập.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2		X						
CLO3			X					
CLO4				X				

Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

Thuyết giảng

- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm			x	x

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình nhóm	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		X

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Tiểu luận)	CLO1; CLO2; CLO4,	60%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Theo lịch thu bài tiểu luận của Giảng viên/ Nhà trường	Tiểu luận (11.3.c)	Thực hiện quy trình và loại hình nghiên cứu xã hội học. Phân tích khả năng vận dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính và xử lý dữ liệu SPSS. Thực hiện xây dựng đề cương nghiên cứu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo khoa học. Xác định tính trách nhiệm, tính trung thực và đạo đức nghiên cứu trong thực hiện tiểu luận.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2; CLO4
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1 - 6	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình (11.3.b).	Chỉ ra khả năng phân biệt và vận dụng các phương pháp nghiên cứu xã hội học. Thực hiện thiết kế bảng hỏi, thu thập dữ liệu, xử lý thông tin và trình bày kết quả nghiên cứu.	Lấy dữ liệu đo CLO 3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần (11.3.a).	Xác định ý thức học tập, trách nhiệm, tính trung thực và sự tham gia tích cực trong các hoạt động học tập nhóm và cá nhân.	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trong số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%.
Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.33. Báo cáo chuyên đề thực tiễn (Pracica thematic report), 1 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần bao gồm 03 chương, trình bày các kiến thức tổng quan về vai trò, tầm quan trọng của PR đối với doanh nghiệp, cách thức hoạch định chiến lược truyền thông cho 1 sản phẩm truyền thông và báo cáo sản phẩm. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng lên ý tưởng, viết kịch bản, nhận biết xu thế truyền thông.

Mục tiêu của học phần:

Học phần thực tiễn trang bị cho người học kiến thức nền tảng về hoạt động truyền thông, tổ chức sự kiện, sáng tạo nội dung truyền thông và kỹ thuật viết thông cáo báo chí trong doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, học phần phát triển khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn để lên ý tưởng, viết kịch bản, hoạch định chiến lược, xử lý các tình huống truyền thông thực tế, thuyết trình và lập báo cáo/ấn phẩm chuyên nghiệp; đồng thời hình thành tác phong làm việc chuyên cần, chủ động, tinh thần trách nhiệm và ý thức tôn trọng đạo đức nghề nghiệp khi tham gia các hoạt động thực tiễn của ngành Quan hệ công chúng.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được tổng quan kiến thức thực tế về hoạt động truyền thông, tổ chức sự kiện, sáng tạo nội dung và kỹ thuật báo chí trong doanh nghiệp.	Thể hiện qua bài thuyết trình nhóm

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO 2	Đánh giá được quy trình lên ý tưởng, viết kịch bản và cách thức thiết kế kế hoạch cho một ấn phẩm hoặc sự kiện truyền thông cụ thể	- Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO 3	Vận dụng linh hoạt các kiến thức chuyên sâu để triển khai sản phẩm, giải quyết tình huống thực tế và thực hiện báo cáo chuyên môn.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Đánh giá qua thảo luận, phản biện nhóm
CLO 4	Tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, thể hiện ý thức trách nhiệm và tác phong chuyên nghiệp trong suốt quá trình thực hiện công việc.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLO / PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3							X	
CLO4								X

PP giảng dạy: hướng dẫn, giao nhiệm vụ

PP học tập: nghe giảng, ghi chép, thực hiện nhiệm vụ, viết báo cáo

Ma trận tương thích CLOs và PP dạy và học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Hướng dẫn	X	X	X	
Giao nhiệm vụ	X	X	X	X
Nghe giảng, ghi chép	X	X	X	
Thực hiện nhiệm vụ	X	X	X	X
Viết báo cáo	X	X	X	X

PP kiểm tra đánh giá: Tiểu luận, chuyên cần, kiểm tra.

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Thuyết trình nhóm	Tiểu luận
CLO1		X	
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		X

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học/ Assessments	CLOs	Trọng số (%)	Miền/ Domain	Thời gian	Công cụ	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Phần I: Thi cuối kỳ (Báo cáo chuyên đề)	CLO2, CLO3, CLO4	60%	Kiến thức, Kỹ năng, Thái độ	Tuần cuối	Tiểu luận	Phân tích thực tiễn + viết báo cáo + làm việc nhóm	Lấy dữ liệu đo CLO2; CLO3; CLO4
Phần II: Quá trình	CLO1, CLO2, CLO3	30%	Kiến thức, Kỹ năng	Giữa kỳ	Bài tập + thuyết trình	Phân tích tình huống và chuẩn bị báo cáo	Lấy dữ liệu đo CLO1; CLO2; CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt kỳ	Chuyên cần + tham gia nhóm	Trách nhiệm và phối hợp	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
tập (CLO4)	hoạt động học tập.	bài rất hạn chế.	nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	bai và đóng góp tương đối tích cực.	luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.34. Thực tập cơ sở quan hệ công chúng (PR Field trips), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần trang bị cho sinh viên trải nghiệm kiến thức thực tế của người làm công tác ở bộ phận đối ngoại, truyền thông, tổ chức sự kiện, quảng bá thương hiệu, quan hệ khách hàng, tổ chức - cung cấp thông tin, nhân viên marketing, quảng cáo, thuyết trình viên, tư vấn khách hàng. Kiến thức về các vị trí trong các bộ phận, đơn vị chức năng. Kiến thức về các trang thiết bị và dụng cụ lao động.

Mục tiêu học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức thực tiễn cơ bản về môi trường làm việc trong lĩnh vực quan hệ công chúng, cơ cấu tổ chức doanh nghiệp/tổ chức, chức năng của các bộ phận liên quan như truyền thông, sự kiện, media, thiết kế, nhân sự và chăm sóc khách hàng. Thông qua quá trình thực tập, học phần rèn luyện kỹ năng thích nghi với môi trường doanh nghiệp, quan sát, ghi nhận, thực hiện nhiệm vụ cơ bản, vận dụng kiến thức chuyên ngành vào hoạt động thực tiễn, giao tiếp, làm việc nhóm và viết báo cáo thực tập; đồng thời hình thành tinh thần chủ động, trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp, ý thức tuân thủ quy định, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa công sở, an toàn lao động và bảo mật thông tin trong quá trình thực tập.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được kiến thức chuyên ngành Quan hệ công chúng trong hoạt động thực tế tại đơn vị thực tập.	Báo cáo thực tập
CLO2	Thực hiện được các quy trình truyền thông, đối ngoại cơ bản trong môi trường nghề nghiệp	Báo cáo thực tập

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO3	Đánh giá được các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện công việc Quan hệ công chúng tại đơn vị thực tập	Phiếu nhận xét, đánh giá của cơ sở
CLO4	Thực hiện được các hoạt động nhóm và môi trường làm việc đa văn hóa tại đơn vị thực tập.	Phiếu nhận xét, đánh giá của cơ sở
CLO5	Thực hiện được tác phong chuyên nghiệp, trách nhiệm nghề nghiệp và các quy định của đơn vị thực tập trong môi trường làm việc thực tế.	Nhật ký thực tập của sinh viên

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLO /PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2					X			
CLO3						X		
CLO4							X	
CLO5								X

PP giảng dạy Hướng dẫn, giao nhiệm vụ.

PP học tập Nghe giảng, ghi chép, thực hiện nhiệm vụ, viết báo cáo.

Ma trận tương thích CLOs và PP dạy và học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Hướng dẫn	X	X	X	X	X
Giao nhiệm vụ	X		X	X	X
Nghe giảng, ghi chép	X	X	X	X	X
Thực hiện nhiệm vụ	X		X	X	X
Viết báo cáo	X	X	X	X	X

PP kiểm tra đánh giá Đánh giá của doanh nghiệp, báo cáo cá nhân

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLO /PP kiểm tra đánh giá	Đánh giá của doanh nghiệp	Báo cáo cá nhân
CLO1	X	X
CLO2	X	X
CLO3	X	X
CLO4	X	X
CLO5	X	X

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Báo cáo cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức	Suốt kỳ	Báo cáo thực tập	CLO1: Mức độ hiểu. CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO3; CLO4	30%	Kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ	Suốt kỳ	Nhận xét, đánh giá của cơ sở	CLO3: Kỹ năng nghiệp vụ. CLO4: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 3,4
	CLO5	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Đánh giá của cơ sở	Chăm chỉ, năng nổ, giao tiếp ứng xử	Lấy dữ liệu đo CLO5

8.35. Quảng cáo (Advertisement), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm có 7 chương, cung cấp kiến thức tổng quan về quảng cáo (định nghĩa, vai trò, chức năng, lịch sử của quảng cáo, vấn đề văn hóa và đạo đức trong quảng cáo); tổ chức hoạt động của phòng quảng cáo và công ty quảng cáo; đặc điểm của quảng cáo trên các phương tiện báo in, radio, truyền hình, cinema; quảng cáo ngoài trời và trên các phương tiện giao thông công cộng; các loại hình quảng cáo khác, kế hoạch sử dụng các phương tiện truyền thông cho quảng cáo; quảng cáo ở Việt Nam.

Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức nền tảng về chuyên ngành quảng cáo, quy trình hoạt động quảng cáo và nguyên tắc lựa chọn kênh truyền thông phù hợp với từng chiến dịch quảng cáo. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện tư duy sáng tạo, kỹ năng xây dựng ý tưởng, biên kịch quảng cáo và thực hành sản xuất các sản phẩm quảng cáo trên phát thanh, truyền hình; đồng thời hình thành tinh thần chủ động, tư duy đổi mới và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động truyền thông quảng cáo.

Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Chỉ ra kiến thức nền tảng về quảng cáo, quy trình hoạt động quảng cáo và nguyên tắc lựa chọn kênh truyền thông phù hợp với từng chiến dịch quảng cáo	- Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO2	Phân tích các hình thức truyền thông quảng cáo trong xây dựng nội dung và chiến dịch quảng cáo thực tiễn.	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Đánh giá qua bài tập tình huống, thuyết trình nhóm
CLO3	Thực hiện kỹ năng sáng tạo ý tưởng, biên kịch và thực hành sản xuất các sản phẩm quảng cáo trên phát thanh và truyền hình	- Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO4	Xác định tinh thần chủ động, tư duy đổi mới và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động truyền thông quảng cáo.	- Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học

Mã trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3				X				
CLO4					X			

Phương pháp giảng dạy - học

- Thuyết giảng
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn

Thuyết trình – phân biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phân biện nhóm			X	X

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Chuyên cần	Bài tập tình huống	Thuyết trình nhóm	Tiểu luận
CLO1				X
CLO2		X	X	X
CLO3		X	X	
CLO4	X			

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO1 ; CLO2 ;	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric đánh giá tiểu luận (11.3.c)	Thực hiện bài tiểu luận phân tích chiến dịch quảng cáo, vận dụng kiến thức về truyền thông quảng cáo, sáng tạo nội dung và lựa chọn phương tiện truyền	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						thông phù hợp.	
Quá trình	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1-5	Bài tập tình huống; thảo luận; thuyết trình – phân biện nhóm (11.3.b)	Thực hiện phân tích hình thức quảng cáo, xây dựng ý tưởng sáng tạo, thiết kế slogan, poster, trình bày chiến lược quảng cáo.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm học tập	Suốt học kỳ (Tuần 1-6)	Bảng kiểm soát chuyên cần; (11.3.a)	Xác định tinh thần chủ động, thái độ hợp tác, ý thức trách nhiệm và tác phong học tập trong hoạt động quảng cáo và làm việc nhóm.	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn

8.36. PR nội bộ và PR cộng đồng (PR in-house and PR mass), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần này giúp sinh viên hiểu khái niệm và nội dung của PR nội bộ và PR cộng đồng. Mục tiêu, tổ chức, kỹ năng quản lý các hoạt động này trong thực tiễn. Nhận thức về vai trò của PR nội bộ và PR cộng đồng đối với doanh nghiệp, cách thức vận hành và phát triển hoạt động PR nội bộ và cộng đồng, công cụ để cho hoạt động PR của doanh nghiệp hiệu quả. Phương pháp đánh giá cuối kỳ của học phần là hình thức tiểu luận.

Mục tiêu học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, mục tiêu, công cụ và phương thức tổ chức hoạt động PR nội bộ và PR cộng đồng trong doanh nghiệp/tổ chức; đồng thời giúp người học hiểu vai trò của văn hóa doanh nghiệp, quan hệ với giới truyền thông, trách nhiệm xã hội và quản trị truyền thông nội bộ – cộng đồng. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện khả năng xác định đối tượng truyền thông, lựa chọn công cụ phù hợp, xây dựng và tổ chức các hoạt động PR nội bộ, PR cộng đồng, thiết kế kế hoạch truyền thông và sự kiện trong bối cảnh thực tiễn; đồng thời hình thành tính thần trách nhiệm, tư duy hợp tác và ý thức nghề nghiệp trong xây dựng văn hóa tổ chức, phát triển quan hệ cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được các khái niệm, vai trò, mục tiêu, công cụ và quy trình tổ chức hoạt động PR nội bộ và PR cộng đồng trong doanh nghiệp/tổ chức	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO2	Phân tích được vai trò của văn hóa doanh nghiệp, truyền thông nội bộ, quan hệ cộng đồng, trách nhiệm xã hội và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động PR nội bộ và PR cộng đồng	- Thể hiện qua bài tiểu luận - Đánh giá qua bài tập tình huống, thuyết trình nhóm
CLO3	Vận dụng được các công cụ, hình thức truyền thông và kỹ năng tổ chức hoạt động PR nội bộ, PR cộng đồng và sự kiện truyền thông trong bối cảnh thực tiễn.	Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO4	Đánh giá được vai trò của trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần hợp tác và ý thức cộng đồng trong xây dựng văn hóa tổ chức, quan hệ cộng đồng và hoạt động truyền thông nội bộ.	Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2				X				
CLO3						X		
CLO4							X	X

PP dạy – học. Thuyết giảng, hướng dẫn, giao nhiệm vụ, Nghe giảng, thảo luận, làm bài tập

Ma trận tương thích CLOs và PP dạy và học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Hướng dẫn	X	X	X	X
Giao nhiệm vụ.		X	X	X
Nghe giảng	X	X		
Thảo luận		X	X	X
Làm bài tập		X	X	X

PP kiểm tra đánh giá: Tiểu luận, chuyên cần, kiểm tra.

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Bài tập nhóm	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X	X
CLO2		X	X	X
CLO3		X	X	
CLO4	X			

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO1 ; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 12–15	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric đánh giá tiểu luận	Trình bày và phân tích các khái niệm, vai trò, công cụ, quy trình PR nội bộ và PR cộng đồng; phân tích văn hóa doanh nghiệp, quan hệ cộng đồng, CSR hoặc hiệu quả truyền thông trong bối cảnh thực tiễn.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
Quá trình (Thuyết trình – bài tập nhóm)	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 4–11	Bài tập nhóm; thuyết trình – phân biện; Rubric đánh giá	Phân tích tình huống PR nội bộ/PR cộng đồng; vận dụng công cụ truyền thông để xây dựng kế hoạch PR nội bộ, PR cộng đồng, CSR	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					thuyết trình	hoặc sự kiện truyền thông.	
Quá trình (Chuyên cần, tham gia học tập)	CLO4	10%	Tư chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát lớp học; mức độ tham gia thảo luận	Đánh giá tinh thần hợp tác, ý thức cộng đồng, trách nhiệm nghề nghiệp, sự chủ động trong học tập và hoàn thành nhiệm vụ.	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.37. Xây dựng và quản trị thương hiệu (Brand & Brand management), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần bao gồm 6 chương nằm trong khối kiến thức ngành Quan hệ công chúng, truyền thông đa phương tiện giúp sinh viên có được các kiến thức chuyên sâu về phân tích quy trình xây dựng và quản trị thương hiệu, xác định tài sản thương hiệu, xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi của thương hiệu, chiến lược định vị thương hiệu, truyền thông thương hiệu, các phương pháp đánh giá sức khỏe thương hiệu. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên có khả năng đánh giá hoạt động xây dựng và quản trị thương hiệu để đưa ra giải pháp xây dựng thương hiệu cho doanh nghiệp, phát triển bộ ấn phẩm hệ thống nhận diện thương hiệu cho doanh nghiệp thông qua các hoạt động thực hành trên lớp và dự án cuối kỳ.

Mục tiêu học phần:

Học phần trang bị cho người học kiến thức về quy trình quản trị thương hiệu, các mô hình tài sản thương hiệu, chiến lược định vị và phương pháp đánh giá sức khỏe thương hiệu của tổ chức. Trên cơ sở đó, học phần phát triển khả năng thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu, lập kế hoạch quảng bá và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề trong xây dựng thương hiệu mới cho doanh nghiệp; đồng thời hình thành ý thức trách nhiệm cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và năng lực ứng xử phù hợp, tôn trọng sự khác biệt đa văn hóa trong môi trường hoạt động truyền thông – thương hiệu.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích quy trình quản trị thương hiệu, các mô hình tài sản, chiến lược định vị và các phương pháp đánh giá sức khỏe thương hiệu của tổ chức.	-Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO2	Đánh giá được hệ thống nhận diện thương hiệu, lập kế hoạch quảng bá và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề xây dựng thương hiệu mới cho doanh nghiệp.	- Thể hiện qua bài tiểu luận
CLO3	Thể hiện ý thức trách nhiệm cá nhân, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và ứng xử phù hợp, tôn trọng sự khác biệt đa văn hóa trong môi trường hoạt động truyền thông – thương hiệu.	-Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận. - Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLO / PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					

CLO / PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO2				X				
CLO3					X			

PP giảng dạy, học tập

- Thuyết trình
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)
- Hướng dẫn tự học
- Thảo luận nhóm
- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu thực hiện dự án xây dựng thương hiệu mới

Ma trận tương thích CLOs và PP dạy và học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng	X	X	
Động não nhanh	X		
Hướng dẫn tự học	X		X
Thảo luận nhóm		X	
Thuyết trình			X
Thuyết trình	X	X	X
Tự học, tự nghiên cứu		X	X
Làm việc nhóm	X		X

PP kiểm tra đánh giá: Tiểu luận, chuyên cần, kiểm tra.

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình nhóm	Tiểu luận
CLO1		X	X
CLO2			X
CLO3	X	X	X

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Tiểu luận nhóm cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3;	60%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Từ buổi cuối kết thúc đến sau 1 tuần.	Tiểu luận nhóm Rubric đánh giá bài viết (11.3.a)	CLO1: Phân tích CLO2: Thiết kế CLO3: thể hiện Nghiêm túc, nộp bài đúng hạn, tuân thủ quy định, hình thức bài tiểu luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 2 CLO3
Quá trình	CLO1; CLO3	30%	Kiến thức, thái độ	Tuần 6	Thuyết trình nhóm Rubric thuyết trình. (11.3.b).	CLO1, Phân tích CLO3: Nghiêm túc thực hiện đúng hạn, tuân thủ quy định, thái độ nghiêm túc chuyên nghiệp.	Lấy dữ liệu đo CLO 1
	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO3

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
			chưa thường xuyên.	đôi tích cực.	nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.38. Viết và biên tập tin (Writing and news editor), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thể loại tin trong báo chí, đặc điểm, cấu trúc và các dạng tin phổ biến. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng thu thập, lựa chọn thông tin, viết tin theo cấu trúc hình tháp ngược và thực hành biên tập tin bảo đảm tính chính xác, logic và phù hợp với mục đích truyền thông. Bên cạnh lý thuyết, học phần chú trọng thực hành viết và biên tập các loại tin báo chí, giúp người học nâng cao năng lực sản xuất nội dung thông tin trong môi trường truyền thông và báo chí hiện đại. Qua đó, sinh viên hình thành tư duy nghề nghiệp, tính cẩn trọng và trách nhiệm trong xử lý, biên tập thông tin.

Mục tiêu học phần.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về thể loại tin báo chí, đặc điểm, cấu trúc, các dạng tin phổ biến, nguyên tắc biên tập tin và quy trình viết, biên tập tin trong hoạt động báo chí – truyền thông. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện khả năng thu thập, lựa chọn và xử lý thông tin, vận dụng kỹ thuật viết tin theo cấu trúc hình tháp ngược, thực hiện biên tập tin bảo đảm tính chính xác, logic, ngắn gọn và phù hợp với đối tượng tiếp nhận; đồng thời hình thành ý thức nghề nghiệp, tính cẩn trọng, trung thực, trách nhiệm và tinh thần chủ động, nghiêm túc trong hoạt động sản xuất nội dung báo chí – truyền thông.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được khái niệm, đặc điểm, cấu trúc và các dạng tin báo chí; nguyên tắc và quy trình viết, biên tập tin trong hoạt động báo chí – truyền thông.	Thể hiện qua hình thức thi tự luận
CLO2	Phân tích được cấu trúc, nội dung, giá trị thông tin và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng của một sản phẩm tin báo chí.	- Đánh giá qua bài tập thực hành

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
		- Thể hiện qua hình thức thi tự luận
CLO3	Vận dụng được các kỹ thuật thu thập, xử lý thông tin, viết và biên tập tin theo cấu trúc chuẩn nhằm tạo ra sản phẩm tin phù hợp với mục đích truyền thông.	- Bài tập thực hành - Thể hiện quan hình thức thi tự luận.
CLO4	Đánh giá được vai trò của tính chính xác, trung thực, trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức trong quá trình viết và biên tập tin.	Đánh giá quan bảng kiểm soát chuyên cần của người học

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLO / PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2					X			
CLO3						X		
CLO4								X

PP giảng dạy. Thuyết giảng, hướng dẫn, giao bài tập

PP học tập. Nghe giảng, làm bài tập, thực hành

Ma trận tương thích CLOs và PP dạy và học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Hướng dẫn	X	X	X	X
Giao bài tập		X	X	X
Nghe giảng	X	X		X
Làm bài tập		X	X	X
Thực hành		X	X	X

PP kiểm tra đánh giá. Chuyên cần, đánh giá bài tập/bài thực hành, thi tự luận.

Bảng tương thích giữa CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Bài tập thực hành	Thi tự luận
CLO1			X

CLOs / PP	Chuyên cần	Bài tập thực hành	Thi tự luận
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Kết thúc học phần (Thi tự luận cuối kỳ)	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của nhà trường	Tự luận (11.3.a)	Đánh giá dựa trên khả năng nhận diện thông tin; xác định chủ đề, trọng tâm sự kiện, các yếu tố 5W+H; thu thập thông tin theo đúng chủ đề; viết tin đúng cấu trúc; đúng văn phong báo chí; diễn đạt mạch lạc; hình thức trình bày phù hợp.
Quá trình (Bài tập thực hành viết & biên tập tin)	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 2-5	Bài tập thực hành; chấm sản phẩm tin; Rubric đánh giá thực hành	Thực hành thu thập thông tin, viết tin theo cấu trúc chuẩn và biên tập tin báo chí bảo đảm tính chính xác, logic và phù hợp.
Quá trình (Chuyên cần, tham gia học tập)	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ (Tuần 1-6)	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát	Đánh giá ý thức trách nhiệm, tính chính xác, trung thực và thái độ nghiêm túc trong

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú
					lớp học; mức độ tham gia thực hành	viết và biên tập tin.

- Điểm chuyên cần* trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.39. Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông (Media Relations and Crisis management), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần nhằm trang bị kiến thức chuyên ngành về mối quan hệ giữa báo chí và PR. Qua đó, sinh viên có thể hình dung về vị trí và vai trò của về vai trò và tầm quan trọng của báo chí trong công tác truyền thông. Học phần này cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để tham gia vào lĩnh vực PR, đặc biệt trong công tác quan hệ báo chí, truyền thông, xử lý khủng hoảng truyền thông. Biết được nguyên nhân khủng hoảng xảy ra, cách nhận diện khủng hoảng, nắm được các bước trong quy trình xử lý khủng hoảng. Học tập cách xử lý khủng hoảng từ những case – studies. Sinh viên sẽ có những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện kế hoạch quản trị rủi ro, khủng hoảng truyền thông và thiết lập mối quan hệ báo chí.

Mục tiêu học phần:

Về kiến thức:

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa báo chí và PR, vai trò của báo chí trong hoạt động truyền thông, nguyên tắc thiết lập và duy trì quan hệ báo chí; đồng thời giúp người học nhận diện nguyên nhân, dấu hiệu và quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện khả năng thiết lập quan hệ báo chí, xây dựng thông cáo báo chí, tổ chức họp báo và vận dụng các bước xử lý khủng hoảng thông qua phân tích tình huống thực tiễn; đồng thời hình thành tinh thần trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp và ý thức chủ động trong xây dựng quan hệ báo chí, xử lý thông tin và ứng phó với khủng hoảng truyền thông một cách phù hợp, hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được các khái niệm, nguyên tắc và vai trò của quan hệ báo chí trong hoạt động PR; quy trình thiết lập, duy trì mối quan hệ với báo chí và truyền thông.	- Thể hiện qua hình thức bài tiểu luận
CLO2	Phân tích được nguyên nhân, dấu hiệu nhận diện, tác động và quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông trong tổ chức và doanh nghiệp.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm - Thể hiện qua hình thức bài tiểu luận
CLO3	Vận dụng được các kỹ năng thiết lập quan hệ báo chí, xây dựng thông cáo báo chí, tổ chức họp báo và xử lý tình huống khủng hoảng truyền thông trong bối cảnh thực tiễn.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm - Thể hiện qua hình thức bài tiểu luận
CLO4	Đánh giá được vai trò của trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức truyền thông và tinh thần chủ động trong hoạt động quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông.	Đánh giá quan bảng kiểm soát chuyên cần của người học

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLO / PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2				X				
CLO3						X		

CLO / PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO4							X	X

PP giảng dạy: Thuyết giảng, hướng dẫn, giao nhiệm vụ

PP học tập: Nghe giảng, thảo luận, làm bài tập.

Mã trận tương thích CLOs và PP dạy và học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Hướng dẫn	X	X	X	X
Giao nhiệm vụ.		X	X	X
Nghe giảng	X	X		
Thảo luận		X	X	X
Làm bài tập		X	X	X

PP kiểm tra đánh giá. Chuyên cần, kiểm tra, tiểu luận

Mã trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X	X	

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO1 ; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric đánh giá tiểu luận	Trình bày và phân tích các nguyên tắc quan hệ báo chí, quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông hoặc phân tích tình	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						huống thực tiễn.	
Quá trình (Thuyết trình – phân tích tình huống nhóm)	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1-5	Bài tập tình huống; thảo luận – thuyết trình – phân biện nhóm (Rubric đánh giá)	Phân tích tình huống quan hệ báo chí hoặc khủng hoảng truyền thông; vận dụng kỹ năng xây dựng thông cáo báo chí, hợp báo và xử lý khủng hoảng	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3
Quá trình (Chuyên cần, tham gia học tập)	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ (Tuần 1-6)	Bảng kiểm chuyên cần; mức độ tham gia học tập	Đánh giá tinh thần hợp tác, trách nhiệm nghề nghiệp, chủ động học tập và ý thức xử lý thông tin truyền thông phù hợp.	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học	Vắng quá 30% số buổi; không	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi, có	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi;	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
tập (CLO4)	tham gia hoạt động học tập.	bài rất hạn chế.	chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.40. Nghệ thuật thương lượng, đàm phán (Negotiate), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đàm phán thương lượng trong kinh doanh, cách tổ chức thương lượng, các nguyên tắc và kỹ năng giao tiếp trong thương lượng. Sinh viên sẽ được nghiên cứu về lý thuyết lẫn thực hành với những kinh nghiệm thực tiễn sinh động qua các cuộc thương lượng điển hình trong kinh doanh để xác định một ý thức rõ ràng về nhu cầu tự rèn luyện kỹ thuật - nghệ thuật thương lượng.

Mục tiêu học phần:

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về bản chất, nguyên tắc, quy trình, chiến thuật và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thương lượng, đàm phán trong môi trường kinh doanh và nghề nghiệp; đồng thời giúp người học hiểu các khái niệm nền tảng như BATNA, ZOPA, mức giá bảo toàn, tạo giá trị gia tăng và các rào cản trong đàm phán. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện khả năng chuẩn bị, phân tích tình huống, lựa chọn chiến thuật phù hợp và vận dụng kỹ năng giao tiếp, thương lượng, đàm phán để xử lý các tình huống thực tiễn trong học tập, công việc và môi trường nghề nghiệp; đồng thời hình thành tinh thần hợp tác, tu duy linh hoạt, thái độ chuyên nghiệp, khả năng kiểm soát cảm xúc, tôn trọng đối tác và hướng đến kết quả hài hòa lợi ích giữa các bên.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Trình bày được các khái niệm, nguyên tắc, quy trình và các yếu tố cơ bản trong thương lượng, đàm phán, bao gồm BATNA, ZOPA, mức giá bảo toàn và tạo giá trị gia tăng	- Thể hiện qua hình thức bài tiểu luận

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO2	Phân tích được các tình huống, chiến thuật, rào cản và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thương lượng, đàm phán trong môi trường kinh doanh và nghề nghiệp.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm - Thể hiện qua hình thức bài tiểu luận
CLO3	Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp, chuẩn bị và chiến thuật phù hợp để xử lý các tình huống thương lượng, đàm phán trong bối cảnh thực tiễn	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm
CLO4	Đánh giá được vai trò của thái độ nghề nghiệp, kiểm soát cảm xúc và tinh thần hợp tác nhằm nâng cao hiệu quả thương lượng, đàm phán.	Đánh giá quan bằng kiểm soát chuyên cần của người học

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLO / PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2						X		
CLO3							X	
CLO4								X

PP giảng dạy: Thuyết giảng, giao bài đọc về nhà, thảo luận nhóm

PP học tập: Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học/ tự nghiên cứu.

Ma trận tương thích CLOs và PP dạy và học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Giao bài đọc về nhà	X	X		X
Thảo luận nhóm		X	X	X
Làm việc nhóm			X	X
Thuyết trình	X	X	X	X
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X	X

PP kiểm tra đánh giá: Chuyên cần, kiểm tra, tiểu luận

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Dánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO1 ; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric đánh giá tiểu luận	Trình bày và phân tích các nguyên tắc, chiến thuật, rào cản hoặc tình huống thương lượng – đàm phán trong bối cảnh kinh doanh/nghề nghiệp.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
Quá trình (Thuyết trình – phân tích tình huống nhóm)	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1–5	Bài tập tình huống; thảo luận – thuyết trình – phản biện nhóm (Rubric đánh giá)	Phân tích tình huống thương lượng – đàm phán; vận dụng kỹ năng giao tiếp, chiến thuật và phương án xử lý phù hợp.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3
Quá trình (Chuyên cần, tham)	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ (Tuần 1–6)	Bảng kiểm chuyên cần; mức độ	Đánh giá tinh thần hợp tác, kiểm soát cảm xúc, chủ động học tập và trách	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

Dánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
gia học tập)					tham gia học tập	nhiệm trong hoạt động nhóm.	

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.41. Nghiệp vụ ngoại giao (Diplomatic Protocol and Etiquette), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần gồm có 5 chương, cung cấp kiến thức tổng quan về nghiệp vụ ngoại giao và lễ tân đối ngoại định nghĩa, vai trò, chức năng, lịch sử ngoại giao thế giới và Việt Nam, các vấn đề về đa dạng văn hóa và đạo đức trong giao tiếp quốc tế; tổ chức hoạt động của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và các phòng đối ngoại, PR trong tổ chức; đặc điểm của Công ước Viên 1961 và 1963; các quy định về quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao; nghiệp vụ lễ tân ngoại giao (đón tiếp khách VIP, phép xã giao quốc tế, trang phục, ngôi thứ và kỹ thuật xếp chỗ bàn tiệc/xếp đưa đón); kế hoạch tổ chức các sự kiện ngoại giao và hội nghị quốc tế; cùng các kỹ năng tiếp xúc, đàm phán, thuyết phục công chúng truyền thông.

Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức nền tảng về ngoại giao và lễ tân đối ngoại, quy trình hoạt động ngoại giao chính thức, nguyên tắc vận dụng các quy tắc, chuẩn mực và công ước quốc tế trong các hoạt động quan hệ công chúng toàn cầu hoặc sự kiện đối ngoại của tổ chức. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện tư duy nhạy bén về

chính trị – văn hóa, kỹ năng xây dựng kịch bản lễ tân, điều hành sự kiện đối ngoại, xử lý tình huống giao tiếp, khủng hoảng ứng xử, đàm phán thương lượng và giao tiếp đa văn hóa, đồng thời hình thành phong thái tự tin, lịch lãm, tinh thần chủ động, tư duy đổi mới, ý thức tôn trọng sự khác biệt văn hóa và trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động truyền thông đối ngoại.

Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Chỉ ra sơ đồ vị trí, xây dựng kịch bản đón tiếp khách VIP và thực hành điều hành, xử lý tình huống phát sinh trong các sự kiện ngoại giao, hội nghị quốc tế, lễ ký kết biên bản ghi nhớ...	- Thể hiện qua hình thức bài tiểu luận
CLO2	Phân tích các quy tắc ngôi thứ, phong tục tập quán, cấm kỵ văn hóa của các quốc gia trong việc xây dựng nội dung kịch bản và chiến dịch truyền thông đối ngoại thực tiễn.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm - Thể hiện qua hình thức bài tiểu luận
CLO3	Thực hiện nhuần nhuyễn kỹ năng lập sơ đồ vị trí, xây dựng kịch bản đón tiếp khách VIP và thực hành điều hành, xử lý tình huống phát sinh trong các sự kiện ngoại giao, hội nghị quốc tế, lễ ký kết biên bản ghi nhớ...	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm
CLO4	Xác định tinh thần chủ động, tác phong chính chu, tư duy đổi mới trong giao tiếp đa văn hóa và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp đối với uy tín quốc gia/tổ chức trong hoạt động Quan hệ Công chúng	Đánh giá quan bảng kiểm soát chuyên cần của người học

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2		X						
CLO3						X		
CLO4							X	

Phương pháp giảng dạy - học

- Thuyết giảng
- Giải quyết vấn đề

- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	x	x		x
Giải quyết vấn đề		x	x	x
Tự học có hướng dẫn	x	x	x	x
Thuyết trình – phản biện nhóm			x	x

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO1 ; CLO2 ;	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric đánh giá tiểu luận (11.3.c)	Thực hiện bài tiểu luận phân tích hoặc phác thảo một tình huống ngoại giao, lễ tân đối ngoại hoặc tổ chức sự kiện quốc tế; vận dụng kiến thức Công ước Viên, quy tắc lễ tân và kỹ năng xử lý	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miễn	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						tình huống đối ngoại.	
Quá trình	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1-5	Bài tập tình huống; thảo luận; thuyết trình – phản biện nhóm (11.3.a)	Phân tích quy tắc ngoại giao, giao tiếp đa văn hóa, xây dựng kịch bản lễ tân và kỹ năng xử lý tình huống trong hoạt động đối ngoại.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm học tập	Suốt học kỳ (Tuần 1-6)	Bảng kiểm soát chuyên cần; (11.3.b)	Xác định tính thần chủ động, tác phong chuyên nghiệp, thái độ hợp tác, trách nhiệm và ý thức nghề nghiệp trong môi trường giao tiếp đa văn hóa.	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
	hoạt động học tập.	bài rất hạn chế	nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	bài và đóng góp tương đối tích cực	luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.42. Sản xuất chương trình phát thanh (Production of radio programs), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần:

Học phần trang bị cho người học kiến thức tổng quan về lịch sử, đặc trưng ngôn ngữ, quy trình sản xuất và vai trò của phát thanh trong hệ thống truyền thông đại chúng hiện đại. Người học được rèn luyện kỹ năng viết kịch bản, tổ chức nội dung, dẫn chương trình, biên tập, ghi âm, xử lý âm thanh và sản xuất các chương trình phát thanh như bản tin, phóng sự, tọa đàm, chuyên đề hoặc podcast. Thông qua học phần, người học phát triển tư duy sáng tạo nội dung âm thanh, kỹ năng làm việc nhóm, đạo đức nghề nghiệp và khả năng thích ứng với xu hướng phát thanh số trong môi trường truyền thông đa nền tảng.

Mục tiêu học phần.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về đặc điểm, quy trình sản xuất và các nguyên tắc xây dựng chương trình phát thanh, sản phẩm âm thanh truyền thông trong bối cảnh truyền thông hiện đại. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện kỹ năng viết, ghi âm, biên tập, dựng và tổ chức sản xuất chương trình phát thanh cơ bản phù hợp với từng thể loại và đối tượng công chúng; đồng thời hình thành tinh thần sáng tạo, trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức đạo đức báo chí và thái độ học tập nghiêm túc trong quá trình sản xuất nội dung phát thanh.

Chuẩn đầu ra học phần.

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được đặc điểm, chức năng và quy trình sản xuất chương trình phát thanh trong môi trường truyền thông hiện đại.	Thể hiện qua sản phẩm/bài tiểu luận.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO2	Đánh giá được vai trò của ngôn ngữ âm thanh, lời dẫn, tiếng động, âm nhạc và cấu trúc chương trình phát thanh trong hoạt động truyền thông.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua sản phẩm/bài tiểu luận.
CLO3	Vận dụng được kỹ năng viết, ghi âm, biên tập và dựng chương trình phát thanh cơ bản bằng thiết bị và phần mềm phù hợp.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm.
CLO4	Thể hiện tinh thần hợp tác, sáng tạo, trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức báo chí trong quá trình sản xuất chương trình phát thanh.	- Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3					X			
CLO4						X		

Phương pháp giảng dạy - học

- Thuyết giảng
 - Phân tích tình huống phát thanh
 - Thực hành ghi âm và dựng âm thanh
 - Thảo luận nhóm
 - Thuyết trình – phản biện
 - Thực hành sản xuất chương trình phát thanh
- Dự án podcast/chương trình phát thanh

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phân tích tình huống phát thanh	X	X	X	

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thực hành ghi âm và dựng âm thanh		X	X	X
Thảo luận nhóm		X	X	X
Thuyết trình – phản biện		X	X	X
Thực hành sản xuất chương trình phát thanh		X	X	X
Dự án podcast/chương trình phát thanh		X	X	X

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Sản phẩm phát thanh/tiểu luận cuối kỳ)	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 9	Sản phẩm phát thanh/tiểu luận – Rubric đánh giá sản phẩm (11.3.c)	Đánh giá khả năng phân tích đặc trưng phát thanh, xây dựng nội dung, tổ chức chương trình và vận dụng ngôn ngữ âm thanh trong sản phẩm phát thanh.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức	Tuần 1–8	Bài tập thực	Đánh giá kỹ năng viết cho	Lấy dữ liệu đo

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
			và kỹ năng		hành, thảo luận; thuyết trình – phản biện nhóm (11.3.b)	phát thanh, ghi âm, biên tập và dựng chương trình phát thanh cơ bản.	từ CLO2; CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm học tập	Suốt học kỳ (Tuần 1–9)	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát học tập (11.3.a)	Đánh giá tinh thần hợp tác, trách nhiệm nghề nghiệp và thái độ học tập trong quá trình sản xuất chương trình phát thanh.	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

- Điểm chuyên cần, trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.43. Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình (Organizing television program production), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần:

Học phần trang bị cho người học kiến thức tổng quan về truyền hình, đặc trưng loại hình, lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức và hoạt động của đài truyền hình trong môi trường truyền thông hiện đại. Người học được tìm hiểu quy trình tổ chức sản xuất chương trình từ xây dựng ý tưởng, lập kế hoạch, tổ chức ê-kíp, điều phối nhân sự, thiết bị, kỹ thuật đến quản lý tiến độ thực hiện. Học phần đồng thời rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch sản xuất, phân công nhiệm vụ, phối hợp ê-kíp và thực hành tổ chức các thể loại chương trình như bản tin, talkshow, gameshow, phóng sự, truyền hình thực tế và chương trình giải trí; qua đó phát triển tư duy tổ chức sản xuất chuyên nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức báo chí và khả năng thích ứng với xu hướng truyền hình đa nền tảng trong bối cảnh truyền thông số.

Mục tiêu học phần:

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về đặc điểm, quy trình và nguyên tắc tổ chức sản xuất chương trình truyền hình trong môi trường truyền thông hiện đại. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức ê-kíp, phân công nhiệm vụ và phối hợp các công đoạn trong quá trình sản xuất chương trình truyền hình cơ bản; đồng thời hình thành tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc chuyên nghiệp, khả năng hợp tác và ý thức đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động sản xuất chương trình truyền hình.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được đặc điểm, cơ cấu tổ chức và quy trình sản xuất chương trình truyền hình.	Thể hiện qua sản phẩm/bài tiểu luận.
CLO2	Đánh giá được vai trò của ê-kíp sản xuất, cấu trúc chương trình và kế hoạch phát sóng trong hoạt động truyền hình.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua sản phẩm/bài tiểu luận. - Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm.
CLO3	Vận dụng được kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức và phối hợp sản xuất chương trình truyền hình cơ bản.	- Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học. - Thể hiện qua sản phẩm/bài tiểu luận.
CLO4	Thể hiện tinh thần hợp tác, trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức báo chí trong quá trình tổ chức sản xuất chương trình truyền hình.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
		- Thể hiện qua sản phẩm/bài tiểu luận.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

CLOs\ PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3					X			
CLO4						X		

Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
Phân tích tình huống truyền hình
Thảo luận nhóm
- Thuyết trình – phản biện

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phân tích tình huống truyền hình	X	X	X	
Thảo luận nhóm		X	X	X
Thuyết trình – phản biện		X	X	X

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Tiểu luận/dự án cuối kỳ)	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 9	Tiểu luận/dự án cuối kỳ – Rubric đánh giá sản phẩm (11.3.c)	Đánh giá khả năng phân tích cơ cấu tổ chức, quy trình sản xuất chương trình truyền hình; đánh giá vai trò của ê-kíp sản xuất, cấu trúc chương trình và kế hoạch phát sóng trong hoạt động truyền hình.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1–8	Bài tập tình huống; thảo luận; thuyết trình – phân biện nhóm (11.3.b)	Đánh giá quá trình xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức ê-kíp, phân công nhiệm vụ, điều phối sản xuất và trình bày mô hình tổ chức chương trình truyền hình.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm học tập	Suốt học kỳ (Tuần 1–9)	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát học tập (11.3.a)	Đánh giá tinh thần hợp tác, trách nhiệm nghề nghiệp, khả năng làm việc nhóm và thái độ học tập trong quá trình tổ chức sản xuất chương	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						trình truyền hình.	

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.44. Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR (PR Project Management), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần sẽ giúp cho người học có kiến thức tổng quát về việc áp dụng các quy trình, công cụ và kỹ thuật khi thực hiện và triển khai một dự án Quan hệ công chúng PR. Học phần sẽ trình bày các khía cạnh trong hoạt động quản lý dự án, từ việc khởi động dự án suôn sẻ cho đến việc tạo động lực thúc đẩy mọi người vượt qua trở ngại, để dự án được diễn ra thật suôn sẻ và hiệu quả. Học phần cũng giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn về hoạt động PR – Quan hệ công chúng trong một doanh nghiệp và những yêu cầu cần thiết đối với một người làm PR chuyên nghiệp.

Mục tiêu học phần Học phần có những mục tiêu:

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các khái niệm, quy trình, công cụ trong hoạch định chiến lược và quản trị chương trình quan hệ công chúng; đồng thời giúp người học phân tích các yếu tố liên quan đến xây dựng, triển khai và quản lý dự án PR trong doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, hoạch định chiến lược, sử dụng các công cụ và kỹ thuật quản trị dự án PR,

xử lý các vấn đề phát sinh trong thực tiễn; đồng thời hình thành tinh thần trách nhiệm, khả năng làm việc nhóm và thái độ chủ động trong hoạt động hoạch định và quản trị chương trình PR.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được quy trình hoạch định chiến lược, xây dựng và quản trị chương trình Quan hệ công chúng; các yếu tố liên quan đến ngân sách, chi phí và rủi ro trong dự án PR.	Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO2	Phân tích được các chương trình, dự án Quan hệ công chúng trong bối cảnh truyền thông thực tiễn.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO3	Xây dựng được kế hoạch và chương trình Quan hệ công chúng phù hợp với mục tiêu truyền thông và đối tượng công chúng.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO4	Vận dụng được tinh thần trách nhiệm tính kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình xây dựng và quản trị chương trình Quan hệ công chúng	- Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2				X				
CLO3						X		
CLO4								X

Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	x	x		x
Giải quyết vấn đề		x	x	x
Tự học có hướng dẫn	x	x	x	x
Thuyết trình – phân biện nhóm		x	x	x

Phương pháp giảng dạy – học: Chuyên cần, Thuyết trình, Tiểu luận

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLO.

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Theo lịch thu bài tiểu luận của Giảng viên/Nhà trường	Tiểu luận	Sinh viên phân tích hoặc xây dựng kế hoạch cho một chương trình/dự án Quan hệ công chúng.	Lấy dữ liệu đo: CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1 – 9	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết	Sinh viên phân tích tình huống hoặc xây dựng kế hoạch cho một dự án PR theo nhóm.	Lấy dữ liệu đo: CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					trình (11.3.b).		
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 – 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần (11.3.a).	Đánh giá ý thức học tập, tinh thần trách nhiệm và thái độ tham gia hoạt động nhóm của sinh viên.	Lấy dữ liệu do: CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.45. Tiếng Anh chuyên ngành quan hệ công chúng (English for public relations majors), 3 tín chỉ.

Tóm tắt học phần.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống từ vựng, thuật ngữ, cấu trúc diễn đạt và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh chuyên ngành trong các bối cảnh nghề nghiệp của lĩnh vực quan hệ công chúng. Nội dung học phần tập trung vào các chủ đề cơ bản và thiết thực của ngành như bản chất và vai trò của quan hệ công chúng, truyền thông với công chúng mục tiêu, quan hệ báo chí, truyền thông nội bộ, tổ chức sự kiện, xây dựng hình ảnh tổ chức, xử lý thông tin truyền thông và một số tình huống PR thường gặp.

Thông qua các hoạt động đọc hiểu, nghe hiểu, thực hành hội thoại, viết ngắn, thảo luận nhóm và thuyết trình, sinh viên được rèn luyện khả năng sử dụng tiếng Anh để hiểu tài liệu chuyên ngành, trao đổi thông tin, mô tả hoạt động PR, trình bày ý tưởng truyền thông, viết thông điệp ngắn và tham gia vào các tình huống giao tiếp nghề nghiệp ở mức độ phù hợp với trình độ A2–B1. Học phần góp phần phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh như một công cụ hỗ trợ học tập, thực hành nghề nghiệp và hội nhập trong lĩnh vực quan hệ công chúng.

Mục tiêu học phần. Học phần có những mục tiêu:

Học phần nhằm phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên trong các hoạt động giao tiếp, học tập và thực hành nghề nghiệp thuộc lĩnh vực quan hệ công chúng. Trên cơ sở năng lực tiếng Anh nền tảng đã được hình thành từ các học phần Tiếng Anh giao tiếp 1 và 2, học phần giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng chuyên ngành, hiểu và sử dụng các mẫu diễn đạt thông dụng, đồng thời thực hiện được các nhiệm vụ giao tiếp nghề nghiệp ở mức độ A2–B1.

Cụ thể, học phần hướng đến các mục tiêu sau.

(1) Giúp sinh viên hiểu và sử dụng được các thuật ngữ, cụm từ và cấu trúc diễn đạt tiếng Anh thông dụng trong lĩnh vực quan hệ công chúng và truyền thông tổ chức.

(2) Phát triển khả năng đọc hiểu và khai thác thông tin chính từ các đoạn văn, hội thoại, tình huống và tài liệu tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến hoạt động PR.

(3) Rèn luyện khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong một số tình huống nghề nghiệp có hướng dẫn như giới thiệu tổ chức, trao đổi với công chúng, mô tả sự kiện, làm việc với truyền thông và trình bày ý tưởng PR.

(4) Phát triển khả năng viết các văn bản ngắn phục vụ hoạt động quan hệ công chúng như email, thông báo, lời mời, nội dung giới thiệu, thông điệp truyền thông hoặc đoạn mô tả sự kiện.

(5) Hình thành thái độ học tập chủ động, kỹ năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình cơ bản bằng tiếng Anh và ý thức sử dụng ngôn ngữ phù hợp, chuyên nghiệp trong bối cảnh quan hệ công chúng.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được các thuật ngữ, cụm từ, mẫu câu và nội dung chính trong các văn bản/hội thoại tiếng Anh chuyên ngành quan hệ công chúng ở mức độ A2–B1.	- Đánh giá qua bài thực hành nhóm. - Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm - Thể hiện qua hình thức thi tổng hợp.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO2	Vận dụng được từ vựng, cấu trúc diễn đạt và mẫu câu tiếng Anh chuyên ngành trong các tình huống PR thông dụng như giới thiệu tổ chức, mô tả hoạt động truyền thông, sự kiện, quan hệ báo chí và truyền thông nội bộ.	- Đánh giá qua bài thực hành nhóm. - Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm - Thể hiện qua hình thức thi tổng hợp.
CLO3	Thực hiện được các nhiệm vụ giao tiếp tiếng Anh chuyên ngành có hướng dẫn, bao gồm đọc hiểu tài liệu ngắn, trao đổi thông tin, viết văn bản ngắn và trình bày chủ đề liên quan đến quan hệ công chúng.	- Đánh giá qua bài thực hành nhóm. - Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm - Thể hiện qua hình thức thi tổng hợp.
CLO4	Thể hiện được thái độ học tập chủ động, tinh thần hợp tác, ý thức tự học và phong cách giao tiếp phù hợp trong các hoạt động học tập và thực hành tiếng Anh chuyên ngành quan hệ công chúng.	Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2				X				
CLO3						X		
CLO4							X	

Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP dạy và học

Phương pháp giảng dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng tích cực	X	X		
Phát vấn/Câu hỏi gợi mở	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề ngôn ngữ trong tình huống PR		X	X	X
Học theo tình huống nghề nghiệp PR	X	X	X	X
Thực hành ngôn ngữ/Role-play		X	X	X
Làm việc nhóm		X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Bài tập nhóm	Thuyết trình	Thi tổng hợp
CLO1		X	X	X
CLO2		X	X	X
CLO3		X	X	X
CLO4	X		X	

Kế hoạch đo CLO:

Đánh giá người học	CLOs	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Đánh giá quá trình	CLO1, CLO2, CLO4	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Tuần 1–8	Điểm chuyên cần, tham gia học tập, bài tập trên lớp	SV tham gia học tập, chuẩn bị bài, hoàn thành bài tập từ vựng, ghép thuật ngữ, điền mẫu, luyện cấu trúc câu và thảo luận nhóm.	CLO1, CLO2: điểm bài tập trên lớp; CLO3: điểm chuyên cần, thái độ, mức độ chuẩn bị bài và hợp tác.
Bài tập cá nhân/nhóm	CLO1, CLO2, CLO3	Kiến thức,	Tuần 2–8	Worksheets, glossary,	Nội dung gồm: từ vựng chuyên ngành, thuật	CLO1: điểm vocabulary/keywords terms,

Đánh giá người học	CLOs	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
		kỹ năng		bài đọc hiểu ngắn, bài viết câu/đoạn ngắn có hướng dẫn	ngữ truyền thông, đọc hiểu văn bản ngắn, điền thông tin vào mẫu, viết câu/đoạn ngắn mô tả sản phẩm/hoạt động truyền thông.	CLO2: điểm reading tasks; CLO3: điểm worksheet, gap-filling, matching, guided writing.
Kiểm tra giữa học phần	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Tuần 5-6	Thuyết trình nhóm bằng tiếng Anh	SV thuyết trình về một vấn đề/sản phẩm truyền thông đa phương tiện. Nội dung gồm: topic, target audience, key message, media platform, design/product explanation và reflection.	CLO1: sử dụng thuật ngữ; CLO2: chuẩn bị nội dung theo mẫu; CLO3: trình bày bằng tiếng Anh; CLO4. hợp tác nhóm, chuẩn bị bài, trách nhiệm cá nhân.
Kiểm tra kết thúc học phần (Đề thi tổng hợp 75 phút)	CLO1, CLO2, CLO3	Kiến thức, kỹ năng	Theo lịch thi cuối học phần	Đề thi tổng hợp	Cấu trúc đề thi gồm: 1. Vocabulary & Key Terms; 2. Language Focus; 3. Reading Comprehension; 4. Guided Writing/Translation. Cấu trúc	CLO1: điểm Vocabulary & Language Focus; CLO2: điểm Reading Comprehension; CLO3: điểm Guided Writing/Translation.

Đánh giá người học	CLOs	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					này tương thích với đề mẫu TACN QHCC: trắc nghiệm 40 điểm, đọc hiểu 40 điểm, viết/dịch 20 điểm.	
Tổng cộng	CLO1 – CLO4	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Toàn học phần	Tổng hợp các công cụ đánh giá	Bảo đảm đo được các CDR cốt lõi của học phần theo hướng vừa sức với trình độ đầu vào của SV	Dữ liệu được lấy từ điểm quá trình, bài tập, thuyết trình giữa kỳ và bài thi kết thúc học phần.

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – bài thực hành nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.46. Báo in và báo trực tuyến (Newspaper and online newspaper), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về báo in, báo trực tuyến; về cơ cấu tổ chức tòa soạn báo in, báo trực tuyến. Học phần giúp sinh viên nắm được các thành phần của tác phẩm báo và quy trình, cách viết bài cho báo in, báo trực tuyến. Hơn nữa, học phần còn giúp sinh viên hiểu được đạo đức của người làm công việc viết bài cho báo in và báo trực tuyến. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nắm được mối quan hệ giữa báo in và báo trực tuyến trong thời đại mới.

Mục tiêu học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về báo in, báo trực tuyến, vai trò của báo chí trong đời sống xã hội, đặc điểm, hình thức và quy trình sản xuất tác phẩm báo chí trên môi trường truyền thống và số. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện kỹ năng xây dựng, trình bày, biên tập tác phẩm báo chí, phân tích, lập luận, làm việc nhóm và thuyết trình trong hoạt động học tập, thực hành báo chí; đồng thời hình thành ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và khả năng thích ứng với môi trường truyền thông số trong hoạt động báo chí và truyền thông.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được đặc điểm, quy trình sản xuất và vai trò của báo in, báo trực tuyến trong đời sống xã hội và môi trường truyền thông số.	Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO2	Phân tích được cấu trúc, hình thức và nội dung của các tác phẩm báo in, báo trực tuyến trong thực tiễn truyền thông.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO3	Vận dụng được kỹ năng xây dựng, trình bày và biên tập các tác phẩm báo chí trên báo in và báo trực tuyến.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO4	Vận dụng được trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức báo chí và tinh thần thích ứng với môi trường truyền thông số trong hoạt động báo chí và truyền thông.	- Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO2					X			
CLO3						X		
CLO4								X

Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLO:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức, kỹ năng,	Theo lịch thu bài tiểu luận của Giảng	Tiểu luận (11.3.c)	Sinh viên phân tích hoặc xây dựng sản phẩm báo chí trên báo in hoặc bao trực	Lấy dữ liệu do CLO1,

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
			thái độ	viên/Nhà trường		tuyển gắn với môi trường truyền thông số. CLO1: khả năng giải thích đặc điểm và vai trò của báo in, báo trực tuyến. CLO2: khả năng phân tích cấu trúc, nội dung và hình thức tác phẩm báo chí. CLO3: khả năng vận dụng kỹ năng xây dựng, trình bày và biên tập sản phẩm báo chí.	CLO2, CLO3
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1 – 6	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình (11.3.b).	Sinh viên phân tích sản phẩm báo chí hoặc thực hành xây dựng tác phẩm báo in/báo trực tuyến theo nhóm. CLO2: khả năng phân tích nội dung và hình thức báo chí. CLO3: khả năng vận dụng kỹ năng viết, trình bày và sử dụng đa phương tiện trong báo trực tuyến.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Dánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Quá trình	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 – 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần (11.3.a).	Đánh giá ý thức học tập, tinh thần trách nhiệm và thái độ tham gia hoạt động nhóm của sinh viên.	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.47. Các thể loại báo chí (Type of journalism)

Tóm tắt học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về các thể loại báo chí được thể hiện trong các tác phẩm báo chí thuộc 4 loại hình báo in, phát thanh- truyền hình và báo trực tuyến. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ biết nhận diện các thể loại báo chí cơ bản (thông tấn, ký, chính luận) và biết đánh giá chất lượng một tác phẩm báo chí: đặc điểm về nội dung, hình thức và cách thể hiện của các tác phẩm báo chí ở các loại hình báo chí khác nhau. Phương pháp đánh giá cuối kỳ của học phần là hình thức tiểu luận.

Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức căn bản về tác phẩm báo chí, đặc trưng kết cấu, ngôn ngữ và tiêu chí định hình giá trị tin tức của các thể loại báo chí

trên các loại hình báo in, báo trực tuyến, phát thanh và truyền hình. Trên cơ sở đó, học phần phát triển khả năng sáng tạo, biên tập các thể loại báo chí ứng dụng trong quan hệ công chúng như bản tin sự kiện, bộ câu hỏi phỏng vấn, bài phản ánh, phóng sự doanh nghiệp; rèn luyện kỹ năng phát hiện đề tài, khai thác thông tin đa chiều và vận dụng công cụ đa phương tiện để thiết kế sản phẩm nội dung số. Học phần đồng thời hình thành sự chủ động, nhạy bén với thời sự, tư duy đổi mới sáng tạo, ý thức tuân thủ Luật Báo chí Việt Nam, chuẩn mực đạo đức thông tin, tôn trọng bản quyền và trách nhiệm xã hội trong hoạt động báo chí – truyền thông.

Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Chỉ ra được những vấn đề lý luận cơ bản về tác phẩm báo chí, đặc trưng và tiêu chí nhận diện các thể loại báo chí trên các loại hình truyền thông.	Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO2	Phân tích được đặc điểm kết cấu, ngôn ngữ và giá trị thông tin của các thể loại báo chí trong hoạt động Quan hệ công chúng và truyền thông tổ chức.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO3	Thực hiện kỹ năng phát hiện đề tài, khai thác thông tin, sáng tạo và biên tập các thể loại báo chí ứng dụng trong hoạt động PR và truyền thông đa phương tiện.	Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm.
CLO4	Xác định tinh thần chủ động, nhạy bén thời sự, tuân thủ đạo đức nghề báo và trách nhiệm xã hội trong hoạt động truyền thông và Quan hệ công chúng.	Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2			X					
CLO3					X			
CLO4								X

Phương pháp giảng dạy - học

- Thuyết giảng

Phát vấn

- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO1 ; CLO2 ;	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric đánh giá tiểu luận (11.3.a)	Thực hiện phân tích thể loại báo chí, vận dụng kiến thức lý luận và xây dựng sản phẩm nội dung báo chí ứng dụng trong PR..	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
Quá trình	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1–5	Bài tập tình huống; thảo luận;	Phân tích khai thác thông tin, viết và biên tập các thể loại báo chí; kỹ năng	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					thuyết trình – phản biện nhóm (11.3.a)	trình bày, phản biện và làm việc nhóm.	
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm học tập	Suốt học kỳ (Tuần 1–6)	Bảng kiểm soát chuyên cần; (11.3.b)	Xác định tình thần chủ động, ý thức trách nhiệm, tác phong học tập và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, truyền thông.	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.
Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.48. Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn (Communication skills Interview Questions and Answers), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần trang bị cho sinh viên nắm được lý thuyết về phỏng vấn và trả lời phỏng vấn trong lĩnh vực báo chí, truyền thông, PR. Đồng thời trang bị cho sinh viên có các kỹ năng tác nghiệp phỏng vấn, trả lời phỏng vấn của báo chí và truyền thông, giải quyết các tình huống nảy sinh. Giúp sinh viên nắm được khái niệm về phỏng vấn, trả lời phỏng vấn, nội dung và ý nghĩa của một buổi phỏng vấn. Vị trí, vai trò của phỏng vấn trong báo chí, truyền thông. Phân biệt phỏng vấn với các thể loại báo chí khác. Giúp sinh viên hiểu được bố cục của một bài phỏng vấn, cách đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi, cách viết bài phỏng vấn có độ tin cậy cao và hấp dẫn với bạn đọc. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng phỏng vấn. Quy trình phỏng vấn (chuẩn bị tư liệu, kiến thức cho bài phỏng vấn, tìm hiểu đối tượng vấn đề, viết đề cương câu hỏi, gửi lời đề nghị phỏng vấn, đi phỏng vấn, thực hiện phỏng vấn như thế nào, viết bài phỏng vấn)... Giải quyết các vấn đề gặp phải khi phỏng vấn. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ: email, máy ảnh, máy ghi âm, ghi hình...

Mục tiêu học phần.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khái niệm, quy trình, kỹ năng và nguyên tắc trong hoạt động phỏng vấn, trả lời phỏng vấn trong lĩnh vực báo chí – truyền thông; đồng thời giúp người học phân tích các tình huống phát sinh và yêu cầu đạo đức nghề nghiệp trong quá trình phỏng vấn. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện kỹ năng tác nghiệp phỏng vấn, trả lời phỏng vấn, xử lý thông tin, giao tiếp, ứng xử và giải quyết vấn đề trong hoạt động truyền thông; đồng thời hình thành ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần chủ động và thái độ hợp tác trong hoạt động báo chí – truyền thông.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được các vấn đề cơ bản, quy trình và phương thức phỏng vấn và trả lời phỏng vấn trong hoạt động truyền thông và Quan hệ công chúng.	Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO2	Phân tích được các tình huống phỏng vấn, xử lý thông tin và các vấn đề phát sinh trong hoạt động truyền thông.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO3	Vận dụng được kiến thức và kỹ năng để thực hiện phỏng vấn, trả lời phỏng vấn và xử lý thông tin trong các tình huống truyền thông thực tiễn	Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO4	Vận dụng được tinh thần tự học, cập nhật kiến thức chuyên ngành và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động truyền thông và Quan hệ công chúng.	Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1					X			
CLO2						X		
CLO3							X	
CLO4								X

Phương pháp giảng dạy - học:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X		X
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X	X	X	X
Giao bài đọc về nhà	X	X		X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLO:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Theo lịch thu bài tiểu luận của Giảng viên/Nhà trường	Tiểu luận (11.3.c)	Sinh viên phân tích hoặc thực hiện một bài phỏng vấn gắn với nội dung học phần.	Lấy dữ liệu đo: CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1 – 6	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình (11.3.b).	Sinh viên phân tích tình huống phỏng vấn hoặc thực hiện hoạt động phỏng vấn theo nhóm.	Lấy dữ liệu đo: CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 – 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần (11.3.a).	Đánh giá ý thức học tập, tinh thần tự học và thái độ tham gia hoạt động nhóm của sinh viên.	Lấy dữ liệu đo: CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
	hoạt động học tập.		đóng góp chưa thường xuyên.	góp tương đối tích cực.	nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.49. Viết bài PR và thông cáo báo chí (PR writing and press release), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng để viết bài PR, thông cáo báo chí hiệu quả, vai trò và tầm quan trọng đối với tổ chức/doanh nghiệp. Các phương pháp viết với từng dạng bài PR cụ thể, qui trình viết thông cáo báo chí. Một số qui tắc vàng khi viết bài PR, cách phát hành thông cáo báo chí. Bên cạnh đó, môn học còn trang bị kỹ năng giao tiếp, làm việc với giới truyền thông để tăng hiệu quả trong công việc. Phương pháp đánh giá cuối kỳ của học phần là hình thức tiểu luận

Mục tiêu học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về vai trò, đặc điểm, nguyên tắc, quy trình viết bài PR và thông cáo báo chí trong hoạt động truyền thông. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện kỹ năng viết bài PR, xây dựng thông cáo báo chí, phát triển nội dung truyền thông phù hợp với công chúng mục tiêu, phát hành thông cáo báo chí và thiết lập quan hệ với giới truyền thông; đồng thời hình thành ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức truyền thông và tinh thần chủ động trong quá trình thực hiện các hoạt động viết bài PR và thông cáo báo chí.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được vai trò, đặc điểm và quy tắc viết bài PR và thông cáo báo chí trong hoạt động truyền thông và Quan hệ công chúng.	Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO2	Phân tích được các loại bài viết PR, thông điệp truyền thông và nội dung thông cáo báo chí trong thực tiễn.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO3	Vận dụng được kỹ năng nghiên cứu công chung, viết bài PR, thông cáo báo chí và phát hành thông tin đến các cơ quan truyền thông.	Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm.
CLO4	Vận dụng được trách nhiệm đạo đức và các quy định pháp luật trong hoạt động viết bài PR và thông cáo báo chí.	- Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2					X			
CLO3						X		
CLO4								
CLO5								X

PP dạy – học: Thuyết giảng tích cực, phát vấn, giải quyết vấn đề, đàm thoại gợi mở, bài tập thực hành, Thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin/tài liệu.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP dạy và học:

CLOs / Phương pháp giảng dạy	Thuyết giảng tích cực	Phát vấn	Giải quyết vấn đề	Đàm thoại gợi mở	Học theo tình huống	Thực hành	Tự học
CLO1	X	X		X			X
CLO2	X	X	X	X	X		X
CLO3					X	X	X
CLO4		X	X	X	X		X
CLO5	X	X	X	X	X	X	X

PP kiểm tra đánh giá Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra.

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLO:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Theo lịch thu bài tiểu luận của Giảng viên/Nhà trường	Tiểu luận (11.3.c)	Sinh viên viết bài PR hoặc thông cáo báo chí gắn với nội dung học phần.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1 – 9	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình (11.3.b).	Sinh viên phân tích bài PR, thông cáo báo chí hoặc thực hành xây dựng nội dung truyền thông theo nhóm.	Lấy dữ liệu đo: CLO2, CLO3.
Quá trình	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 – 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần (11.3.a).	Đánh giá ý thức học tập, tinh thần trách nhiệm và thái độ tham gia hoạt động nhóm của sinh viên.	Lấy dữ liệu đo: CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học	Vắng quá 30% số buổi; không	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi;	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
tập (CLO4)	tham gia hoạt động học tập.	bài rất hạn chế.	chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực	cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phân biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.50. Phân tích nội dung truyền thông (Analyze media content), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại hình và phương tiện truyền thông trên thế giới và tại Việt Nam. Qua đó, sinh viên nghiên cứu những hiệu ứng và tác động của truyền thông lên các đối tượng công chúng cũng như tâm lý tiếp nhận, diễn dịch các nội dung truyền thông cũng như phản ứng và phản hồi của công chúng sau đó. Đặc biệt, môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản quan trọng trong việc phân tích và đánh giá các thông điệp, nội dung truyền thông trong quá trình hoạt động PR, quảng cáo, tiếp thị. Từ đó, sinh viên có thể thực hành xây dựng các kịch bản truyền thông hiệu quả cho doanh nghiệp.

Mục tiêu học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các thuyết tiếp cận thông điệp truyền thông, đặc điểm công chúng, phương pháp nghiên cứu truyền thông và vai trò của nghiên cứu, phân tích nội dung trong hoạt động truyền thông. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá các loại hình và nội dung truyền thông, xây dựng nội dung và hoạch định chiến lược truyền thông phù hợp với công chúng mục tiêu; đồng thời hình thành tinh thần trách nhiệm, tư duy phản biện và thái độ chủ động trong nghiên cứu, phân tích và thực hành truyền thông.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Giải thích được vai trò, các lý thuyết tiếp cận và các phương pháp nghiên cứu trong phân tích nội dung truyền thông.	Thể hiện qua bài tiểu luận.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO2	Phân tích được nội dung, thông điệp truyền thông và phản ứng của công chúng đối với các sản phẩm truyền thông trong thực tiễn.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO3	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu, kỹ năng tìm kiếm, xử lý thông tin và xây dựng thông điệp truyền thông trong hoạt động PR và truyền thông.	Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm.
CLO4	Vận dụng được tinh thần tự học, trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm nhóm trong quá trình nghiên cứu và phân tích nội dung truyền thông.	Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs:

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3						X		
CLO4								X

Phương pháp giảng dạy - học

- Thuyết giảng
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLO:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Theo lịch thu bài tiểu luận của Giảng viên/Nhà trường	Tiểu luận (11.3.c)	Sinh viên phân tích nội dung và thông điệp của một sản phẩm truyền thông cụ thể.	Lấy dữ liệu đo: CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1 – 6	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình (11.3.b).	Sinh viên thực hiện phân tích nội dung truyền thông hoặc nghiên cứu case theo nhóm.	Lấy dữ liệu đo: CLO2, CLO3.
Quá trình	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 – 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần (11.3.a).	Đánh giá ý thức học tập, tinh thần trách nhiệm và thái độ tham gia hoạt động nhóm của sinh viên.	Lấy dữ liệu đo: CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ, chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.51. Quản trị sự kiện (Event Management), 3 tín chỉ

Tóm tắt nội dung học phần

Học phần giúp sinh viên tìm hiểu hoạt động tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, triển lãm và các sự kiện, lễ hội có thể tổ chức hiện nay. Sinh viên hiểu và nắm được các công việc cơ bản của sự kiện như: hình thành chủ đề, lập chương trình và dự toán ngân sách sự kiện, quản trị nhân sự trong tổ chức sự kiện, quản trị truyền thông trong tổ chức sự kiện, quản trị ngân sách trong tổ chức sự kiện, quản trị hậu cần trong tổ chức sự kiện, quản trị rủi ro trong sự kiện.

Ngoài ra, sinh viên được cung cấp những kiến thức và kỹ năng quan trọng trong việc quản lý các yếu tố quan trọng không thể thiếu để đảm bảo thành công trong lĩnh vực tổ chức các sự kiện mang tính thương mại và đòi hỏi tính chuyên nghiệp cao; đảm bảo các quy trình, tiêu chuẩn và có cái nhìn toàn diện của một nhà tổ chức sự kiện chuyên nghiệp.

Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về quy trình quản lý, tổ chức các sự kiện và hội nghị trong du lịch. Xây dựng tầm nhìn và phương pháp tư duy sáng tạo để tìm ra những ý tưởng lớn, điểm nhấn của sự kiện trên cơ sở bám sát định vị của thương hiệu.

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về sự kiện, tổ chức sự kiện, quy trình quản lý sự kiện.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về việc tổ chức một số loại hình sự kiện phổ biến.

- Trang bị kiến thức về sự phát triển của ngành nghề tổ chức sự kiện trong giai đoạn hiện nay.

Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng, đặc điểm và quy trình thiết kế, phát triển các loại hình sự kiện phổ biến.	Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO2	Xây dựng được kế hoạch, xây dựng chương trình và dự toán ngân sách cho các sự kiện đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO3	Vận dụng được các tiêu chuẩn chất lượng, kỹ năng quản trị nhân sự, hậu cần và truyền thông hiệu quả trong kinh doanh sự kiện.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO4	Thể hiện được tinh thần tự chủ và trách nhiệm trong việc phục vụ, lấy khách hàng làm trung tâm.	- Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học - Thể hiện qua bài tiểu luận.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1					X			
CLO2						X		
CLO3							X	
CLO4								X

Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X		X	
Giải quyết vấn đề		X	X	
Thuyết trình – phản biện nhóm			X	X

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		X

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Tiểu luận (12.3.a)	CLO1: Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng; CLO2: Xây dựng được kế hoạch; CLO3: Vận dụng được các kỹ năng; CLO4: Thể hiện được tinh thần chủ động, trách nhiệm làm việc	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3 - 8	Thuyết trình – phản biện nhóm (12.3.b)	CLO2: Nội dung phân tích và giải pháp. CLO3: Kỹ năng phối hợp, phản biện và thích nghi.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chủ động, tích cực, trách nhiệm và hợp tác trong học tập	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi, không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thương xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn

8.52. Thể hiện ý tưởng (Express ideas), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về tư duy sáng tạo, phương pháp hình thành và phát triển ý tưởng trong lĩnh vực Quan hệ công chúng, quảng cáo và truyền thông. Học phần giới thiệu khái quát về bản chất của sáng tạo, các kỹ thuật kích hoạt ý tưởng, quy trình xây dựng và triển khai ý tưởng truyền thông, cũng như những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của một ý tưởng sáng tạo trong hoạt động quảng bá sản phẩm, thương hiệu và tổ chức. Bên cạnh đó, giúp người học nhận diện các tiêu chí đánh giá ý tưởng sáng tạo hiệu quả, biết vận dụng tư duy logic, khả năng phân tích và kỹ năng làm việc nhóm để xây dựng và trình bày ý tưởng truyền thông phù hợp với mục tiêu và đối tượng công chúng. Thông qua các hoạt động thảo luận, thực hành và trình bày ý tưởng, người học từng bước hình thành tư duy đổi mới, khả năng sáng tạo nội dung và thái độ chủ động trong lĩnh vực truyền thông và Quan hệ công chúng

Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức nền tảng về tư duy sáng tạo, quy trình và phương pháp hình thành ý tưởng trong lĩnh vực Quan hệ công chúng, quảng cáo và truyền thông; đồng thời giúp người học hiểu các yếu tố cấu thành, tiêu chí đánh giá và cách thức triển khai ý tưởng sáng tạo trong thực tiễn truyền thông. Trên cơ sở đó, học phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, phân tích và giải quyết vấn đề, xây dựng, trình bày và thực thi ý tưởng truyền thông cho sản phẩm, thương hiệu hoặc tổ chức; đồng thời nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và ứng dụng công cụ truyền thông trong thiết kế nội dung sáng tạo. Học phần cũng góp phần hình thành tinh thần chủ động, đổi mới sáng tạo, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp và thái độ nghiêm túc trong quá trình xây dựng, triển khai và đánh giá các ý tưởng truyền thông trong lĩnh vực Quan hệ công chúng.

Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Chỉ ra được những vấn đề cơ bản về tư duy sáng tạo, phương pháp và quy trình hình thành ý tưởng trong lĩnh vực Quan hệ công chúng và truyền thông.	Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO2	Phân tích được các yếu tố cấu thành, tiêu chí đánh giá và hiệu quả của ý tưởng sáng tạo trong hoạt động quảng cáo và truyền thông.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO3	Thực hiện kỹ năng xây dựng, trình bày và triển khai ý tưởng truyền thông cho sản phẩm, thương hiệu hoặc tổ chức trong hoạt động Quan hệ công chúng.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm.
CLO4	Xác định tinh thần chủ động, sáng tạo, trách nhiệm nghề nghiệp và thái độ hợp tác trong quá trình xây dựng và thực hiện ý tưởng truyền thông.	- Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2				X				
CLO3					X			
CLO4						X		

Phương pháp giảng dạy - học

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO1 ; CLO2 ;	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric đánh giá tiểu luận (11.3.a)	Chỉ ra khả năng phân tích tư duy sáng tạo, vận dụng quy trình xây dựng ý tưởng và đề xuất giải pháp truyền thông sáng tạo cho sản phẩm,	Lấy dữ liệu từ CLO1 CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						thương hiệu hoặc tổ chức.	
Quá trình	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1-5	Bài tập tình huống; thảo luận; thuyết trình – phản biện nhóm (11.3.a)	Thực hiện kỹ năng phân tích ý tưởng, xây dựng và trình bày ý tưởng truyền thông; kỹ năng sáng tạo, làm việc nhóm và phản biện.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm học tập	Suốt học kỳ (Tuần 1-6)	Bảng kiểm soát chuyên cần; (11.3.b)	Xác định tinh thần chủ động, ý thức trách nhiệm, thái độ hợp tác và sự tích cực trong quá trình học tập và thực hành sáng tạo ý tưởng.	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
	hoạt động học tập.		đóng góp chưa thường xuyên.	góp tương đối tích cực.	nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.
Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.53. Phát ngôn viên tổ chức (Organization spokesman), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần.

Học phần giới thiệu các kiến thức tổng quan về phát ngôn viên tổ chức; phát ngôn trong bộ ngoại giao và phát ngôn trong tổ chức, doanh nghiệp. Học phần trình bày và giải thích các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực phát ngôn viên tổ chức. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh tiếp cận lý thuyết và ứng dụng thực hành với những kinh nghiệm thực tiễn sinh động qua việc tổ chức họp báo, đóng vai các diễn giả, chuyên viên đại diện truyền thông, đối ngoại trả lời phỏng vấn và phóng viên đặt câu hỏi.

Mục tiêu học phần:

Học phần trang bị cho người học kiến thức tổng quan về vai trò, chức năng, tố chất và yêu cầu nghề nghiệp của người phát ngôn trong tổ chức; đồng thời giúp người học hiểu cách sử dụng nội dung, ngôn từ, giọng điệu và phong cách phát ngôn phù hợp với từng bối cảnh truyền thông. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện kỹ năng phát hiện và xử lý tình huống, rủi ro truyền thông; chuẩn bị và lập kế hoạch họp báo, phát ngôn, trả lời phỏng vấn; đồng thời phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và thuyết trình. Học phần cũng góp phần hình thành thái độ cẩn trọng, tự tin, có chiến lược, tinh thần tự học, trách nhiệm đối với nội dung phát ngôn, ý thức đạo đức nghề nghiệp và cam kết duy trì uy tín, trách nhiệm xã hội của tổ chức trước công chúng.

Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được vai trò, chức năng và trách nhiệm của phát ngôn viên trong hoạt động truyền thông của tổ chức.	Thể hiện qua bài tiểu luận.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO2	Đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả phát ngôn và quản trị thông tin của tổ chức trong môi trường truyền thông hiện đại.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO3	Xây dựng được các chiến lược phát ngôn tích hợp nhằm nâng cao hình ảnh và thương hiệu của tổ chức trong môi trường truyền thông đa nền tảng. .	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm.
CLO4	Thể hiện được bản lĩnh điềm tĩnh, tính cẩn trọng cao độ, trách nhiệm xã hội, và cam kết tuyệt đối bảo mật thông tin nội bộ của tổ chức, doanh nghiệp trước áp lực của dư luận.	- Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học

Ma trận liên kết/ tương thích giữa CLOs và PLOS

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2						X		
CLO3							X	
CLO4								X

Phương pháp giảng dạy – học

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề truyền thông
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phát vấn	X	X		
Giải quyết vấn đề truyền thông	X	X	X	

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phân biện nhóm		X	X	X

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tiểu luận/kết hợp tình huống thực tiễn (11.3.a)	CLO1: Đánh giá mức độ hiểu và phân tích kiến thức về phát ngôn viên tổ chức. CLO2: Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào xử lý tình huống phát ngôn.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3 -5	Thuyết trình nhóm, bài tập tình huống, phân	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3. Kỹ năng phối hợp và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO2 CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Chuyên cần và thái độ học tập					biện nhóm (11.3.b,c)		
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Đánh giá tinh thần học tập, sự chủ động, chăm chỉ, tích cực tham gia hoạt động học tập.	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.

Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.54. Kỹ năng xin tài trợ (Sponsorship application skills), 2 tín chỉ

Tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về hoạt động tài trợ trong lĩnh vực truyền thông, quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện; giúp người học hiểu rõ khái niệm, vai trò, hình thức tài trợ và tầm quan trọng của hoạt động tài trợ đối với doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng. Đồng thời trang bị kiến thức về quy trình xây dựng kế hoạch xin tài trợ, xác định mục tiêu, phân tích nhu cầu dự án, lựa chọn nhà tài trợ tiềm năng, truyền thông tiếp thị tích hợp năng lực tổ chức và quản

lý mối quan hệ với nhà tài trợ. Bên cạnh đó, học phần phát triển cho người học kỹ năng xây dựng hồ sơ năng lực, thiết kế proposal và bộ hồ sơ mời tài trợ, kỹ năng giao tiếp, thuyết phục doanh nghiệp, trình bày ý tưởng dự án, quản lý và duy trì quan hệ với nhà tài trợ trong thực tiễn nghề nghiệp. Thông qua các bài tập thực hành, thảo luận nhóm và xây dựng dự án tài trợ, người học hình thành tư duy sáng tạo, khả năng làm việc nhóm, tinh thần trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp và sự chủ động trong việc huy động nguồn lực phục vụ cho các hoạt động truyền thông, sự kiện và dự án cộng đồng.

Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức nền tảng về hoạt động tài trợ, các hình thức và vai trò của tài trợ trong truyền thông, quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện; đồng thời giúp người học hiểu quy trình xây dựng kế hoạch xin tài trợ, lựa chọn nhà tài trợ, xây dựng hồ sơ tài trợ và quản lý quan hệ với nhà tài trợ trong thực tiễn nghề nghiệp. Trên cơ sở đó, học phần phát triển kỹ năng phân tích nhu cầu tài trợ, thiết kế proposal và bộ hồ sơ mời tài trợ, giao tiếp – thuyết phục doanh nghiệp, trình bày ý tưởng dự án và xây dựng chiến lược truyền thông tích hợp nhằm huy động nguồn lực hiệu quả; đồng thời hình thành tinh thần chủ động, sáng tạo, tác phong chuyên nghiệp, ý thức trách nhiệm, thái độ trung thực, minh bạch, tôn trọng đối tác và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình làm việc với doanh nghiệp và cộng đồng.

Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Chỉ ra được khái niệm, vai trò, hình thức tài trợ và quy trình xây dựng kế hoạch xin tài trợ trong hoạt động truyền thông, PR và tổ chức sự kiện	Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO2	Phân tích được nhu cầu tài trợ, tiêu chí lựa chọn nhà tài trợ, nội dung hồ sơ tài trợ và chiến lược truyền thông phù hợp với từng dự án cụ thể..	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO3	Thực hiện kỹ năng xây dựng proposal, thiết kế hồ sơ mời tài trợ, thuyết trình và giao tiếp với doanh nghiệp nhằm thuyết phục và duy trì quan hệ với nhà tài trợ.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm.
CLO4	Thể hiện tinh thần chủ động, tác phong chuyên nghiệp, ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động huy động và quản lý tài trợ.	- Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2						X		
CLO3							X	
CLO4								X

Phương pháp giảng dạy - học

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phát vấn	X	X	X	
Giai quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thí cuối kỳ (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO1 ; CLO2 ;	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric đánh giá tiểu luận (11.3.a)	Xây dựng hoàn chỉnh hồ sơ và kế hoạch xin tài trợ cho một chương trình/sự kiện cụ thể; phân tích nhu cầu tài trợ, lựa chọn nhà tài trợ phù hợp và đề xuất chiến lược truyền thông thuyết phục doanh nghiệp tài trợ.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
Quá trình	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1–5	Bài tập tình huống; thảo luận; thuyết trình – phản biện nhóm (11.3.a)	Phân tích tình huống tài trợ, thiết kế proposal, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm trong hoạt động huy động tài trợ.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm học tập	Suốt học kỳ (Tuần 1–6)	Bảng kiểm soát chuyên cần; (11.3.b)	Xác định tình thần chủ động, trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp, ý thức hợp tác và thái độ học tập của sinh viên trong quá trình thực hiện học phần	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

- Điểm chuyên cần: trong số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.55. Tiếp thị sự kiện (Event marketing), 2 tín chỉ

Học phần cung cấp hệ thống kiến thức nền tảng về tiếp thị sự kiện, từ việc phân loại các loại hình sự kiện đến việc nhận diện vai trò chiến lược của tiếp thị trong việc tạo dựng giá trị cho tổ chức. Sinh viên được hướng dẫn phương pháp nghiên cứu, phân tích mong đợi của công chúng và xu hướng xã hội để xây dựng các chiến lược tiếp thị sáng tạo. Nội dung học phần chú trọng vào việc sử dụng linh hoạt các công cụ truyền thông tích hợp (như Quảng cáo, PR, Khuyến mãi và đặc biệt là triển khai các chiến dịch tiếp thị điện tử (E-marketing)). Bên cạnh đó, môn học còn trang bị kỹ năng hoạch định ngân sách, dự trù kinh phí và chiến lược thu hút tài trợ nhằm đảm bảo tính khả thi và thành công của sự kiện trong thực tiễn.

Mục tiêu học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các thuật ngữ, loại hình sự kiện, hình thức tài trợ, tâm lý công chúng, xu hướng thị trường và các công cụ tiếp thị trong tổ chức sự kiện. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện khả năng vận dụng các công cụ PR, quảng cáo và Digital Marketing trong tiếp thị sự kiện; thực hiện hoạch định chiến dịch tiếp thị sự kiện, lập dự toán kinh phí và xây dựng kế hoạch vận động tài trợ. Học phần đồng thời hình thành tinh thần trách nhiệm, khả năng làm việc nhóm và thái độ chủ động trong quá trình tổ chức, triển khai và tiếp thị sự kiện.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được đặc điểm các loại hình sự kiện, tâm lý công chúng và các công cụ tiếp thị trong hoạt động tiếp thị sự kiện.	Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO2	Đánh giá được hiệu quả của các hình thức tài trợ, công cụ tiếp thị và chiến lược thu hút nguồn lực trong tổ chức sự kiện.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO3	Vận dụng được kỹ năng thiết kế, triển khai chiến dịch tiếp thị sự kiện tích hợp và lập dự toán kinh phí cho sự kiện.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm.
CLO4	Vận dụng được tinh thần trách nhiệm, khả năng làm việc nhóm và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động tiếp thị sự kiện.	- Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2				X				
CLO3					X			
CLO4						X		

Phương pháp giảng dạy - học

- Thuyết giảng
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		X
Giải quyết vấn đề	X	X	X	X

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Tự học có hướng dẫn	X		X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		x	x	x

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức, kỹ năng, thái độ	Theo lịch thu bài tiểu luận của Giảng viên/Nhà trường	Tiểu luận (11.3.c)	Sinh viên xây dựng kế hoạch hoặc phân tích chiến dịch tiếp thị sự kiện gắn với thực tiễn. CLO1: khả năng phân tích công chúng, loại hình sự kiện và công cụ tiếp thị. CLO2: khả năng đánh giá hiệu quả tài trợ và chiến lược tiếp thị sự kiện. CLO3: khả năng vận dụng kỹ năng xây dựng chiến dịch tiếp	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						thị sự kiện và lập dự toán kinh phí.	
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1 – 6	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình (11.3.b).	Sinh viên phân tích case hoặc xây dựng kế hoạch tiếp thị sự kiện theo nhóm. CLO2: khả năng đánh giá hiệu quả công cụ tiếp thị và tài trợ. CLO3. kỹ năng thiết kế chiến dịch tiếp thị sự kiện và E-marketing.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 – 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần (11.3.a).	Đánh giá tinh thần trách nhiệm, khả năng hợp tác nhóm và thái độ tham gia hoạt động học tập.	Lấy dữ liệu đo CLO4

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
	hoạt động học tập.	bài rất hạn chế.	nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	bài và đóng góp tương đối tích cực.	luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên/thuyết trình – phản biện nhóm: trọng số 30%.
Theo thang điểm 10, dựa trên rubric đánh giá được thiết kế sẵn.

8.56. Thực tập tốt nghiệp Quan hệ công chúng (Graduation internship), 5 tín chỉ

Tóm tắt học phần Học phần là giai đoạn chuyển tiếp quan trọng giúp sinh viên áp dụng toàn bộ kiến thức lý thuyết và kỹ năng chuyên môn vào môi trường làm việc thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. Trong quá trình thực tập, sinh viên trực tiếp tham gia vào các quy trình nghiệp vụ của ngành Quan hệ công chúng, từ lập kế hoạch truyền thông, tổ chức sự kiện đến quản trị quan hệ báo chí và đối tác. Bên cạnh việc rèn luyện kỹ năng tác nghiệp, học phần còn giúp sinh viên nắm vững luật lao động, văn hóa công sở, kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp và khả năng xử lý tình huống thực tế dưới sự hướng dẫn của giảng viên và sự giám sát của doanh nghiệp.

Mục tiêu học phần:

Học phần giúp người học vận dụng hệ thống lý thuyết chuyên ngành vào việc phân tích quy trình vận hành, cơ cấu tổ chức, hoạt động truyền thông và các tình huống phát sinh tại doanh nghiệp/tổ chức thực tập. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ PR như viết bài, quản trị nội dung, tổ chức sự kiện, xử lý thông tin, giao tiếp, làm việc nhóm và xây dựng mối quan hệ nghề nghiệp trong môi trường thực tế; đồng thời hình thành đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và tác phong chuyên nghiệp trong quá trình thực tập tốt nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần.

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được quy trình xử lý công việc, hệ thống truyền thông và môi trường văn hóa tại doanh nghiệp trong lĩnh vực Quan hệ công chúng.	Báo cáo thực tập
CLO2	Đánh giá được các tình huống, sự cố phát sinh và giải pháp xử lý trong quá trình tác nghiệp tại đơn vị thực tập.	Báo cáo thực tập

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO3	Triển khai được các kế hoạch truyền thông, tổ chức sự kiện và các nghiệp vụ PR trong môi trường doanh nghiệp thực tế.	Phiếu nhận xét, đánh giá của cơ sở
CLO4	Điều phối được công việc nhóm, giao tiếp nghề nghiệp và phối hợp với các bên liên quan trong quá trình thực tập.	Phiếu nhận xét, đánh giá của cơ sở
CLO5	Thể hiện được đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, trách nhiệm cá nhân và khả năng thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp.	Nhật ký thực tập của sinh viên

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X	X						
CLO2			X					
CLO3				X				
CLO4					X	X		
CLO5							X	X

Phương pháp giảng dạy - học:

- Hướng dẫn và quan sát thực tế
- Học tập theo dự án/nhiệm vụ
- Viết báo cáo, nhật ký thực tập

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy - học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Hướng dẫn và quan sát thực tế	X	X	X	X	X
Học tập theo dự án/nhiệm vụ		X	X	X	X
Viết báo cáo, nhật ký thực tập	X	X			X

Ma trận tương thích CLOs với phương pháp kiểm tra, đánh giá

CLOs/PP	Đánh giá của doanh nghiệp về thái độ	Đánh giá của DN về kiến thức, kỹ năng	Nhật ký/minh chứng thực tập	Báo cáo thực tập
CLO1		X	X	X
CLO2		X	X	X
CLO3		X	X	
CLO4		X	X	X
CLO5	X		X	

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Báo cáo cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức	Suốt kỳ	Báo cáo thực tập	CLO1: Mức độ hiểu. CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO3; CLO4	40%	Kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ	Suốt kỳ	Nhận xét, đánh giá của cơ sở	CLO3: Kỹ năng nghiệp vụ. CLO4: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 3,4
	CLO5	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Nhật ký thực tập của sinh viên	Chăm chỉ, năng nổ, giao tiếp ứng xử	Lấy dữ liệu đo CLO5

8.57. Khóa luận tốt nghiệp Quan hệ công chúng (Graduation thesis), 12 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần dành cho sinh viên đã hoàn thành các môn học chuyên ngành bắt buộc, nhằm tổng kết và nâng cao năng lực chuyên môn thông qua việc thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học hoặc một dự án truyền thông độc

lập. Sinh viên vận dụng hệ thống lý luận, các mô hình truyền thông và phương pháp nghiên cứu xã hội học để giải quyết một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực Quan hệ công chúng. Quá trình thực hiện khóa luận diễn ra dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên chuyên môn và phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về hình thức, thời gian và đạo đức nghiên cứu. Kết quả cuối cùng là một công trình khoa học được bảo vệ trước Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp.

Mục tiêu học phần

Học phần giúp người học hệ thống hóa và nâng cao kiến thức nền tảng, chuyên sâu về ngành Quan hệ công chúng, phương pháp luận nghiên cứu khoa học và quy trình giải quyết vấn đề thực tiễn hoặc định hướng giải pháp chiến lược truyền thông cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, học phần phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập, thu thập và xử lý dữ liệu thực tế, phân tích, phản biện, xây dựng giải pháp hoặc chiến dịch Quan hệ công chúng toàn diện, viết báo cáo khoa học, thuyết trình và bảo vệ quan điểm chuyên môn trước hội đồng đánh giá; đồng thời hình thành tính thần chủ động, tự chịu trách nhiệm, trung thực học thuật, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp truyền thông, bảo mật thông tin tổ chức và tác phong làm việc chuyên nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được thực trạng hoạt động truyền thông và các vấn đề lý luận chuyên sâu liên quan đến đề tài nghiên cứu tại cơ quan, tổ chức.	- Đánh giá qua bài thiết kế hình thành đề cương - Đánh giá qua bảng chuyên cần, tương tác với GV
CLO2	Đánh giá được các nguồn dữ liệu khảo sát thực tế để đề xuất giải pháp chiến lược truyền thông toàn diện cho doanh nghiệp.	- Đánh giá qua bài thiết kế hình thành đề cương - Đánh giá quá trình kết quả thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu - Đánh giá qua bảng chuyên cần, tương tác với GV
CLO3	Xây dựng được báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh đảm bảo các quy chuẩn xử lý số liệu khảo sát thực tế.	- Đánh giá quá trình kết quả thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu - Đánh giá quá trình viết báo cáo - Đánh giá qua bảng chuyên cần, tương tác với GV
CLO4	Bảo vệ được các phát hiện nghiên cứu, kỹ năng giải quyết vấn đề và giải pháp chuyên	- Đánh giá quá trình trình bày và bảo vệ trước hội đồng.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
	môn truyền thông trước Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp.	- Đánh giá qua bảng chuyên cần, tương tác với GV
CLO5	Giám sát được tính trung thực học thuật và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp cốt lõi của ngành Quan hệ công chúng.	- Đánh giá quá trình trình bày và bảo vệ trước hội đồng. - Đánh giá qua bảng chuyên cần, tương tác với GV

Ma trận tương thích giữa CLOs và PLOs

CLO/ PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X	X						
CLO2			X					
CLO3				X				
CLO4					X	X		
CLO5							X	X

PP dạy – học. Thuyết trình, Dự án, Hỏi lại hoặc vấn đáp, Đọc và tóm lược nội dung tài liệu, Thảo luận, Tìm hiểu, đặt câu hỏi, Tự học, tự nghiên cứu, Viết báo cáo

Ma trận tương thích CLOs và PP dạy và học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	X	X	X	X	X
Dự án	X	X	X	X	X
Hỏi lại hoặc vấn đáp	X	X	X	X	X
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X	X	X	X	X
Thảo luận	X	X	X	X	X
Tìm hiểu, đặt câu hỏi	X	X	X		X
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X		X
Viết báo cáo	X	X	X		X

PP kiểm tra đánh giá: Chuyên cần, thiết kế đề cương, thu thập số liệu, viết hoàn thành, khóa luận

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs\Phương pháp	Đánh giá chuyên cần	Thiết kế hình thành đề cương	Thu thập số liệu, viết hoàn thành	Báo cáo khóa luận
CLO1	X	X		
CLO2	X	X		
CLO3	X		X	
CLO4	X		X	X
CLO5	X			X

Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Đánh giá quyền báo cáo Khóa luận tốt nghiệp	CLO1; CLO2; CLO3; CLO5	60%	Kiến thức, kỹ năng và tự chủ trách nhiệm	Tuần cuối cùng	Rubric đánh giá quyền khóa luận	Đánh giá chất lượng quyền báo cáo khóa luận thông qua khả năng phân tích vấn đề nghiên cứu, xử lý dữ liệu, xây dựng giải pháp truyền thông, chuẩn mực học thuật, hình thức trình bày và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2; CLO3; CLO5
Bảo vệ trực tiếp trước Hội đồng	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4	40%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần cuối học kỳ	Rubric bảo vệ khóa luận; Phiếu chấm	Đánh giá khả năng trình bày, lập luận, phản biện, giải trình kết quả nghiên cứu và bảo vệ quan điểm	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2; CLO3; CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					Hội đồng	chuyên môn trước Hội đồng.	

8.58. Nghiên cứu thị trường (Market research), 3 tín chỉ

Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quy trình, phương pháp và công cụ thực hiện nghiên cứu thị trường trong các lĩnh vực marketing, truyền thông – quan hệ công chúng, văn hóa tổ chức, hành vi khách hàng, giới trẻ, người lao động và mức độ hài lòng của khách hàng. Học phần giúp người học nhận diện vấn đề nghiên cứu, xác định mục tiêu nghiên cứu, thiết kế đề xuất nghiên cứu, lựa chọn phương pháp chọn mẫu, xây dựng công cụ thu thập dữ liệu, thu thập và xử lý thông tin, chọn lọc dữ liệu phù hợp và giải thích ý nghĩa kết quả nghiên cứu. Bên cạnh đó, học phần chú trọng rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, viết báo cáo nghiên cứu thị trường và hình thành nhận thức về đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động nghiên cứu.

Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, lĩnh vực ứng dụng, quy trình nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu, phương pháp thu thập dữ liệu và các yêu cầu đạo đức trong nghiên cứu thị trường. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện khả năng vận dụng quy trình nghiên cứu thị trường để xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng đề xuất nghiên cứu, thiết kế công cụ thu thập dữ liệu, lựa chọn phương pháp thu thập thông tin, xử lý dữ liệu và viết báo cáo kết quả nghiên cứu ở mức cơ bản; đồng thời hình thành thái độ nghiêm túc, trung thực, trách nhiệm trong thu thập, xử lý, sử dụng dữ liệu, tinh thần hợp tác, chủ động học tập và ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu thị trường.

Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được quy trình và phương pháp nghiên cứu thị trường trong bối cảnh marketing, truyền thông – PR và tổ chức.	Thể hiện qua bài tiểu luận.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO2	Đánh giá được chất lượng khoa học và giá trị ứng dụng của dữ liệu, phương pháp xử lý và báo cáo kết quả nghiên cứu thị trường.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO3	Thiết kế được đề cương nghiên cứu thị trường trong tình huống marketing, PR hoặc tổ chức giả định.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm.
CLO4	Thể hiện được tinh thần tự học, hợp tác và trách nhiệm đạo đức trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu thị trường	- Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2		X						
CLO3			X					
CLO4						X		

Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phát vấn	X	X		
Giải quyết vấn đề	X	X	X	
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

Ma trận tương thích CLOs với PP kiểm tra đánh giá

CLOs / PP	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	X
CLO4	X		X

Kế hoạch đo CLO:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 9	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric đánh giá tiểu luận (11.3.c)	Đánh giá mức độ phân tích quy trình, thiết kế và phương pháp nghiên cứu thị trường; đánh giá, chất lượng dữ liệu và báo cáo; thiết kế đề cương nghiên cứu thị trường gồm phương pháp, mẫu, công cụ thu thập và kế hoạch xử lý dữ liệu.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1–8	Bài tập tình huống; thảo luận; thuyết trình – phản	Đánh giá quá trình phân tích tình huống nghiên cứu, lựa chọn phương pháp định tính/định lượng, xây dựng công cụ	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					biện nhóm (11.3.b)	thu thập dữ liệu, chọn mẫu, đề xuất hướng xử lý dữ liệu và trình bày/phản biện đề cương.	
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm học tập	Suốt học kỳ (Tuần 1-9)	Bảng kiểm soát chuyên cần; quan sát học tập (11.3.a)	Đánh giá tinh thần tự học, hợp tác, tuân thủ đạo đức nghiên cứu và hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ trong quá trình chuẩn bị đề cương/tiểu luận nghiên cứu thị trường.	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:

+ Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
			thường xuyên.		vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên (thuyết trình – phân biện nhóm): trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn chấm điểm được thiết kế sẵn.

8.59. Trình bày sản phẩm truyền thông (Presentation of communication products), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các loại hình sản phẩm truyền thông hiện nay, nguyên tắc trình bày, thiết kế và sản xuất sản phẩm truyền thông phục vụ hoạt động quảng bá thương hiệu, sản phẩm hoặc dịch vụ. Học phần tập trung vào việc nhận diện đặc điểm, vai trò, cấu trúc và yêu cầu thẩm mỹ của các sản phẩm truyền thông; đồng thời hướng dẫn người học thực hành thiết kế các ấn phẩm truyền thông, bộ nhận diện thương hiệu và sản phẩm quảng cáo truyền thông cơ bản. Thông qua quá trình học tập và thực hành đồ án, người học có khả năng vận dụng kiến thức về bố cục, màu sắc, hình ảnh, chữ, thông điệp và công cụ thiết kế để xây dựng sản phẩm truyền thông phù hợp với mục tiêu, đối tượng công chúng và bối cảnh truyền thông cụ thể. Hình thức đánh giá cuối kỳ của học phần là tiểu luận/đồ án sản phẩm truyền thông.

Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về sản phẩm truyền thông, bao gồm đặc điểm, vai trò, phân loại, nguyên tắc trình bày, yêu cầu thẩm mỹ và quy trình thiết kế sản phẩm truyền thông phục vụ thương hiệu, sản phẩm hoặc dịch vụ. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức về bố cục, màu sắc, hình ảnh, chữ, thông điệp và công cụ thiết kế để xây dựng các sản phẩm truyền thông cơ bản, đặc biệt là bộ nhận diện thương hiệu và sản phẩm quảng cáo truyền thông trong tình huống học tập hoặc tổ chức giả định. Học phần đồng thời hình thành tính thần chủ động, sáng tạo, hợp tác, trách nhiệm trong thực hành thiết kế sản phẩm truyền thông; ý thức tuân thủ yêu cầu thẩm mỹ, đạo đức truyền thông, bản quyền hình ảnh, thông tin và tính phù hợp với công chúng mục tiêu.

Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được nguyên tắc và quy trình thiết kế sản phẩm truyền thông trong bối cảnh thương hiệu, sản phẩm hoặc dịch vụ.	Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO2	Đánh giá được chất lượng và hiệu quả trình bày của sản phẩm truyền thông theo mục tiêu, thông điệp, công chúng và bối cảnh truyền thông	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO3	Hình thành được bộ sản phẩm truyền thông cho thương hiệu, sản phẩm hoặc dịch vụ trong tình huống giả định.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm.
CLO4	Thể hiện được tinh thần tự học, sáng tạo, hợp tác, trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức đạo đức, bản quyền trong thực hiện sản phẩm truyền thông.	- Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2					X			
CLO3						X		
CLO4							X	

Phương pháp giảng dạy - học

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Phát vấn	X	X		
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phân biện nhóm		X	X	X

PP kiểm tra đánh giá. Tiểu luận, dự lớp, kiểm tra.

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá:

CLOs / Phương pháp đánh giá	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLO:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Tiểu luận/đồ án cuối kỳ)	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức	Tuần 9	Tiểu luận/đồ án sản phẩm truyền thông – Rubric đánh giá tiểu luận/đồ án (11.3.c)	Đánh giá mức độ phân tích nguyên tắc, thành phần và quy trình thiết kế thông tin, thiết kế truyền thông; đánh giá chất lượng và hiệu quả trình bày sản phẩm theo mục tiêu, thông điệp, công chúng và bối cảnh; thiết kế bộ sản phẩm truyền thông, nhận diện thương hiệu, sản	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						phẩm quảng bá in ấn hoặc kỹ thuật số.	
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1–8	Bài tập tình huống; thảo luận; thuyết trình – phản biện nhóm; bài tập thực hành thiết kế (11.3.b)	Đánh giá khả năng nhận xét chất lượng, hiệu quả trình bày sản phẩm truyền thông; phát triển ý tưởng, trình bày, phản biện, điều chỉnh thiết kế và hoàn thiện sản phẩm theo yêu cầu học tập.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm học tập	Suốt học kỳ (Tuần 1–9)	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát lớp; theo dõi tiến độ sản phẩm/nhật ký nhóm (11.3.a)	Theo dõi tinh thần tự học, sáng tạo, hợp tác, trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức đạo đức, bản quyền trong quá trình thực hiện sản phẩm truyền thông.	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:

+ Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham	Vắng quá 30% số	Tham gia dưới 50%	Tham gia khoảng	Tham gia khoảng	Tham gia đầy đủ;	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
gia học tập (CLO4)	buổi; không tham gia hoạt động học tập.	số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên (thuyết trình – phản biện nhóm): trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn chấm điểm được thiết kế sẵn.

8.60. Truyền thông doanh nghiệp (Corporate communications), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm và thuật ngữ chuyên dụng trong lĩnh vực truyền thông doanh nghiệp, trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để xác định, phân biệt, phân tích các thành tố quan trọng (cả bên trong và bên ngoài) tác động đến hình ảnh và thương hiệu của một doanh nghiệp hoặc tổ chức. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng lập chiến lược, vận hành và quản trị các kế hoạch truyền thông một cách hiệu quả, sử dụng linh hoạt các công cụ truyền thông tiên tiến, hiện đại giúp tiếp cận đối tượng công chúng mục tiêu một cách hiệu quả, lựa chọn phương thức phù hợp để tương tác, thiết lập và duy trì tốt các mối quan hệ với các cấp chính quyền, giới truyền thông, báo chí, các nhóm công chúng và các bên hữu quan khác. Dựa trên những kiến thức đó, sinh viên còn được hướng dẫn phương pháp và thực hành nghiên cứu, phân tích, đánh giá các chiến lược truyền thông cụ thể của các doanh nghiệp và tổ chức tại thị trường Việt Nam và trên thế giới, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân và nghề nghiệp trong tương lai. Phương pháp đánh giá cuối kỳ của học phần là hình thức tiểu luận.

Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức nền tảng và chuyên sâu về truyền thông doanh nghiệp, bao gồm khái niệm, thuật ngữ, vai trò, chức năng và các thành tố bên trong, bên ngoài tác động đến hình ảnh, thương hiệu và hoạt động truyền thông của doanh nghiệp hoặc tổ chức. Trên cơ sở đó, học phần phát triển khả năng phân tích, xây dựng, vận hành và quản trị kế hoạch truyền thông doanh nghiệp; lựa chọn và sử dụng phù hợp các công cụ truyền thông để tiếp cận công chúng mục tiêu, duy trì quan hệ với giới truyền thông, chính quyền, khách hàng, đối tác và các bên hữu quan. Học phần đồng thời hình thành tư duy chiến lược, tinh thần chủ động, hợp tác, trách nhiệm nghề

nghiệp và ý thức đạo đức trong nghiên cứu, phân tích, đánh giá các chiến lược truyền thông doanh nghiệp trong thực tiễn Việt Nam và quốc tế.

Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được vai trò, chức năng và quy trình truyền thông doanh nghiệp trong hoạt động xây dựng thương hiệu và quản trị quan hệ với công chúng.	Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO2	Đánh giá các tình huống truyền thông và nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng truyền thông của doanh nghiệp hiệu quả.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO3	Xây dựng được các tình huống khủng hoảng truyền thông doanh nghiệp theo yêu cầu thực tiễn và nguyên tắc nghề nghiệp.	Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm.
CLO4	Thể hiện được làm việc nhóm trong hoạt động truyền thông tổ chức, doanh nghiệp hiệu quả nhất.	Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2				X				
CLO3						X		
CLO4							X	X

Phương pháp giảng dạy – học

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề

Tự học có hướng dẫn

Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phân biện nhóm			X	X

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá:

CLOs / Phương pháp đánh giá	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLO:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2;	60%	Kiến thức	Theo lịch thi học kỳ	Bài tiểu luận (11.3.c)	CLO1: Mức độ hiểu. CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3-7	Bài tập nhóm, báo cáo case study, thuyết trình (11.3.b).	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Kỹ năng phối hợp và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO 2- CLO 3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Quá trình (chuyên cần/thái độ)	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần (11.3.a).	Chăm chỉ, năng nổ, tích cực, trách nhiệm, hợp tác	Lấy dữ liệu đo CLO4

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:

+ Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi, không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi, chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên (thuyết trình – phản biện nhóm): trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn chấm điểm được thiết kế sẵn.

8.61. Quản trị quan hệ khách hàng (Customer relationship management), 3 tín chỉ

Tóm tắt học phần. Học phần gồm 07 chương, trang bị cho người học các kiến thức nền tảng và kỹ năng thực hành về Customer Relationship Management (CRM – Quản trị quan hệ khách hàng) trong bối cảnh kinh doanh hiện đại. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu bản chất của quan hệ khách hàng, vai trò của khách hàng trong hoạt

động kinh doanh, các nguyên lý và quy trình quản trị quan hệ khách hàng, cũng như việc ứng dụng công nghệ và dữ liệu trong quản trị khách hàng tại doanh nghiệp.

Bên cạnh phần lý thuyết, học phần chú trọng phát triển năng lực phân tích và vận dụng thông qua các tình huống thực tiễn, hoạt động nhóm và dự án ứng dụng. Người học được tiếp cận các nội dung về xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng, phân loại khách hàng, quản trị trải nghiệm khách hàng, chăm sóc và duy trì lòng trung thành của khách hàng, thiết kế chiến lược CRM và đánh giá hiệu quả hoạt động CRM trong doanh nghiệp.

Mục tiêu của học phần.

Học phần nhằm giúp người học hình thành nền tảng kiến thức và năng lực ứng dụng về Quản trị quan hệ khách hàng trong bối cảnh quan hệ công chúng, truyền thông tổ chức và hoạt động doanh nghiệp. Thông qua học phần, người học có khả năng phân tích vai trò, quy trình và các hoạt động quản trị quan hệ khách hàng; đánh giá phương pháp quản trị dữ liệu khách hàng, hành vi, trải nghiệm và hoạt động chăm sóc khách hàng/công chúng; vận dụng kiến thức Quản trị quan hệ khách hàng để thiết kế kế hoạch quản trị quan hệ khách hàng phù hợp với mục tiêu truyền thông, công chúng mục tiêu, nguồn lực và bối cảnh hoạt động của tổ chức. Học phần đồng thời góp phần hình thành tinh thần tự học, trung thực học thuật, hợp tác nhóm, trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức bảo mật dữ liệu khách hàng, tôn trọng quyền riêng tư và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong quản trị quan hệ khách hàng/công chúng.

Chuẩn đầu ra học phần.

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
CLO1	Phân tích được vai trò, quy trình và các hoạt động của Quản trị quan hệ khách hàng trong bối cảnh doanh nghiệp.	Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO2	Đánh giá được các phương pháp quản trị dữ liệu khách hàng, phân tích hành vi khách hàng và hoạt động chăm sóc khách hàng trong doanh nghiệp.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm. - Thể hiện qua bài tiểu luận.
CLO3	Thiết kế được kế hoạch quản trị quan hệ khách hàng phù hợp với mục tiêu truyền thông, dữ liệu khách hàng, nguồn lực và bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp.	- Đánh giá qua bài thuyết trình nhóm.
CLO4	Thể hiện tinh thần tự học, trung thực học thuật và khả năng phối hợp nhóm trong quá	- Đánh giá qua bảng kiểm soát chuyên cần của người học.

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Tương ứng với đề thi
	trình thực hiện kế hoạch Quản trị quan hệ khách hàng.	

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2			X					
CLO3						X		
CLO4							X	

Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Giải quyết vấn đề
- Hướng dẫn tự học
- Thuyết trình – phản luận nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy – học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề	X	X	X	
Hướng dẫn tự học	X	X	X	X
Thuyết trình – phản luận nhóm		X	X	X

Ma trận tương thích giữa CLOs và PP kiểm tra, đánh giá:

CLOs / Phương pháp đánh giá	Chuyên cần	Thuyết trình	Tiểu luận
CLO1			X
CLO2		X	X
CLO3		X	
CLO4	X		

Kế hoạch đo CLO:

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Theo kế hoạch nhà trường	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric đánh giá tiểu luận (11.3.c)	Đánh giá khả năng làm rõ vai trò, quy trình và hoạt động CRM; đánh giá các hoạt động quản trị dữ liệu khách hàng, hành vi khách hàng và chăm sóc khách hàng trong doanh nghiệp.	Lấy dữ liệu đo từ CLO1; CLO2
Quá trình	CLO3	30%	Kỹ năng	Tuần 1–8	Bài tập tình huống, thảo luận, thuyết trình và phản biện nhóm (11.3.b)	Đánh giá khả năng thiết kế kế hoạch CRM phù hợp với mục tiêu và bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp thông qua hoạt động nhóm và thuyết trình.	Lấy dữ liệu đo từ CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ (Tuần 1–9)	Bảng kiểm quan sát học tập (11.3.a)	Đánh giá tinh thần tự học, trung thực học thuật và khả năng phối hợp nhóm của sinh viên trong quá trình thực hiện kế hoạch CRM	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

Điểm đánh giá quá trình. trọng số 40% bao gồm:

+ Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên (thuyết trình – phân biện nhóm): trọng số 30%.
Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn chấm điểm được thiết kế sẵn.

9. Kế hoạch giảng dạy:

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc/t ự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KL TN	
Học kỳ 1				12	11	0	1	0	0	
1	LAW101	Pháp luật đại cương	BB	3	3					K KTTC
2	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	BB	3	3					K KTQT
3	SKL101	Phương pháp học đại học	BB	3	3					K,KHXXH &NV
4	PUR303	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	BB	2	2					K KHXXH &NV
5	PUR302	Trải nghiệm ngành, nghề	BB	1			1			K,KHXXH &NV
Học kỳ 2				17	17	0	0	0	0	
1	POL105	Triết học Mác-Lenin	BB	3	3					K KHXXH &NV
2	SOS102	Văn hiến Việt Nam	BB	3	3					K KHXXH &NV
3	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	BB	3	3					K.CNTT
4	BUS102	Quan tri sự thay đổi	BB	3	3					K Du lịch

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc/t ự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KL TN	
5	MAR201	Marketing căn bản	BB	3	3					K KTQT
6	PUR310	Nhập môn Truyền thông đại chúng	BB	2	2					K KHXH &NV
7		Giáo dục thể chất I	BB	1		1				TT ĐTTT S
8		Giáo dục Quốc phòng và An ninh	BB	8		8				TT.ĐTTT S
Học kỳ 3				18	18	0	0	0	0	
1	POL106	Kinh tế chính trị Mac-Lenin	BB	2	2					K KHXH &NV
2	NAS101	Môi trường và con người	BB	3	3					K KHXH &NV
3	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp I	BB	3	3					K NN
4	VIE201	Kỹ năng sử dụng Tiếng Việt	BB	3	3					K KHXH &NV
5	PUR306	Đạo đức nghề nghiệp PR	BB	2	2					K KHXH &NV
6	PUR421	Pháp luật về truyền thông	BB	2	2					K KHXH &NV
7		Giáo dục thể chất 2	BB	1		1				TT ĐTTT S
Chọn 1 trong 3 học phần				3	3					
1	PSY201	Tâm lý học đại cương	TC	3	3					K.KHXH &NV
2	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	TC	3	3					K KHXH &NV
3	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	TC	3	3					K.KHXH &NV
Học kỳ 4				19	19	0	0	0	0	
1	POL107	Chu nghĩa xã hội khoa học	BB	2	2					K.KHXH &NV
2	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	BB	3	3					K NN
3	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	BB	3	3					K KHXH &NV
4	PUR307	Điều tra xã hội học	BB	2	2					K KHXH &NV
5	MAR403	Quảng cáo	BB	2	2					K KHXH &NV

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc/t ự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KL TN	
6	PUR406	PR nội bộ và PR cộng đồng	BB	3	3					K KHXH &NV
7	PUR425	Viết và biên tập tin	BB	2	2					K KHXH &NV
8	PUR437	Nghệp vụ ngoại giao	BB	2	2					K KHXH &NV
9		Giáo dục thể chất 3	BB	1		1				Tung tâm ĐT TTS
Học kỳ 5				19	18	1	0	0	0	
1	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	BB	2	2					K KHXH &NV
2	PUR422	Xây dựng và quản trị thương hiệu	BB	2	2					K.KHXH &NV
3	PUR434	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	BB	2	2					K KHXH &NV
4	PUR447	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	BB	3	3					K.KHXH &NV
5	PUR429	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	BB	2	2					K KHXH &NV
6	MMC406	Nghệ thuật nhiếp ảnh	BB	3	2	1				K KHXH &NV
7	MMC418	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	BB	3	3					K KHXH &NV
8	MMC411	Sản xuất chương trình phát thanh	BB	2	2					K KHXH &NV
Học kỳ 6				17	17	0	0	0	0	
1	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2					K KHXH &NV
2	MMC307	Truyền thông số	BB	3	3					K.KHXH &NV
3	MMC401	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	BB	3	3					K KHXH &NV
4	MMC407	Kỹ thuật Audio Video	BB	3	3					K.KHXH &NV
5	MMC412	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	BB	2	2					K.KHXH &NV

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc/t ự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KL TN	
6	LIT435	Nghệp vụ biên tập và xuất bản	BB	3	3					K KHXH &NV
7	PUR311	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	BB	1	1					K KHXH &NV
Học kỳ 7				17	14	0	3	0	0	
1	PUR427	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	BB	3	3					K.KHXH &NV
2	PUR491	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	BB	3			3			K KHXH &NV
Chuyên ngành 1: Truyền thông và sáng tạo nội dung				11	11					
1	PUR423	Báo in và báo trực tuyến	BB	2	2					K KHXH &NV
2	PUR433	Các thể loại báo chí	BB	2	2					K KHXH &NV
3	PUR444	Phóng vấn và trả lời phóng vấn	BB	2	2					K KHXH &NV
4	PUR415	Viết bài PR và thông cáo báo chí	BB	3	3					K KHXH &NV
5	PUR449	Phân tích nội dung truyền thông	BB	2	2					K KHXH &NV
Chuyên ngành 2: Tổ chức sự kiện				11	11					
1	TRA312	Quản trị sự kiện	BB	3	3					K KHXH &NV
2	PUR430	Thể hiện ý tưởng	BB	2	2					K KHXH &NV
3	PUR432	Phát ngôn viên tổ chức	BB	2	2					K KHXH &NV
4	PUR436	Kỹ năng xin tài trợ	BB	2	2					K KHXH &NV
5	PUR443	Tiếp thị sự kiện	BB	2	2					K KHXH &NV
Học kỳ 8				17	0	0	5	0	12	
1	PUR520	TTTN Quan hệ công chúng	BB	5			5		12	K KHXH &NV
2	PUR521	KLTN Quan hệ công chúng	BB	12						K KHXH &NV

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Tinh chất (bắt buộc/t ự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý HP
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KL TN	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp				12	12					
1	PUR439	Nghiên cứu thị trường	TC	3	3					K.KHXXH &NV
2	PUR490	Trình bày sản phẩm truyền thông	TC	3	3					K.KHXXH &NV
3	PUR441	Truyền thông doanh nghiệp	TC	3	3					K.KHXXH &NV
4	MAN413	Quan trị quan hệ khách hàng	TC	3	3					K.KTQT

10. Ma trận kỹ năng

10.1. Ma trận liên kết giữa mục tiêu của chương trình đào tạo với mục tiêu của Luật Giáo dục đại học, sức mạng, tầm nhìn của Nhà trường:

Mục tiêu của CTĐT	Mục tiêu của Luật GDDH	Sứ mạng Trường	Tầm nhìn trường
PEO1: Đảm nhận được vị trí chuyên viên hoặc tương đương trong lĩnh vực quan hệ công chúng, truyền thông, nội dung số, quan hệ báo chí, truyền thông nội bộ, truyền thông thương hiệu hoặc tổ chức sự kiện; từng bước phát triển năng lực chuyên môn để tham gia điều phối hoạt động PR và truyền thông của tổ chức.	X	X	X
PEO2: Tham gia hoạch định, triển khai, điều phối và đánh giá kế hoạch truyền thông, chiến dịch quan hệ công chúng, chương trình truyền thông thương hiệu, truyền thông nội bộ, quan hệ báo chí hoặc sự kiện phù hợp với mục tiêu tổ chức, công chúng mục tiêu, nguồn lực và bối cảnh thực tiễn.	X	X	X
PEO3: Ứng dụng được công cụ số, nền tảng truyền thông, dữ liệu truyền thông, công cụ sáng tạo nội dung và trí tuệ nhân tạo ở mức phù hợp để hỗ trợ phân tích công chúng, sản xuất nội dung,	X	X	X

Mục tiêu của CTĐT	Mục tiêu của Luật GDDH	Sứ mạng Trường	Tầm nhìn trường
quản trị kênh truyền thông, theo dõi phản hồi và cải tiến hiệu quả hoạt động quan hệ công chúng.			
PEO4: Giao tiếp, hợp tác và phối hợp công việc với đồng nghiệp, báo chí, khách hàng, đối tác, cộng đồng và các bên liên quan trong môi trường nghề nghiệp và đa văn hóa; tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động quan hệ công chúng; chủ động học tập, cập nhật ngoại ngữ, công nghệ và tri thức chuyên môn để phát triển nghề nghiệp.	X	X	X

Ghi chú: Đánh dấu X vào các mục tiêu của chương trình đào tạo đáp ứng với mục tiêu của Luật Giáo dục đại học, sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường

10.2. Ma trận liên kết giữa nội dung CTĐT và chuẩn đầu ra CTĐT:

ST T	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO							
			Kiến thức				Kỹ năng		Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
1.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật										
1	POL105	Triết học Mác - Lênin	1							I
2	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1							I
3	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	I							I
4	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	I							I
5	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	I							I
6	LAW101	Pháp luật đại cương	I							I
1.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ										
7	INT201	Đại cương về công nghệ thông tin và truyền thông							1	I

ST T	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO							
			Kiến thức				Kỹ năng		Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
8	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1						I		
9	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2						R		
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường										
10	NAS101	Môi trường và con người	I							I
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương										
11	BUS101	Tinh thần khởi ngiệp				I				I
12	MAR201	Marketing căn bản	R		I	I				
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa										
13	SOS102	Văn hiến Việt Nam	R						I	
14	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	R	I						R
I.6. Các học phần về tổ chức cá nhân chung										
15	SKL101	Phương pháp học đại học							I	I
16	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt					I	I		
17	BUS102	Quản trị sự thay đổi				I			R	R
I.7. Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)										
18	PSY201	Tâm lý học đại cương	I	I					I	
19	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa		I					R	I
20	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng						I	I	
II.1. Kiến thức cơ sở ngành										
21	PUR302	Trải nghiệm ngành, nghề	I	I					I	I
22	PUR303	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	R	I						I

ST T	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO							
			Kiến thức				Kỹ năng		Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
23	PUR310	Nhập môn truyền thông đại chung		R	I					
24	PUR306	Đạo đức nghề nghiệp PR							I	R
25	PUR307	Điều tra xã hội học	R	R	I					
26	PUR421	Pháp luật về truyền thông	R					I		R
27	PUR311	Báo cáo chuyên đề thực tiễn		R	I				R	R
28	PUR491	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng		R			R	R	R	R
II.2. Kiến thức chuyên ngành										
29	MAR403	Quang cáo			R	R	R	I		
30	PUR406	PR nội bộ và PR cộng đồng		R		R		R	R	R
31	PUR422	Xây dựng và quản trị thương hiệu			R	R	R			
32	PUR425	Viết và biên tập tin					R	R		R
33	PUR429	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông			M	R		R	R	M
34	PUR434	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán						R	M	R
35	PUR437	Nghiệp vụ ngoại giao	R					R	R	
36	MMC411	Sản xuất chương trình phát thanh					R	R		
37	MMC412	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình					R	R		
38	PUR447	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR			M	M		M		R

ST T	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO							
			Kiến thức				Kỹ năng		Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
39	PUR427	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng						M		
40	MMC406	Nghệ thuật nhiếp ảnh					R			R
41	MMC407	Kỹ thuật Audio Video					R	R		
42	MMC418	Kỹ năng tác nghiệp báo chí		R	R		R			R
43	LIT455	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản					R	R		R
44	MMC401	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội			M	R	R	M		
45	MMC307	Truyền thông số		M	R		R	M		
Chuyên ngành 1: Truyền thông và sáng tạo nội dung										
46	PUR423	Báo in và báo trực tuyến					M	R		R
47	PUR433	Các thể loại báo chí			R		M			
48	PUR444	Phòng vấn và trả lời phỏng vấn					M	R	R	R
49	PUR415	Viết bài PR và thông cáo báo chí			R		M	M		R
50	PUR449	Phân tích nội dung truyền thông		M	M			R		R
Chuyên ngành 2: Tổ chức sự kiện										
51	TRA312	Quản trị sự kiện				M		M	R	R
52	PUR430	Thế hiện ý tưởng				R	R	R	R	
53	PUR432	Phát ngôn viên tổ chức			R			R	M	R
54	PUR436	Kỹ năng xin tài trợ						R	M	R
55	PUR443	Tiếp thu sự kiện			R	M	R	M		
II.3. Kiến thức tốt nghiệp										
56	PUR520	TTTN Quan hệ công chúng	M	M	M	M	M	M	M	M

ST T	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO							
			Kiến thức				Kỹ năng		Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
57	PUR521	KLTN Quan hệ công chúng	M	M	M	M	M	M	M	M
<i>Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>										
58	PUR439	Nghiên cứu thị trường	R	M	M			R		
59	PUR490	Trình bày sản phẩm truyền thông					M	M	R	
60	PUR441	Truyền thông doanh nghiệp			M	M		M	R	M
61	MAN413	Quan trị quan hệ khách hàng	R		R			R	M	

11. Đội ngũ và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

11.1. Đội ngũ giảng viên cán bộ nhân viên: Đội ngũ giảng viên cán bộ nhân viên là 32 giảng viên, trong đó có.

- GS: không có
- PGS: Không có
- TS: 02
- ThS: 30

11.2. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Trường Đại học Văn Hiến hiện có các cơ sở sau:

Trụ sở chính: 66X Điện Biên Phủ, quận 3, TP.HCM

Cơ sở 2 tại 613 Âu Cơ, Tân Phú, TP.HCM

Cơ sở 3 tại 624 Âu Cơ, Tân Bình, TP.HCM

Cơ sở 4 tại CamPus Nguyễn Văn Linh, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 5 tại 740 Điện Biên Phủ, quận 10, TP.HCM

Cơ sở 6 tại 642 Âu Cơ, Tân Bình, TP.HCM

Cơ sở 7 tại 2A2 Quốc lộ 1A, Quận 12, TP.HCM

Cơ sở 8 tại 8-14 Nguyễn Bá Tuyển, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 9 tại 615 Âu Cơ, Tân Phú, TP.HCM

Tổng diện tích sử dụng hiện nay của Nhà trường là 66.962 m² với các cơ sở vật chất phục vụ thực hiện chương trình đào tạo ngành dự kiến mở bao gồm 04 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ; 36 phòng học từ 100 - 200 chỗ; 72 phòng học từ 50 - 100 chỗ; 81 phòng học dưới 50 chỗ; 02 phòng học đa phương tiện; 84 phòng làm việc của các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian; 03 thư viện (Trung tâm Học liệu); 09 trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập; và sân bóng đá (rộng 5.400 m²) phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao đa năng. Tất cả các cơ sở của Trường Đại học Văn Hiến đều được phủ sóng mạng không dây (wifi) với băng thông tốc độ cao để đảm bảo việc truy cập internet phục vụ người học, giảng viên, cán bộ, nhân viên mọi lúc, mọi nơi trong khuôn viên của Nhà trường.

12. Học liệu/Nguồn tài liệu học tập

12.1. Tài liệu bắt buộc:

Stt	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
1	Triết học Mác - Lênin	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Triết học Mác – Lênin</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021 và tái bản. 2. Huỳnh Văn Giàu (chủ biên). <i>Tập bài giảng Triết học Mác – Lênin</i>, Trường Đại học Văn hiến (Lưu hành nội bộ).
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021 và tái bản các năm sau. 2. Dương Đức Hưng, <i>Tập bài giảng Kinh tế chính trị Mác – Lênin</i>, Trường Đại học Văn Hiến (Lưu hành nội bộ).
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021 và tái bản các năm sau. 2. Dương Đức Hưng, <i>Tập bài giảng Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>, Trường Đại học Văn Hiến (Lưu hành nội bộ).
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021. 2. Tạ Trần Trọng, <i>Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Trường Đại học Văn Hiến (Lưu hành nội bộ).

Stt	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2021. Và bản tái bản các năm sau 2021. 2. Ngô Quang Ty, <i>Tập bài giảng Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, Trường Đại học văn Hiến (Lưu hành nội bộ). 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2021. Và bản tái bản các năm sau 2021. 2. Ngô Quang Ty, <i>Tập bài giảng Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, Trường Đại học văn Hiến (Lưu hành nội bộ).
6	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thuận An, Nguyễn Hữu Thành, Nguyễn Viết Tú, Chu Mạnh Hiến (đồng chủ biên), <i>Tập bài giảng Pháp luật đại cương</i> , Trường Đại học Văn Hiến, 2022.
7	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	S [1] C. Thatchinamoorthy (2022). Fundamentals Of Information Communication Technology: Basics of Computer, Introduction to Operating System, Computer Network, Microsoft Office and Computer Programme, LAP Lambert Academic Publishing. [2] IIG Việt Nam (2021). Giáo trình Tin học ứng dụng Word - Excel - PowerPoint (Theo chuẩn quốc tế MOS), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân. [3] Faithe Wempen, Kevin Wood (2022). Office 2021 All-in-One For Dummies, John Wiley & Sons, New Jersey. eligson, <i>American English File book 2, second edition</i>, Oxford University Press, 2018. Christina Latham – Koenig, Olive Oxenden, Paul
8	Tiếng Anh giao tiếp 1	Hughes J., Stephenson, H., & Dummett P. (2019). <i>Life Elementary Students' Book</i> , 2 nd Edition. National Geographic Learning, Cengage Learning. (Unit 1 – Unit 6)

Stt	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
9	Tiếng Anh giao tiếp 2	Hughes J., Stephenson, H., & Dummett P. (2019). <i>Life Elementary Students' Book</i> , 2 nd Edition. National Geographic Learning, Cengage Learning, (Unit 7 – Unit 12)
10	Môi trường và con người	1. Lê Văn Khoa (Chủ biên). (2021). <i>Giáo trình khoa học môi trường</i>. NXB Giáo dục Việt Nam. 2. PGS.TS. Đinh Đức Trường (Chủ biên). (2022). <i>Giáo trình môi trường và con người</i>. NEU (Đại học Kinh tế Quốc dân). 3. Trần Văn Ý (Chủ biên). (2022). <i>Môi trường và con người</i>. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
11	Tinh thần khởi nghiệp	1. Bill Aulet (2023), <i>Kinh điển về khởi nghiệp - thực hành</i>. Bản dịch. NXB Công Thương 2. Dan Senor & Saul Singer, <i>Quốc gia khởi nghiệp</i>. Bản dịch. NXB Thế Giới. 3. Michael Morris, <i>Khởi nghiệp thành công</i>. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
12	Marketing căn bản	1. Phạm Phương Mai và nhóm biên soạn, <i>Bài giảng Marketing căn bản</i>, Trường ĐH Văn Hiến, 2020. 2. Hoang Thị Phương Thảo & nhóm biên soạn, <i>Marketing căn bản</i>, Trường ĐH Mở TP. Hồ Chí Minh, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2024. 3. Đinh Tiên Minh, Quách Thị Bửu Châu & nhóm biên soạn, <i>Marketing căn bản</i>, NXB Lao động, 2020.
13	Văn hiến Việt Nam	Trần Ngọc Thêm, <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> , Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội, 2023.
14	Các vấn đề xã hội đương đại	Mai Thị Nguyệt Nga và Đỗ Văn Bình chủ biên, <i>Giáo trình Các vấn đề xã hội đương đại</i> , Trường đại học Văn Hiến.

Stt	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
15	Phương pháp học đại học	Trần Thị Lợi, Phạm Thị Hương (2022), <i>Tập bài giảng Phương pháp học đại học</i> , Trường Đại học Văn Hiến, Lưu hành nội bộ.
16	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	- Trương Thị Thuý Hằng, Tập bài giảng <i>Kỹ năng sử dụng tiếng Việt</i> (lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn Hiến. - Nghị định 30/2020 của Chính phủ ngày 5/3/2020 về công tác văn thư, http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=141142.
17	Quản trị sự thay đổi	-John P. Kotter (Bùi Thu Hà dịch), <i>Dẫn dắt sự thay đổi (Leading Change)</i> , Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới / Alpha Books, 2024.
18.	Tâm lý học đại cương	1. Lê Thị Hân – Huỳnh Văn Sơn (chủ biên), Giáo trình tâm lý học đại cương, Nxb Đại học Sư phạm TP.HCM, 2023 và tái bản các năm sau. 2. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Giáo trình tâm lý học đại cương, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2023.
19.	Giao tiếp đa văn hóa	1.Chu Văn Đức, <i>Kỹ năng giao tiếp</i>, NXB Hà Nội, 2005. 2.Trần Ngọc ThêmTìm về bản sắc văn hóa Việt Nam, NXB TP Hồ Chí Minh, 2006.
20	Kỹ năng hành chính văn phòng	-Trần Huy Cường, Nguyễn Minh Xuân Hương, Huỳnh Thị Ngọc Quý, <i>Bài giảng Kỹ năng hành chính văn phòng</i>, Khoa Kinh tế - Quản trị -Trường đại học Văn Hiến, 2022. -Nghị định số: 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư, ngày 05 tháng 02 năm 2020.
21	Trải nghiệm ngành, nghề	- Tài liệu bài giảng PowerPoint của giảng viên biên soạn
22	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	Nguyễn Đình Toàn, Giáo trình quan hệ công chúng. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2024.

Stt	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
23	Nhập môn truyền thông đại chúng	Đỗ Thị Thu Hằng (chủ biên), <i>Giáo trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng</i> , NXB Thông tin và Truyền thông, 2022.
24	Đạo đức nghề nghiệp PR	TS. Đinh Thúy Hằng (2007), <i>PR- kiến thức cơ bản và đạo đức nghề nghiệp</i> , NXB Lao động- Xã hội, Hà Nội.
25	Điều tra xã hội học	- Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, Phương Pháp nghiên cứu Xã hội học, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
26	Pháp luật về truyền thông	Luật báo chí 2016, Luật xuất bản 2012, Luật sở hữu trí tuệ 2005, Luật an ninh mạng 2018.
27	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	Đinh Thị Thúy Hằng (2020), <i>Pr Lý luận và ứng dụng</i> , NXB Lao động – Xã hội
28	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	- Nguyễn Văn Hà, <i>Cơ sở lý luận báo chí</i> , NXB ĐHQG TP.HCM, 2012. - Nguyễn Thị Trường Giang, <i>Đạo đức nghề nghiệp của nhà báo</i> , NXB Chính trị - Hành chính quốc gia, 2011.
29	Quảng cáo	- Luc Dupont, Minh Trúc dịch, <i>1001 ý tưởng đột phá trong quảng cáo 1001 advertising tips ideas and strategies from the world's greatest campaigns</i> , NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019.
30	PR nội bộ và PR cộng đồng	Nguyễn Đình Toàn, <i>Giáo trình Quan hệ công chúng</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2024
31	Xây dựng và quản trị thương hiệu	-Slide bài giảng của giảng viên -TS Ngô Thị Thu và cộng sự (2022) <i>Giáo trình Quản trị thương hiệu</i> , NXB Tài chính
32	Viết và biên tập tin	Phạm Thị Hương, <i>Tập bài giảng Viết và biên tập tin</i> , Tài liệu lưu hành nội bộ.
33	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	-Bài giảng của giảng viên phụ trách học phần -Tài liệu bài giảng PowerPoint của giảng viên biên soạn
34	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	Ban biên dịch G.B S, Nguyễn Văn Quý hiệu đính, <i>Kỹ năng thương lượng</i> , NXB Tổng hợp, 2018.
35	Nghị vụ ngoại giao	- Hà Thị Ngọc Oanh, <i>Kinh tế đối ngoại những nguyên lý và vận dụng tại Việt Nam: giáo trình dùng cho sinh</i>

Stt	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
		viên khối các trường kinh tế; ngoại giao và nhà quản lý, -H · Lao động xã hội.
36	Sản xuất chương trình phát thanh	- Dương Xuân Sơn (2014), Các loại hình báo chí truyền thông, Nxb. Thông tin và truyền thông.
37	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	Trần Bảo Khánh (2003), Sản xuất chương trình truyền hình, NXB Văn hóa thông tin
38	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	Phan Thị Bích Nguyệt, Lê Đạt Chí, <i>Phân tích kỹ thuật hoạch định chiến lược giao dịch</i> , Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh: Kinh tế
39	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	- Evans, V., Dooley, J., & Bloom, M. (2016), <i>Career Paths· Public Relations</i> . Express Publishing. - Wilcox, D. L., Cameron, G. T., & Reber, B. H. (2015). <i>Public Relations· Strategies and Tactics</i> (11th ed). Pearson.
40	Nghệ thuật nhiếp ảnh	- Bùi Minh Sơn (2018), <i>Đường vào nghệ thuật nhiếp ảnh</i> , Nhà xuất bản Hồng Đức.
41	Kỹ thuật Audio Video	-Trần Văn Cang (2018), <i>Nghệ thuật quay phim video</i> , NXB Trẻ, Tp. HCM
42	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	- Ngô, P. L. (2023), <i>Phác thảo điện ảnh Việt Nam thời đổi mới và hội nhập</i> , NXB Hội Nhà Văn - Richard Platt (2022), <i>Điện ảnh Khám phá lịch sử kỳ thú của ngành điện ảnh và những bí mật phía sau trường quay để biết việc sản xuất phim là như thế nào</i> , Nxb Kim Đồng - Lữ Đắc Long (2016), <i>Hậu trường phim ảnh: Hé lộ những chuyện cười ra nước mắt chốn hậu trường</i> , Nxb Văn Hóa - Văn Nghệ - Nguyễn Văn Hùng (2020), <i>Những thế giới song hành: từ truyền ngôn đến điện ảnh</i> , Nxb. ĐH Huế
43	Nghị vụ biên tập và xuất bản	- Nguyễn Quang Hoà, <i>Biên tập báo chí</i> , NXB Thông tin và Truyền thông, 2021.
44	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	-Trần Hữu Luyện (2015), <i>Mạng xã hội với sinh viên</i> , NXB Đại học quốc gia.

Stt	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
		-Philip Kotler, Hermawan Kartajaya, Iwan Setiawan (2021), <i>Marketing 5.0 (Technology for Humanity)</i> . NXB John Wiley & Sons In.
45	Truyền thông số	Đỗ Thị Thu Hằng (chủ biên), <i>Giáo trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng</i> , H.: Thông tin và Truyền thông, 2022.
46	Báo in và báo trực tuyến	Nguyễn Thị Trường Giang (2020), <i>Giáo trình tác phẩm báo mang điện tử</i> , NXB. Thông tin và Truyền thông.
47	Các thể loại báo chí	- Bài giảng của giảng viên phụ trách học phần - Tài liệu bài giảng PowerPoint của giảng viên biên soạn
48	Phòng vấn và trả lời phỏng vấn	- Sally Adams và Wynford Hicks, <i>Kỹ năng phỏng vấn dành cho các nhà báo</i> , NXB TT, 2007.
49	Viết bài PR và thông cáo báo chí	Đinh Thị Thúy Hằng, <i>Viết cho PR: dành cho những người làm truyền thông chuyên nghiệp</i> . NXB Thông tin và truyền thông, 2022
50	Phân tích nội dung truyền thông	Đỗ Thị Thu Hằng (chủ biên), <i>Giáo trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng</i> , NXB Thông tin và Truyền thông, 2022
51	Quản trị sự kiện	Nguyễn Thị Mỹ Thanh (2015), <i>Tổ chức sự kiện và lễ hội</i> , NXB Lao động – Xã hội.
52	Thể hiện ý tưởng	- Vương Dương, Nguyễn Đức Thanh, <i>Ý tưởng sáng tạo nâng cao hiệu quả kế hoạch / NXB. Lao động - Xã hội.</i>
53	Phát ngôn viên tổ chức	1. William Essex, <i>Đề báo giới trích dẫn lời ban</i> , NXB Thái Hà.
54	Kỹ năng xin tài trợ	- Bảo trợ xã hội: báo cáo chung của các nhà tài trợ tại hội nghị tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam.
55	Tiếp thị sự kiện	Đinh Công Tiến, <i>Tiếp thị bằng quan hệ công chúng</i> , NXB Thống kê.

Stt	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc
56	TTTN Quan hệ công chúng	Đinh Thị Thủy Hằng (2022), <i>Viết cho PR: dành cho những người làm truyền thông chuyên nghiệp</i> , NXB Thông tin và truyền thông.
57	KLTN Quan hệ công chúng	Đinh Thủy Hằng, PR – Lý luận & Ứng dụng, NXB. Lao động – Xã hội, 2017
58	Nghiên cứu thị trường	Giáo trình nghiên cứu thị trường, Nguyễn Đình Thọ - Nguyễn Thị Mai Trang, NXB Lao Động, 2015.
59	Trình bày sản phẩm truyền thông	- Đỗ Thị Thu Hằng (chủ biên), Giáo trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng, H.: Thông tin và Truyền thông, 2022.
60	Truyền thông doanh nghiệp	- Annabel Dunstan, Imogen Osborne; Cao Yến Nhi dịch, <i>Truyền thông nội bộ: linh hồn của doanh nghiệp</i> - <i>The people business how ten leaders drive engagement through internal communications</i> , NXB Thế giới, 2022
61	Quản trị quan hệ khách hàng	Trương Đình Chiến và Nguyễn Hoài Long (2023), <i>Quản trị quan hệ khách hàng</i> , Nhà xuất bản đại học Kinh tế Quốc dân.

12.2. Tài liệu tham khảo:

Stt	Tên học phần	Tài liệu tham khảo
1	Triết học Mac - Lênin	1. PGS.TS. Đặng Quang Định (chủ biên). <i>Triết học Mac - Lênin trong nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. 2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, các bộ môn khoa học Mac - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. <i>Giáo trình triết học Mac - Lênin</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, 2010.
2	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, các bộ môn khoa học Mac - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mac - Lênin</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, 2010.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, các bộ môn khoa học Mac - Lênin, Tư

Stt	Tên học phần	Tài liệu tham khảo
		tướng Hồ Chí Minh. <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, 2010.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, 2016.
6	Pháp luật đại cương	- Hiến pháp Việt Nam năm 2013. - Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2019) - Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. - Bộ luật Dân sự năm 2015. - Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) - Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) - Bộ luật Lao động năm 2019. - Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024. - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
7	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	[1] Ralph Stair, George Reynolds (2021). <i>Principles of Information Systems</i>, 14th Edition, Cengage Learning. [2] Joan Lambert (2022). <i>Microsoft Office Specialist Study Guide (Office 2019/365)</i>, Microsoft Press. [3] Brian K. Williams, Stacey C. Sawyer (2023). <i>Using Information Technology: A Practical</i>

Stt	Tên học phần	Tài liệu tham khảo
		Introduction to Computers & Communications, 12th Edition, McGraw-Hill Education.
8	Tiếng Anh giao tiếp 1	Jenny, D. (2021). New Interprise. Student's Book. Level A2. Express Publishing. ISBN 978-1-4715-6967-8. Hughes J., Stephenson, H., & Dummett, P. (2017). <i>Grammar Practice Worksheets</i>, 2nd Edition. National Geographic Learning, Cengage Learning. (Unit 7 – Unit 12). Retrieved at www.ngl.cengage.com
9	Tiếng Anh giao tiếp 2	Jenny, D. (2021). New Interprise. Student's Book. Level A2. Express Publishing. ISBN 978-1-4715-6967-8. Hughes J., Stephenson, H., & Dummett, P. (2017). <i>Grammar Practice Worksheets</i>, 2nd Edition. National Geographic Learning, Cengage Learning. (Unit 7 – Unit 12). Retrieved at www.ngl.cengage.com
10	Môi trường và con người	- Bộ Tài nguyên và Môi trường. (n.d.). Trang chính thức Bộ Tài nguyên và Môi trường. http://www.monre.gov.vn - Our World in Data (n.d.). Environmental impact. https://ourworldindata.org/environmental-impacts - Tạp chí Môi trường. (n.d.). Tạp chí Môi trường. https://tapchimoitruong.vn - World Resources Institute (n.d.). World Resources Institute. https://www.wri.org - World Wildlife Fund. (n.d.). WWF - The Global Conservation Organization. https://www.panda.org
11	Tinh thần khởi nghiệp	1. Cẩm nang kinh doanh Harvard, NXB Tổng hợp TP, Hồ Chí Minh. 2. Cổng thông tin hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia: https://startup.gov.vn/

Stt	Tên học phần	Tài liệu tham khảo
		3. Tập bài giảng Tinh thần khởi nghiệp, Trường Đại học Văn Hiến.
12	Marketing căn bản	-Đinh Tiên Minh, Quách Thị Bửu Châu & nhóm biên soạn, Marketing căn bản, NXB Lao động, 2020. - Vũ Thị Tuyết, Giáo trình Marketing căn bản, Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2020. - Nguyễn Hoài Nam, Nguyễn Thanh Bình, Giáo trình Marketing căn bản, NXB Lao Động, 2022.
13	Văn hiến Việt Nam	- Trần Quốc Vượng (chủ biên), <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>, Nxb. Giáo dục, 2020 - Ngô Đức Thịnh, <i>Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam</i>, Nxb. Tri Thức, 2025
14	Các vấn đề xã hội đương đại	- Mai Huy Bích, Xã hội học Gia đình, NXB Khoa học xã hội. - Vũ Tuấn Huy (chủ biên), Xu hướng gia đình ngày nay, NXB Khoa học xã hội. - Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh, Bình đẳng giới ở VN: Phân tích số liệu điều tra. Viện Gia đình và Giới. - World Health Organisation (WHO): www.who.or
15	Phương pháp học đại học	Vũ Cao Đàm (2012), <i>Giáo trình phương pháp luận NCKH</i>, NXB Giáo dục Việt Nam. Đỗ Linh-Lê Văn (TS. Dương Ngọc Dũng hiệu đính) (2006), <i>Phương pháp học tập hiệu quả</i>, NXB Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.
16	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	- Nguyễn Thị Ly Kha, <i>Dùng từ, viết câu và soạn thảo văn bản</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2013. - Nguyễn Minh Thuyết & Nguyễn Minh Hiệp, <i>Tiếng Việt thực Hành</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.

Stt	Tên học phần	Tài liệu tham khảo
		- Bùi Minh Toán, Lê A & Đỗ Việt Hùng, <i>Tiếng Việt thực hành</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2012.
17	Quản trị sự thay đổi	-Robert Heller, <i>Cẩm Nang Quản Lý Hiệu Quả - Quản Lý Sự Thay Đổi</i> , NXB tổng hợp TP.HCM, 2020. -Trường Kinh doanh Harvard (Trần Thị Bích Nga, Phạm Ngọc Sáu dịch), <i>Quản lý sự thay đổi và chuyển tiếp</i> , TP.HCM: Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM, 2013.
18	Tâm lý học đại cương	1. Trần Tuấn Lộ, giáo trình Tâm lý học đại cương, Nxb. Đại học quốc gia thành phố HCM, 2016 2. David Myers, Nathan DeWall, <i>Psychology</i> , 12th Ed., Worth Publishers, 2018. 3. James W. Kalat, <i>Introduction to Psychology</i> , 12th Ed., Cengage, 2022.
19	Giao tiếp đa văn hóa	1 Nguyễn Văn Đồng, <i>Tâm lý học giao tiếp</i> , NXB Chính trị Hành Chính, 2009. 2. Nguyễn Văn Lê, <i>Giao tiếp phi ngôn ngữ</i> , NXB Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 1996. 3. Peter E. Friedes. David H. Maister. - Dịch giả: Khánh Vân, <i>Giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh</i> , NXB Thanh Niên, 2012. 4. Nguyễn Hữu Đạt, <i>Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt</i> , NXB Giáo dục Việt Nam, 2009. 5. Ithen, Gary, (Phạm Thị Thiên Tứ biên dịch), <i>Phong cách Mỹ cẩm nang dành cho doanh nhân, du học sinh, khách du lịch</i> , NXB Văn Nghệ TPHCM, 2006. 6. Nguyễn Văn Nhiên, <i>Những điều cấm kỵ trong văn hóa khu vực Châu Âu</i> , NXB Quân Đội nhân dân, 2010. 7. Nguyễn Trường Tân, <i>Tìm hiểu văn hóa Nhật Bản</i> , NXB Văn hóa thông tin, 2010.

Slt	Tên học phần	Tài liệu tham khảo
		8.Hữu Ngọc, <i>Phác thảo chân dung văn hóa Pháp</i>, NXB Văn Nghệ TP HCM, 2006. 9.ohn C. Condon & Tomoko Masumoto, <i>Văn hóa làm việc với người Nhật</i>, NXB Lao Động, 2015. 10.Hiến Văn - Nguyễn Anh Dũng, <i>Hàn Quốc đất nước con người</i>, NXB Thời Đại, 2011. 10 Phạm Khang, Lê Minh, <i>Tìm hiểu văn hóa Trung Hoa</i>, NXB Văn hóa thông tin, 2010. 11.Tham khảo website: http://www.kynang.edu.vn/ky-nang-mem
20	Kỹ năng hành chính văn phòng	-Nguyễn Văn Bằng, <i>Giáo trình Quản trị hành chính văn phòng</i>, NXB Xây dựng, năm 2021. -Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An, <i>Quản trị hành chính văn phòng</i>, NXB Thống kê, 2009. -Nguyễn Hữ Thân, <i>Quản trị hành chính văn phòng</i>, NXB Lao động – Xã hội, 2012.
21	Trải nghiệm ngành, nghề	Đinh Thúy Hằng, PR – Lý luận & Ứng dụng, NXB. Lao động – Xã hội, 2012; Wilcox Dennis & Cameron Glen, 2008, Public Relations: Strategies and Tactics, 9th ed, Pearson Education, Boston Việt Hoa, Đường vào nghề PR, NXB Trẻ TP HCM, 2007 Claudia Mast, Truyền thông đại chúng – Những kiến thức cơ bản, Nxb Thông tin, Hà Nội, 2003 Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hoàng, Trần Quang, Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG, Hà Nội, 200
22	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	- Anne Gregory, Sáng tạo chiến dịch PR hiệu quả. NXB. Tổng hợp TP HCM, 2024 - Philip Henslowe, Những bí quyết căn bản để thành công trong PR, NXB Trẻ, TP HCM, 2014.

Stt	Tên học phần	Tài liệu tham khảo
		- Việt Hoa, Đường vào nghề PR, NXB Trẻ TP HCM, 2014.
23	Nhập môn truyền thông đại chúng	Lê Thanh Bình, Truyền thông đại chúng và phát triển xã hội /-H.: Chính trị Quốc gia. Việt Hoa, Đường vào nghề PR, NXB Trẻ TP HCM, 2007.
24	Đạo đức nghề nghiệp PR	- Nguyễn Ngọc Long CB và những người khác, Giáo trình đạo đức học, -H.: Chính trị quốc gia. - Thích Chân Quang, Tâm lý đạo đức , -H.: Tôn giáo
25	Điều tra xã hội học	- Lê Minh Tiến, Phương pháp thống kê trong nghiên cứu xã hội, Nxb Trẻ. - Đào Hữu Hồ, Giáo trình thống kê xã hội học, Nxb Giáo dục Việt Nam.
26	Pháp luật về truyền thông	- háp luật đạo đức báo chí. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật 2022. - háp luật về xuất bản. TS. Nguyễn Thị Trường Giang. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật 2022.
27	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	-Hồ Thị Hồng Hà. (2018). <i>Giáo trình văn học ứng dụng dành cho ngành Quan hệ công chúng</i> . Tp.HCM: Đại học Quốc gia Tp.HCM.
28	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	Hoàng Tuấn, Hiểu và ứng dụng PR cho doanh nghiệp, NXB Thanh niên. Philip Henslowe, Những bí quyết căn bản để thành công trong PR. NXB Trẻ
29	Quảng cáo	1. Trần Thị Hòa, Nguyễn Thị Lê Hoa, tập bài giảng quản trị thương hiệu, Tài liệu lưu hành nội bộ. 2. Trương Đình Chiến ch.b, Quản trị thương hiệu hàng hóa /-H.: Thống kê.

Sst	Tên học phần	Tài liệu tham khảo
30	PR nội bộ và PR cộng đồng	Phạm Thị Hương, Tập bài giảng Viết và biên tập tin, Tài liệu lưu hành nội bộ
31	Xây dựng và quản trị thương hiệu	Đỗ Đình Tấn, Báo chí và mạng xã hội, Tp. Hồ Chí Minh.
32	Viết và biên tập tin	Ban biên dịch G.B.S, Nguyễn Văn Quý hiệu đính, Kỹ năng thương lượng/-Tp.HCM· Tổng hợp , 2018.
33	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	Hà Thị Ngọc Oanh, Kinh tế đối ngoại những nguyên lý và vận dụng tại Việt Nam: giáo trình dùng cho sinh viên khối các trường kinh tế; ngoại giao và nhà quản lý, -H.: Lao động xã hội.
34	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	Nhật An, Đường vào nghề phát thanh truyền hình, Tp.HCM, NXB Trẻ.
35	Nghiệp vụ ngoại giao	Nhật An, Đường vào nghề phát thanh truyền hình, Tp.HCM, NXB Trẻ.
36	Sản xuất chương trình phát thanh	Phan Thị Bích Nguyệt, Lê Đạt Chí, Phân tích kỹ thuật hoạch định chiến lược giao dịch/-Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh: Kinh tế.
37	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	Marie McLisky, Public Relations in Higher Education Studies, Gearnnet Education.
38	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	Ảnh nghệ thuật Việt Nam ngày nay, Hội nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam.-Tp. HCM
39	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	Trung Minh, Xử lý sự cố và sửa chữa máy audio video cassette, H.: Giao thông vận tải.
40	Nghệ thuật nhiếp ảnh	Nguyễn Thành Lợi, Tác nghiệp báo chí trong môi trường truyền thông hiện đại, H.: Thông tin và Truyền thông.
41	Kỹ thuật Audio Video	Nguyễn Quang Hoài, Biên tập báo chí, NXB Thông tin và Truyền thông. Văn bản pháp quy về báo chí-xuất bản, NXB Chính trị quốc gia.

Stt	Tên học phần	Tài liệu tham khảo
42	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	Trần Hữu Luyện, Mạng xã hội với sinh viên, NXB Đại học quốc gia.
43	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	Nguyễn Văn Dũng (ch.b.), Đỗ Thị Thu Hằng, Truyền thông - Lý thuyết và kỹ năng cơ bản/-H.: Thông tin và Truyền thông, 2018.
44	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	1. Nguyễn Quang Hoài, Biên tập báo chí, -H.: Thông tin và Truyền thông, 2018. 2. Đỗ Quang Hưng chủ biên, Lịch sử báo chí Việt Nam 1865-1945, H. Khoa học xã hội, 2018
45	Truyền thông số	1. Đinh Văn Hường, các thể loại báo chí thông tấn, -H.: Đại học quốc gia. 2. Nguyễn Văn Hà, Giáo trình cơ sở lý luận báo chí, Tp.HCM: Đại học quốc gia.
46	Báo in và báo trực tuyến	Alpha Book2, Vượt qua thử thách trong phòng văn tuyển dụng, -H.: Lao động-Xã hội.
47	Các thể loại báo chí	1. Nguyễn Quang Hoài, Biên tập báo chí, -H.: Thông tin và Truyền thông. 2. Đỗ Quý Doãn, Quản lý và phát triển thông tin báo chí ở Việt Nam, -H.: Thông tin và Truyền thông.
48	Phòng vấn và trả lời phỏng vấn	Lê Ngọc Sơn dịch, Bốn học thuyết truyền thông, NXB Tri Thức, 2018.
49	Viết bài PR và thông cáo báo chí	1. Nguyễn Thị Mỹ Thanh, Sử Ngọc Diệp, Giáo trình quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội, -H.: Lao động - Xã hội. 2. Lưu Văn Nghiêm Ch.b; Dương Hoài Bắc, Tổ chức sự kiện /-H.: Kinh tế quốc dân.
50	Phân tích nội dung truyền thông	1. Vương Dương, Nguyễn Đức Thanh, Ý tưởng sáng tạo nâng cao hiệu quả kế hoạch / dịch, -H.: Lao động - xã hội. 2. Jim Blythe, Mạc Tú Anh - Hoàng Dương dịch, 100 ý tưởng PR tuyệt hay từ những công ty hàng đầu trên khắp thế giới. -Tp.HCM: Trẻ, 2019.

Stt	Tên học phần	Tài liệu tham khảo
51	Quản trị sự kiện	William Essex, Đề báo giới trích dẫn lời bạn, William Essex, NXB Thái Hà.
52	Thể hiện ý tưởng	1. Bảo trợ xã hội: báo cáo chung của các nhà tài trợ tại hội nghị tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam. 2. Thanh toán Quốc tế trong ngoại thương: Tài trợ thương mại Quốc tế, NXB Thống kê.
53	Phát ngôn viên tổ chức	1. Đinh Công Tiến, Tiếp thị bằng quan hệ công chúng, NXB Thống kê. 2. Christopher Vollmer, Geofferey Precourt; Hải Lý dịch, Tương lai của quảng cáo và tiếp thị: thế giới luôn luôn cập nhật quảng cáo, tiếp thị và truyền thông trong kỷ nguyên phục vụ khách hàng, NXB Thời đại.
54	Kỹ năng xin tài trợ	1. Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang, Giáo trình nghiên cứu thị trường, Tp.HCM: Đại học kinh tế, 2018. 2. Lã Kiến Hoa, Cao Thụy Minh; Nguyễn Đức Thanh dịch, Phương pháp quản lý hiệu quả tiêu thụ: điều tra nghiên cứu thị trường xây dựng đội ngũ tiêu thụ hiệu quả, NXB Lao động xã hội.
55	Tiếp thị sự kiện	Fred S. Siebert, Theodore Peterson, Wilbur Schramm; Lê Ngọc Sơn dịch, Bốn học thuyết truyền thông: Thuyết Độc đoán, thuyết Tự do, thuyết Trách nhiệm xã hội, thuyết Toàn trị Xô Viết. Những quan điểm về báo chí nên trở thành như thế nào và nên làm gì, NXB Tri thức.
56	TTTN Quan hệ công chúng	Lưu Văn NghiêM, Quản trị quan hệ công chúng, NXB Kinh tế quốc dân.
57	KLTN Quan hệ công chúng	-Wilcox Dennis & Cameron Glen, 2008, Public Relations: Strategies and Tactics, 9th ed, Pearson Education, Boston -Việt Hoa, Đường vào nghề PR, NXB Trẻ TPHCM, 2007 -Claudia Mast, Truyền thông đại chúng – Những kiến thức cơ bản, Nxb Thông tin, Hà Nội, 2003

Stt	Tên học phần	Tài liệu tham khảo
		- Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hương, Trần Quang, Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG, Hà Nội, 2005 - Các tài liệu tham khảo khác liên quan đến nội dung đề tài khóa luận của sinh viên. - Claudia Mast, Truyền thông đại chúng – Những kiến thức cơ bản, Nxb Thông tin, Hà Nội, 2003 - Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hương, Trần Quang, Cơ sở lý luận báo chí truyền thông, Nxb ĐHQG, Hà Nội, 2005 Các tài liệu tham khảo khác liên quan đến nội dung đề tài khóa luận của sinh viên.
58	Nghiên cứu thị trường	Quản lý sự thay đổi và chuyển tiếp – NXB Tổng hợp TP. HCM. 2015.
59	Trình bày sản phẩm truyền thông	- Quản lý sự thay đổi và chuyển tiếp – NXB Tổng hợp TP. HCM, 2015. - Nguyễn Văn Dũng, Truyền thông. Lý thuyết và kỹ năng cơ bản, NXB Lao Động, 2018
60	Truyền thông doanh nghiệp	- Quản lý sự thay đổi và chuyển tiếp – NXB Tổng hợp TP. HCM. 2015.
61	Quản trị quan hệ khách hàng	V. Kumar, W. Reinartz, (2018) Customer Relationship Management- Concept, Strategy and Tools, Third Edition, Springer, USA.

Thời điểm điều chỉnh: tháng 5 năm 2025. 

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC 



PGS.TS. Trần Huy Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA: KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO KHÁC**

Ngành đào tạo: Quan hệ công chúng; **Trình độ đào tạo:** Đại học ; **Mã số:** 7320108

Bộ môn quản lý chương trình: Truyền thông

Tên cơ sở đào tạo, quốc gia	Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		Kiến thức không tích lũy		Tổng TC
	Số TC	Tỉ lệ %	Số TC	Tỉ lệ %	Số TC	Tỉ lệ %	
Trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn-ĐHQGHN	50	38,1	81	61,9	11	7,7%	142
Trường Đại học Kinh tế - Quốc dân	44	34,1	85	65,9	14	9,7%	143
Trường Đại học Gia Định	53	44,1	67	55,9	11	7,8%	140
Trường Đại học Kinh tế - Tài chính	57	43,2	75	56,8	8	5,7	140
Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học	35	25%	105	75%	20	14,2%	160
Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	45	31,3%	84	68,7%	11	7,8%	140
Trường Đại học Birmingham City	31	25,8%	89	74,2	25	17,2%	145
Trường Đại học University of Colorado Denver	35	25,9	100	74,1	40	22,8%	175
Trường Đại học Văn Hiến, Việt Nam	50	32,1%	86	65,7%	11	2,2%	147

BẢNG ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA

Ngành đào tạo: Quan hệ công chúng; Trình độ đào tạo: Đại học; Mã số: 7320108

Bộ môn quản lý chương trình: Truyền thông

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng tương thích
KIẾN THỨC		
1	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi ngành	PLO1: Vận dụng được kiến thức chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội để phân tích các vấn đề quan hệ công chúng trong bối cảnh tổ chức và xã hội. PLO2: Phân tích được lý thuyết truyền thông, hệ thống truyền thông, hành vi công chúng và quan hệ với các bên liên quan trong bối cảnh nghề nghiệp quan hệ công chúng. PLO3: Đánh giá được chiến lược truyền thông, nội dung truyền thông, hoạt động quan hệ công chúng và phản hồi của các bên liên quan trong môi trường tổ chức.
2	Kiến thức cơ bản về KHXH, chính trị, pháp luật	PLO1: Vận dụng được kiến thức chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội để phân tích các vấn đề quan hệ công chúng trong bối cảnh tổ chức và xã hội.

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng trương thích
		PLO8: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, ý thức pháp luật, trách nhiệm xã hội, tính minh bạch, sự tôn trọng các bên liên quan và trách nhiệm giải trình trong hoạt động quan hệ công chúng.
		PLO5: Sản xuất được sản phẩm truyền thông và quan hệ công chúng trên nhiều nền tảng và định dạng nhằm đáp ứng mục tiêu truyền thông của tổ chức.
3	Kiến thức về CNTT đáp ứng yêu cầu công việc	PLO6: Triển khai và điều phối được kế hoạch truyền thông, chương trình quan hệ công chúng và sự kiện bằng công cụ số, dữ liệu truyền thông, nền tảng truyền thông và tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương để giao tiếp nghề nghiệp và phối hợp công việc trong lĩnh vực quan hệ công chúng
		PLO4: Thiết kế được chiến dịch quan hệ công chúng tích hợp, kế hoạch truyền thông và giải pháp truyền thông gắn với sự kiện trong các bối cảnh tổ chức đa dạng.
4	Kiến thức lập kế hoạch, tổ chức, giám sát	PLO6: Triển khai và điều phối được kế hoạch truyền thông, chương trình quan hệ công chúng và sự kiện bằng công cụ số, dữ liệu truyền thông, nền tảng truyền thông và tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương để giao tiếp nghề nghiệp và phối hợp công việc trong lĩnh vực quan hệ công chúng.
5	Kiến thức quản lý, điều hành	PLO3: Đánh giá được chiến lược truyền thông, nội dung truyền thông, hoạt động quan hệ công chúng và phản hồi của các bên liên quan trong môi trường tổ chức.

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng trương thích
		PLO4: Thiết kế được chiến dịch quan hệ công chúng tích hợp, kế hoạch truyền thông và giải pháp truyền thông gắn với sự kiện trong các bối cảnh tổ chức đa dạng PLO6: Triển khai và điều phối được kế hoạch truyền thông, chương trình quan hệ công chúng và sự kiện bằng công cụ số, dữ liệu truyền thông, nền tảng truyền thông và tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương để giao tiếp nghề nghiệp và phối hợp công việc trong lĩnh vực quan hệ công chúng
		KỸ NĂNG
6	Giải quyết vấn đề phức tạp	PLO3: Đánh giá được chiến lược truyền thông, nội dung truyền thông, hoạt động quan hệ công chúng và phản hồi của các bên liên quan trong môi trường tổ chức. PLO4: Thiết kế được chiến dịch quan hệ công chúng tích hợp, kế hoạch truyền thông và giải pháp truyền thông gắn với sự kiện trong các bối cảnh tổ chức đa dạng. PLO6: Triển khai và điều phối được kế hoạch truyền thông, chương trình quan hệ công chúng và sự kiện bằng công cụ số, dữ liệu truyền thông, nền tảng truyền thông và tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương để giao tiếp nghề nghiệp và phối hợp công việc trong lĩnh vực quan hệ công chúng

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng tương thích
7	Dẫn dắt, khởi nghiệp	PLO4: Thiết kế được chiến dịch quan hệ công chúng tích hợp, kế hoạch truyền thông và giải pháp truyền thông gắn với sự kiện trong các bối cảnh tổ chức đa dạng. PLO6: Triển khai và điều phối được kế hoạch truyền thông, chương trình quan hệ công chúng và sự kiện bằng công cụ số, dữ liệu truyền thông, nền tảng truyền thông và tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương để giao tiếp nghề nghiệp và phối hợp công việc trong lĩnh vực quan hệ công chúng. PLO7: Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan, nhóm làm việc, cộng đồng, báo chí, đối tác và khách hàng trong môi trường quan hệ công chúng chuyên nghiệp và đa văn hóa.
8	Phản biện, phê phán	PLO2: Phân tích được lý thuyết truyền thông, hệ thống truyền thông, hành vi công chúng và quan hệ với các bên liên quan trong bối cảnh nghề nghiệp quan hệ công chúng. PLO3: Đánh giá được chiến lược truyền thông, nội dung truyền thông, hoạt động quan hệ công chúng và phản hồi của các bên liên quan trong môi trường tổ chức.
9	Đánh giá chất lượng công việc	PLO3: Đánh giá được chiến lược truyền thông, nội dung truyền thông, hoạt động quan hệ công chúng và phản hồi của các bên liên quan trong môi trường tổ chức. PLO6: Triển khai và điều phối được kế hoạch truyền thông, chương trình quan hệ công chúng và sự kiện bằng công cụ số, dữ liệu truyền thông, nền

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng trường thích
		tăng truyền thông và tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương để giao tiếp nghề nghiệp và phối hợp công việc trong lĩnh vực quan hệ công chúng.
10	Truyền đạt vấn đề và giải pháp	PLO5: Sản xuất được sản phẩm truyền thông và quan hệ công chúng trên nhiều nền tảng và định dạng nhằm đáp ứng mục tiêu truyền thông của tổ chức. PLO6: Triển khai và điều phối được kế hoạch truyền thông, chương trình quan hệ công chúng và sự kiện bằng công cụ số, dữ liệu truyền thông, nền tảng truyền thông và tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương để giao tiếp nghề nghiệp và phối hợp công việc trong lĩnh vực quan hệ công chúng. PLO7: Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan, nhóm làm việc, cộng đồng, báo chí, đối tác và khách hàng trong môi trường quan hệ công chúng chuyên nghiệp và đa văn hóa.
11	Năng lực ngoại ngữ	PLO6: Triển khai và điều phối được kế hoạch truyền thông, chương trình quan hệ công chúng và sự kiện bằng công cụ số, dữ liệu truyền thông, nền tảng truyền thông và tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương để giao tiếp nghề nghiệp và phối hợp công việc trong lĩnh vực quan hệ công chúng.
	TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng tương thích
12	Làm việc độc lập và nhóm	PLO7: Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan, nhóm làm việc, cộng đồng, báo chí, đối tác và khách hàng trong môi trường quan hệ công chúng chuyên nghiệp và đa văn hóa. PLO8: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, ý thức pháp luật, trách nhiệm xã hội, tính minh bạch, sự tôn trọng các bên liên quan và trách nhiệm giải trình trong hoạt động quan hệ công chúng.
13	Hướng dẫn, giám sát người khác	PLO6: Triển khai và điều phối được kế hoạch truyền thông, chương trình quan hệ công chúng và sự kiện bằng công cụ số, dữ liệu truyền thông, nền tảng truyền thông và tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương để giao tiếp nghề nghiệp và phối hợp công việc trong lĩnh vực quan hệ công chúng PLO7: Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan, nhóm làm việc, cộng đồng, báo chí, đối tác và khách hàng trong môi trường quan hệ công chúng chuyên nghiệp và đa văn hóa.
14	Tự định hướng, bảo vệ quan điểm	PLO3: Đánh giá được chiến lược truyền thông, nội dung truyền thông, hoạt động quan hệ công chúng và phản hồi của các bên liên quan trong môi trường tổ chức PLO8: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, ý thức pháp luật, trách nhiệm xã hội, tính minh bạch, sự tôn trọng các bên liên quan và trách nhiệm giải trình trong hoạt động quan hệ công chúng.

STT	Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng tương thích
15	Lập kế hoạch, quản lý nguồn lực	PLO4: Thiết kế được chiến dịch quan hệ công chúng tích hợp, kế hoạch truyền thông và giải pháp truyền thông gắn với sự kiện trong các bối cảnh tổ chức đa dạng. PLO6: Triển khai và điều phối được kế hoạch truyền thông, chương trình quan hệ công chúng và sự kiện bằng công cụ số, dữ liệu truyền thông, nền tảng truyền thông và tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương để giao tiếp nghề nghiệp và phối hợp công việc trong lĩnh vực quan hệ công chúng.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA: KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN – CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC KỲ

Ngành đào tạo: Quan hệ công chúng; Trình độ đào tạo: Đại học ; Mã số: 7320108

Bộ môn quản lý chương trình: Truyền thông

STT			Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO							
					Kiến thức				Kỹ năng		Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
Học kỳ 1												
1	LAW101	Pháp luật đại cương	I									I
2	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp					I					I
3	SKL101	Phương pháp học đại học										I
4	PUR303	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	R				I					I
5	PUR302	Trải nghiệm ngành, nghề	I	I							I	I
Học kỳ 2												
1	POL105	Triết học Mác-Lenin	I									I
2	SOS102	Văn hiến Việt Nam	R								I	

		CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
STT	Mã HP	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng			Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	
1	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	I							I	
2	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2						R			
3	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	R	I						R	
4	PUR307	Điều tra xã hội học	R	R							
5	MAR403	Quảng cáo			R	R	R	I			
6	PUR406	PR nội bộ và PR cộng đồng		R		R		R	R	R	
7	PUR425	Viết và biên tập tin					R	R		R	
8	PUR437	Nghiệp vụ ngoại giao	R					R	R		
9		Giáo dục thể chất 3									
Học kỳ 5											
1	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	I							I	
2	PUR422	Xây dựng và quản trị thương hiệu			R	R	R				
3	PUR434	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán						R	M	R	
4	PUR447	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR			M	M		M		R	
5	PUR429	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông			M	R		R	R	M	
6	MMC406	Nghệ thuật nhiếp ảnh					R			R	
7	MMC418	Kỹ năng tác nghiệp báo chí		R	R	R	R			R	
8	MMC411	Sản xuất chương trình phát thanh					R	R	R		

		Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO							
STT	Mã HP		Kiến thức			Kỹ năng		Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
Học kỳ 6										
1	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	I							I
2	MMC307	Truyền thông số		M	R			R	M	
3	MMC401	Makerting kỹ thuật số và mạng xã hội			M	R		R	M	
4	MMC407	Kỹ thuật Audio Video						R	R	
5	MMC412	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình						R	R	
6	LIT435	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản						R	R	R
7	PUR311	Báo cáo chuyên đề thực tiễn		R	I				R	R
Học kỳ 7										
1	PUR427	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng							M	
2	PUR491	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng		R				R	R	R
Chuyên ngành 1: Truyền thông và sáng tạo nội dung										
3	PUR423	Báo in và báo trực tuyến						M	R	R
4	PUR433	Các thể loại báo chí			R			M		
5	PUR444	Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn						M	R	R
6	PUR415	Viết bài PR và thông cáo báo chí			R			M	M	R

STT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO							
			Kiến thức				Kỹ năng		Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
7	PUR449	Phân tích nội dung truyền thông		M	M			R		R
Chuyên ngành 2: Tổ chức sự kiện										
3	TRA312	Quản trị sự kiện				M		M	R	R
4	PUR430	Thể hiện ý tưởng				R	R	R	R	
5	PUR432	Phát ngôn viên tổ chức			R			R	M	R
6	PUR436	Kỹ năng xin tài trợ						R	M	R
7	PUR443	Tiếp thị sự kiện			R	M	R	M		
Học kỳ 8										
1	PUR520	TTTN Quan hệ công chúng	M	M	M	M	M	M	M	M
2	PUR521	KLTN Quan hệ công chúng	M	M	M	M	M	M	M	M
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp										
	PUR439	Nghiên cứu thị trường	R	M	M			R		
	PUR490	Trình bày sản phẩm truyền thông					M	M	R	
	PUR441	Truyền thông doanh nghiệp			M	M		M	R	M
	MAN413	Quản trị quan hệ khách hàng	R		R			R	M	

Mã trận mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được xây dựng theo tiến trình học tập của sinh viên qua từng học kỳ, nhằm thể hiện rõ mức độ đóng góp của từng học phần đối với việc hình thành, củng cố và làm chủ các chuẩn đầu ra

của chương trình. Trong đó, I (Introduce) thể hiện mức độ giới thiệu, R (Reinforce) thể hiện mức độ củng cố và phát triển, còn M (Mastery) thể hiện mức độ làm chủ và tích hợp năng lực. Cách sắp xếp theo học kỳ giúp làm rõ tính liên thông, kế thừa và phát triển của chuẩn đầu ra trong toàn bộ lộ trình đào tạo.

Mà trận cho thấy các chuẩn đầu ra của ngành Quan hệ Công chúng được triển khai theo lộ trình tăng tiến từ nền tảng đến chuyên sâu, từ các học phần đại cương và cơ sở ngành ở giai đoạn đầu đến các học phần chuyên ngành, thực tập và đồ án ở giai đoạn cuối. Điều này bảo đảm tính logic của CTĐT, đồng thời phân anh rõ chiến lược phát triển năng lực nghề nghiệp của người học theo từng học kỳ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

KHOA: KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢNG ĐỐI SÁNH CTĐT HIỆN HÀNH VÀ CTĐT SAU RÀ SOÁT, CẢI TIẾN**

Ngành đào tạo: Quan hệ công chúng; Trình độ đào tạo: Đại học; Mã số: 7320108

Bộ môn quản lý chương trình: Truyền thông

STT	Tên học phần CTĐT hiện hành	Số tín chỉ	Nội dung thay đổi/ thay thế trong CTĐT mới	Lý do thay đổi/thay thế	Ghi chú
1	PR nội bộ và PR cộng đồng	3	Tăng từ 2 TC – 3TC	Tăng số tín chỉ vì là học phần chuyên ngành, phù hợp với tính chất học phần và nội dung giảng dạy của đề cương	
2	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	3	Tăng từ 2 TC – 3TC	Tăng số tín chỉ vì là học phần chuyên ngành, phù hợp với tính chất học phần và nội dung giảng dạy của đề cương	
	Tổng số tín chỉ cập nhật, thay thế	02			
	Tổng số tín chỉ của CTĐT sau rà soát	136			
	Tỷ lệ cập nhật, thay thế	1,47%			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA: KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐỐI SÁNH CTĐT HIỆN HÀNH VÀ CTĐT SAU RÀ SOÁT, CẢI TIẾN

Ngành đào tạo: Quan hệ công chúng, Trình độ đào tạo: Đại học ; Mã số: 7320108

Bộ môn quản lý chương trình: Truyền thông

STT	Mã học phần	Tên học phần	Đơn vị quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
1	POL105	Triết học Mác - Lênin	K.KHXXH&NV	Lý luận chính trị	ThS. Huỳnh Văn Giàu ThS. Đoàn Thị Huệ	
2	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	K.KHXXH&NV	Lý luận chính trị	TS. Nguyễn Hữu Vương ThS. Huỳnh Văn Giàu	
3	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K.KHXXH&NV	Lý luận chính trị	TS. Nguyễn Hữu Vương TS. Dương Đức Hưng	
4	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K.KHXXH&NV	Lý luận chính trị	ThS. Tạ Trần Trọng ThS. Ngô Quang Ty	
5	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	K.KHXXH&NV	Lý luận chính trị	ThS. Tạ Trần Trọng ThS. Ngô Quang Ty	
6	LAW101	Pháp luật đại cương	K.KTTC	Luật	ThS. Chu Mạnh Hiền ThS. Nguyễn Thuận An	
7	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	K.NN	Tiếng Anh	ThS. Đỗ Thị Bích Thủy ThS. Ngô Tấn Hiệp	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Đơn vị quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
8	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	K.NN	Tiếng Anh	ThS. Đỗ Thị Bích Thủy ThS. Ngô Tấn Hiệp	
9	INT201	Đại cương về công nghệ thông tin và truyền thông	K.CNIT	Công nghệ Thông tin	ThS. Huỳnh Thị Châu Ái ThS. Đỗ Đình Trang	
10	NAS101	Môi trường con người	K.Du Lịch	Xã hội học	ThS. Nguyễn Duy Hải TS. Phạm Thị Thanh Hòa	
11	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	K.KTQT	Quản trị	ThS. Mai Lưu Huy ThS. Trần Thị Hoà	
12	BUS102	Quản trị sự thay đổi	K.Du lịch	Quản trị	TS. Lưu Hoàng Giang ThS. Trần Hữu Ái	
13	MAR201	Marketing căn bản	K.KTQT	Quản trị	ThS. Mai Thị Hồng Đào ThS. Phạm Phương Mai	
14	SOS102	Văn hiến Việt Nam	K.Du lịch	Lý luận chính trị	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Trang ThS. Lê Thị Ngọc Thúy	
15	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	K.KHXH&NV	Xã hội học	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy ThS. Trần Thị Thu Vân	
16	SKL101	Phương pháp học đại học	K.KHXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn A Say ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy	
17	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	K.KHXH&NV	Văn học	TS. Huỳnh Thị Mai Trinh ThS. Trương Thị Thúy Hằng	
18	PSY201	Tâm lý học đại cương	K.KHXH&NV	Tâm lý học	ThS. Nguyễn Thị Bích Thủy ThS. Phạm Thị Hồng Thái	
19	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	K.Du lịch	Lý luận chính trị	ThS. Trương Thị Thúy Hằng ThS. Lê Thị Ngọc Thủy	
20	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	K.KHXH&NV	Quản trị	ThS. Trần Huy Cường	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Đơn vị quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
					ThS. Nguyễn Minh Xuân Hương	
21	PUR303	Nhập môn ngành Quan hệ công chúng	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy ThS. Nguyễn Thị Phước	
22	PUR302	Trải nghiệm ngành, nghề	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Phạm Thị Hương ThS. Nguyễn Thị Phước	
23	PUR310	Nhập môn truyền thông đại chúng	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy ThS. Trần Xuân Tiến	
24	PUR306	Đạo đức nghề nghiệp PR	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Huỳnh Thị Mỹ Hằng ThS. Phạm Thị Hương	
25	PUR307	Điều tra xã hội học	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy 2. ThS. Nguyễn Duy Hải	
26	PUR421	Pháp luật về truyền thông	K.KHXXH&NV	Truyền thông	TS. Phạm Quốc Hưng ThS. Trần Xuân Tiến	
27	PUR311	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Trần Xuân Tiến 2. ThS. Nguyễn Thị Phước	
28	PUR491	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn Thị Thu Thảo ThS. Trần Thị Lợi	
29	MAR403	Quảng cáo	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn Thị Thu Thảo ThS. Lê Thị Nam Phương	
30	PUR406	PR nội bộ và PR cộng đồng	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Trần Xuân Tiến ThS. Mai Thị Hồng Đào	
31	PUR422	Xây dựng và quản trị thương hiệu	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt ThS. Trần Thị Hoa	
32	PUR425	Viết và biên tập tin	K.KHXXH&NV	Truyền thông	TS. Hồ Xuân Mai	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Đơn vị quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
					ThS Phạm Thị Hương	
33	PUR429	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	K.KHXXH&NV	Truyền thông	TS. Hồ Xuân Mai	
34	PUR434	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn Thị Phước	
35	PUR437	Nghiệp vụ ngoại giao	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Trần Thị Xuân	
36	MMC411	Sản xuất chương trình phát thanh	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn Quốc Huy	
37	MMC412	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	K.KHXXH&NV	Truyền thông	TS. Trần Hùng Phương	
38	PUR447	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn Thị Phước	
39	PUR427	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn Linh Có	
40	MMC406	Nghệ thuật nhiếp ảnh	K.KHXXH&NV	Truyền thông	TS. Ao Thu Hoài	
41	MMC407	Kỹ thuật Audio Video	K.KHXXH&NV	Truyền thông	TS. Hồ Xuân Mai	
42	MMC418	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Ngô Thụy Yến Trúc	
43	LIT455	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Đồng Thị Khanh Duyên	
44	MMC401	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Lương Đức Anh	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Đơn vị quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
45	MMC307	Truyền thông số	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Trần Xuân Tiến	
46	PUR423	Báo in và báo trực tuyến	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Huỳnh Thị Mỹ Hằng	
47	PUR433	Các thể loại báo chí	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn Hồng Chi	
48	PUR444	Phóng vấn và trả lời phỏng vấn	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Trần Thị Lợi	
49	PUR415	Viết bài PR và thông cáo báo chí	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Trần Xuân Tiến	
50	PUR449	Phân tích nội dung truyền thông	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn Thị Phước	
51	TRA312	Quản trị sự kiện	K.KHXXH&NV	Truyền thông	TS. Lê Dương Khắc Minh	
52	PUR430	Thế hiện ý tưởng	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn Linh Có	
53	PUR432	Phát ngôn viên tổ chức	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Trần Đình Huy	
54	PUR436	Kỹ năng xin tài trợ	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn Công Thanh Dung	
55	PUR443	Tiếp thị sự kiện	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thủy	
56	PUR520	TTTN Quan hệ công chúng	K.KHXXH&NV	Truyền thông	TS. Trần Hùng Phương	
57	PUR521	KLTN Quan hệ công chúng	K.KHXXH&NV	Truyền thông	ThS. Đinh Tiên Hoàng	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Đơn vị quản lý học phần	Bộ môn	Họ và tên GV phụ trách học phần	Ghi chú
					ThS Trần Xuân Tiến	
58	PUR439	Nghiên cứu thị trường	K.KHXH&NV	Truyền thông	ThS. Phan Thị Kim Xuyên ThS. Nguyễn Thị Bưởi	
59	PUR490	Trình bày sản phẩm truyền thông	K.KHXH&NV	Truyền thông	TS. Ao Thu Hoài ThS. Nguyễn Bảo Trang	
60	PUR441	Truyền thông doanh nghiệp	K.KHXH&NV	Truyền thông	TS. Ao Thu Hoài ThS. Phạm Phương Mai	
61	MAN413	Quản trị quan hệ khách hàng	K.KT-QT	Quản trị	ThS. Trần Thanh Quân ThS. Nguyễn Minh Xuân Hương	

